

TY QUẢN - LÝ MỚI Báo - Cáo

CÙNG CÁC BẠN ĐẠI-LÝ VÀ BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề từ nay **PHỒ-THÔNG** được ra đúng mỗi tháng hai kỳ, ngày 1 và ngày 15, Đề sự **phân-phát PHỒ-THÔNG** được đầy đủ khắp các nơi, và các vụ **tiền-nong** được khỏi bị trở ngại, chúng tôi đã tổ chức lại ty Quản-lý, bắt đầu từ số 12

Ông **Đặng-văn-Chả**, chủ nhà sách Nam-Cường, 185 đại lộ Nguyễn-thái-Học, lâu nay đã cộng tác với chúng tôi trong việc tài-chánh và việc phát hành, từ nay không còn ở trong Ban Quản-Lý của **PHỒ-THÔNG** tạp-chí nữa.

Chúng tôi đã đề cử bạn **TRẦN-VĂN-LANG** làm Quản-Lý mới.

Nhà Tổng-Phát-Hành Thống-Nhất vẫn tiếp tục giúp chúng tôi về việc phát hành, ngoài ra không còn một người nào khác làm trung-gian giữa **PHỒ-THÔNG** Tạp-Chí và các Đại-lý

Ban **TRẦN-VĂN-LANG**, Quản-Lý mới, phụ trách về các việc tài chánh, sẽ toàn quyền trực-tiếp với nhà Tổng-Phát-Hành-Thống Nhất và tất cả các Đại-lý các nơi về việc phát-hành tạp-chí **PHỒ-THÔNG**.

Vậy từ nay, quý Bạn đại lý ở Saigon và ở các tỉnh, các quận, nếu thiếu báo bán xin đến trực tiếp, hoặc đánh điện tín, hoặc gửi thư thẳng với Tòa Báo.

Tất cả mọi việc giao-dịch về tiền nong, mua báo, quảng-cáo, đại-lý xin theo đúng tên và địa chỉ sau đây:

O. Trần - văn - Lang
Quản-lý **PHỒ-THÔNG** tạp-chí
283 Gia-Long Saigon.



Các bạn đọc mua dài hạn, hoặc muốn có các số báo thiếu cũng xin gửi thư về Ty Quản-Lý.

PHỒ - THÔNG

PHỒ-THÔNG

TAP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY-DUNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: **NGUYỄN-VỸ**

Quản-lý: **TRẦN-VĂN-LANG**

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



BỘ MỚI SỐ 14 ★ 30.2.1959

	Số trang
1.—Điều kiện phát triển văn hóa V.N. Nguyễn-Vỹ	7— 9
2.— Một ý nghĩ về phê-bình Trần Tường Niệm	10— 12
3.— Thuyền đi (thơ). Trần Tuấn Kiệt	— 13
4.— Ngày lịch-sử Nguyễn Triệu	14— 18
5.— Nhà văn Lan Khai bị thủ tiêu như thế nào? Trần-q-Bảo	19— 21
6.— Một đời người Thiều-Sơn	22— 28
7.— Lại một tối chờ trăng (tùy bút) Nguyễn Chi	29— 30
8.— Một người Pháp làm Vua tại miền núi V.N. Nguyễn-Vỹ	31— 38
9.— Nhạc phai (thơ) Tuyết Linh	— 39
10.— Khoa học xem tướng Trần quốc Bảo	40— 44
11.— Những con vịt cổ trong làng báo V.N. Tế Xuyên	45— 50
12.— 24 giờ đã qua (thơ). Thanh Trúc	— 51

13.— Tôi làm phim	Thái-Thúc-Điền	52 — 57
14.— Từ Tổng Thái Tồ đến Lý Thái Tồ	Minh Kha	58 — 61
15.— Hồ Xuân Hương bị lây chay?	Nguyễn Khắc Thiệu	62 — 69
16.— Vũ Trọng Phụng (thi sĩ văn sĩ tiền chiến)	Nguyễn-Vỹ	70 — 75
17.— Lữ Trọng Lư	Cô Linh Phương	76 — 78
18.— Công Chúa Như-Mai	Cô Bạch-Yến	— 79
19.— Hai chuyện vui : sự vợ	Tân Đà	80 — 81
20.— Chồng tôi có khác (truyện ngắn vui)	Già Hưng Bạc	82 — 86
21.— Gia Chánh	Bà Thường Lạc	— 87
22.— Minh ơi ! Nói tiếp chuyện làm báo	Cô Diệu-Huyền	88 — 95
23.— Có gái điên (chuyện dài)	Vi-huyền-Đắc	96 — 100
24.— Vết son trên má tiểu thư (truyện ngắn)	Nguyễn Vỹ	101 — 106
25.— Những người đôi mươi	Nguyễn-Thu-Minh	107 — 110
26.— Cảm ơn cô X. M. tặng chiếc võng tơ	Nguyễn Vỹ	— 111
27.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	— 112
28.— Kiên Trinh	Cô Vân-Nga	113 — 122
29.— Đáp bạn bốn phương	Bạch-Yến	123 — 130

- ★ Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu Cô Diệu-Huyền
- ★ Bản kẽm Nguyễn-Điêu
- ★ Bìa Offset Vạn-Quốc

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

Điều-kiện

PHÁT-TRIỂN

VĂN-HOÁ VIỆT-NAM

V.— Phát-triển Văn nghệ



TRONG BÀI TRƯỚC, TÔI ĐÃ TRÌNH BÀY CÁC LÝ-DO PHẢI tự- tạo một căn-bản văn-hóa cần-thiết cho cá-nhân của mỗi con người văn-nghệ. Chúng ta muốn phát-triển khả-năng văn-nghệ, đó là một ý muốn xây-dựng rất tốt đẹp, nhưng nếu ta không phát-triển căn-bản văn-hóa thì làm sao phát-triển được khả-năng kia? Căn-bản văn-hóa, tức là vật-liệu xây-dựng, tức là phương-tiện thiết-yếu để phát-triển khả-năng. Tôi thường nghe một số người nói rằng không cần căn-bản văn-hóa cứ hễ có thiên-tài là tự-nhiên có đủ điều-kiện để phát-triển văn-hóa. Thành thực tôi không tin như vậy. Bởi lẽ Thiên-tài không phải là khả-năng. Thiên-tài chỉ là một yếu-tố của khả-năng mà thôi. Một yếu-tố quan trọng trong những yếu-tố khác kết cấu thành khả-năng, chứ không phải một yếu-tố độc-nhút, đầy đủ, để làm thành con người nghệ-sĩ và để phát-triển khả năng văn-nghệ.

Ai cũng phải nhận nhận rằng Học-thuật và Văn-hóa của nước ta thấp kém và nghèo nàn, là tại vì nước ta còn thiếu nhân-tài văn-nghệ. Nhưng tại sao thiếu được, một khi Dân-tộc Việt-Nam

đã sẵn có huyết-thống văn-nghệ từ hai nghìn năm ? — Theo thiên kiến của tôi, là tại vì có sự mâu-thuần rất đáng tiếc sau đây : người có thiên-tài đã ít mà họ lại còn thiếu căn-bản văn-hóa, nghĩa là trí-thức văn-hóa phổ-thông làm nòng-cốt ; trái lại, người có căn-bản văn-hóa thì khá nhiều nhưng lại thiếu thiên-tài.

Loanh-quanh vì hai khuyết-điểm lớn đó mà nhân-tài văn học và học-thuật tư-tưởng của nước ta chẳng có mấy người. Bắt đầu từ khi dân ta biết « làm văn-chương », biết ham-mê văn-học, cho đến nay, nghĩa là trong vòng bảy tám trăm năm, chúng ta có thể đếm trên đốt ngón tay số người Văn-Nghệ-Sĩ mà nay ta còn nhớ tên tuổi. Từ Nguyễn-Thuyên cho đến Trần-Đà, chúng ta không có hơn một trăm nhà Văn-học, và trong số ấy chỉ để lại không hơn vài ba chục tác-phẩm thật có giá-trị. Ấy là những con người Văn-nghệ vừa có căn-bản Văn-hóa : hai yếu tố cần-thiết cấu-tạo ra tư-tưởng và Học-Thuật.

Trái lại, biết bao nhiêu các nhà Nho-sĩ có thừa trí-thức văn-hóa, đỗ đến Tiến-sĩ, Phó-Bạng, mang danh ông Cống, ông Nghè, mà chẳng viết được một bài thơ hay một quyển sách nào, tại vì họ không được đặc-phúc hưởng của Thiên-nhiên một món tài-hoa.

Cũng trên phương-diện nhận-xét khách-quan ấy, chúng ta thương tiếc biết bao những kẻ có thiên-tài sông mà không khai-thác được mấy, không phát-triển được đầy đủ, vì kém căn-bản học-thức. Những kẻ ấy, than ôi, đều mai-một trong hư vô, không có động-cơ mạnh-mẽ của học-vấn thúc đẩy tư-tưởng. Thiên-tài của họ tỷ như những con hạc có thể bay cao mà không đủ lông đủ cánh. Tiếc thay họ làm sao thành được con chim Đại-bàng vượt khỏi mây xanh ?

Trong Lịch-sử học-thuật và Tư-tưởng của các dân-tộc thế-giới, số nhân tài đã xây-dựng những nền Văn-minh rực-rỡ dồi-dào cả về tinh-thần lẫn vật-chất, đều không kể hết. Tại vì ngay từ những kỷ-nguyên thượng cổ, họ đã có hoàn-cảnh rất thuận lợi để xúc tiến sự đào-tạo con người văn-hóa trước khi thành con người Văn-nghệ. Mỗi đến ngày nay, những con người Văn-nghệ của họ đều trước hết là những con người Văn-hóa. Nhờ sự phối-hợp hai yếu-tố thiên-tài và trí-thức, một món là do Thiên-nhiên, một món là do học-vấn, các nhà văn-nghệ-sĩ Thế-giới đã phát xuất ra hàng muôn nghìn ức triệu những sản-phẩm tư-tưởng về tất cả các bộ-môn trí-thức của loài người : Triết-lý, tâm-lý, kịch, thơ, truyện, phê-bình Văn-học, nhạc, họa, điêu-khắc, kiến-trúc, v.v.. Tất cả đều vượt đến một mức rất cao, bao quát một nhãn-tuyến rộng lớn bao la của tâm thông-minh tư-tưởng.



VẬY CHÚNG TA NÊN NHỚ RẰNG VĂN-HÓA không phải chỉ những sản-phẩm của thiên-tài chưa hòa-hợp với trí-thức để đến một mức đạt tới Chân Thiện Mỹ. Nó phải gồm có cả hai yếu tố trên để cấu tạo thành ba hình-thức dưới của Nghệ-Thuật. Không phải món nghệ-thuật còn sơ khai hoặc quá đậm màu sắc cổ truyền của dĩ-vãng, mà là Nghệ-thuật mới, với hình-thức bề ngoài và chất chứa-đựng bên trong được cô-động lại, tế nhị hơn, rắn chắc hơn, tươi đẹp hơn, sáng suốt hơn.

Chúng ta là thế hệ Văn-nghệ-sĩ của Thế-kỷ XX. Đó nghĩa là chúng ta phải vươn lên để theo kịp dấu-hiệu của Thời-đại. Chúng ta là những kẻ trẻ tàu, nhưng không phải vì trẻ mà đành bỏ cuộc, cũng không phải vì trẻ mà chạy bộ theo sau cái đèn đỏ của toa bết.

Chúng ta phải lập-tức phi ngựa theo con đường mòn đầy chướng-trở của dĩ-vãng, chúng ta có công vượt tới đề rồi một thời-gian nào đó chúng ta sẽ bắt kịp chuyến tàu ở ga kế cận.

Cho nên chúng ta phải cố gắng sắm-sửa đầy-đủ, như người ta, các món tiện-nghỉ tri-thức, để khi tay bắt mặt mừng chúng ta khỏi bị khinh-rẻ là những con người chưa trọn vẹn. Chúng ta sẽ hãnh diện là những con người văn-hóa với trình-độ văn-minh tiến bộ không sút kém ai. Chúng ta hãy lo học, lo đọc, lo bồi-bổ khả năng còn thiếu-thốn : ấy là lo phát-triển văn-hóa cho cá-nhân riêng ta. Xong rồi chúng ta mới lo phát-triển văn-hóa chung cho Dân-tộc



BẰNG không, chúng ta chỉ chạy múa như những bóng người giấy chạy quanh trong chiếc đèn kéo quân. Sau một đêm ngây ngất, ngọn lửa nghệ-sĩ trong tim tắt dần, thì không còn gì nữa cả. Chúng ta chỉ sẽ để lại cho Học-thuật và Tư-tưởng Việt-nam những xác giấy rách nát, không hương, không vị, và không một tia sáng.

Chúng ta đừng bắt chước vài kẻ tự-phụ, tự mãn, tưởng ta đây là Văn-nghệ-sĩ của hiện-tại và tương-lai. Hiện tại, họ còn nhảy múa với một đầu-óc rỗng không và nhẹ nhõm, nhưng tương-lai của dân-tộc chỉ đón những tâm hồn có chứa đựng một cái gì.





MỘT Ý NGHĨ về PHÊ BÌNH

★ TRẦN-TƯỜNG-NIỆM

Phê bình gia là một anh què mà lại muốn dạy thiên hạ chạy.

Channing Pollock
(The Green Book)

TRONG lĩnh vực văn học, nghệ thuật, trong vấn đề xây dựng văn hóa, người phê bình là một người có một địa vị rất đặc biệt và công tác phê bình cũng là một công tác rất đặc biệt.

Xưa nay, bàn về phê bình, thiên hạ đã có những ý nghĩ hết sức chua-chát :

Mark Twain, trong cuốn « Tự thuật » đã nói như sau : « Cái nghề phê bình văn thơ nhạc kịch là cái nghề hèn hạ nhất trong tất cả các nghề » ; Disraéli « ...phê bình gia là những người thất bại về văn nghệ » v.v...

Thật ra, những nhận xét trên một phần nào đúng trên thực tế ; một số lớn người làm văn nghệ bị thất bại trong địa hạt sáng tác,

quay ra làm nghề phê bình « dạy cho thiên hạ biết cách đọc, thưởng thức văn chương, nghệ thuật, dạy cho những nhà nghệ thuật sáng tác, làm cha văn nghệ ». Hạng người như trên không hiếm trong bất kỳ thời nào, trong bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Những hạng người trên ít nhiều đều có ảnh hưởng trong vấn đề, nhất là trong những quốc gia và nhân dân trình độ thấp kém, nhận thức sai lệch. Do đó, vấn đề phê - bình là một vấn đề rất quan - hệ.

Trước hết, vấn đề chủ yếu của phê - bình là vấn đề lập trường. Huỳnh thục Kháng phê bình Kiêu là dám thử vì cụ đứng trên lập trường Nho giáo, thanh niên trí thức tiêu tư sản tán thưởng chàng Duy trong

« con Đường Sáng » của Hoàng Đạo là vì họ đứng trên lập trường tư sản, cá nhân chủ nghĩa ban ơn cho quảng đại nhân dân trong một quốc gia nông nghiệp lạc hậu, những người khen Vũ hoàng Chương trong thơ say là vì lập trường của họ là lập trường của một tầng lớp tri thức bế tắc trước một viễn - tượng đen tối... Người phê bình, dù muốn dù không, cũng đã đem chủ quan của mình vào việc phê bình. Người ta thường nói phê bình phải khách quan. Theo chúng tôi nghĩ, không bao giờ có khách quan trong phê bình. Khách quan nghĩa là thế nào ? Khen hay chê, trước hết là khen hay chê nội dung của tác phẩm rồi mới nói đến hình thức nghệ thuật mà khen hay chê nội dung tức là lập trường. Không một nhà nhà đúng theo nghĩa của nó lại không cho rằng Kiêu là dám thử — nghĩa là chê — tuy văn chương của Kiêu là tuyệt - diệu, ngoại trừ Chu - Mạnh - Trinh mà ý thức căn bản không phải là ý thức nho mà là ý thức Lão, Phật cộng thêm khuynh hướng thích hưởng - thụ tự có sẵn trong con người. Vì thế, những người cho rằng phê bình phải khách quan là, hoặc có hoặc không có ý thức, đã nguy hiểm.

Phê bình là đem chủ quan của mình, đem lập trường của mình, ý thức của mình soi vào tác phẩm dựa vào lập trường của mình để nhận định tác phẩm trên toàn diện của nó. Nhà phê bình chân chính là người trước hết phải ý thức được, phải thấy được trước hết hiện trạng của xã hội, hòa mình vào trong đời sống xã hội để thấy được nhu cầu nhân sinh : nhu cầu cơm áo, Tự do Dân chủ,.. Có lập trường đứng đắn chưa đủ, vì nếu không có một trình độ văn hóa nào đó thì làm sao có thể hiểu được văn chương và nghệ thuật để có thể có những nhận xét xác đáng ? Người i tờ có thể hiểu cái hay của một câu Kiều qua cảm quan mà không thể nào lý hội được hết cái tai hại của một Sagan trong xã hội như xã hội ta còn nhiều đòi hỏi khác, hiện trạng khác là xã hội Pháp, một mặt trước chiến tranh và trước viễn tượng một ngày mai hãi-hùng trước sức tàn sát của bom nguyên tử để hướng dẫn tư tưởng và tình cảm cho người đọc ? Cho nên người phê bình, ngoài ý thức đặt đứng, còn phải có một trình độ tri thức có thể nói là trình độ cao nhất trong xã hội, hay ít nữa thì cũng phải cao hơn đối tượng phục vụ. Người ta không có thể bắt một nhà thơ, một nhà văn

phải có trình độ văn hóa cao nhưng nhà phê bình thì chuyện trình độ là chuyện bất buộc. Nhưng chỉ trình độ văn hóa không thì chưa đủ. Ngoài tri thức, nhà phê bình còn phải có một cảm quan nhạy, bên đề có thể tế nhận được nghệ thuật mà yếu tố chính là cảm tình. Có thể anh tri thức rất cao, học vấn rất rộng nhưng

nếu chỉ có thể thôi thì anh làm sao có thể hiểu được, cảm được tất cả cái bản khoăn, đau đớn, tất cả cái tuyệt vọng mông mênh của một người đứng bên vực thẳm của sự sống vì tật bệnh của Hàn Mặc Tử, anh có thể nào phần uất được cái phần uất của một Cao Bá Quát khi dựng cờ ở Mỹ Lương mà nói, mà giảng cho người đọc hiểu ?



★ MUỐN ỒM : PHƯƠNG PHÁP NGUYÊN TỬ !

Một ông chủ hãng, vì quá mập nên muốn tìm phương pháp làm cho ốm. Một hôm, ông thấy đăng trên nhật-báo, nơi mục quảng cáo : « Muốn ốm có 2 phương pháp : 1) Quý vị mất 1 kí trong 1 ngày. 2) Quý vị sẽ ốm đi 2 kí trong 24 tiếng. Xin mời đến sân tập. »

Đè-dặt ông chọn phương pháp thứ nhứt.

Vừa đến sân tập, ông vừa đóng tiền ghi tên thì thấy một cô gái tuyệt đẹp. Nàng « Tây Thi nói với ông bằng một giọng thật quyến rũ :

Nếu ông chỉ đựng được em thôi, em sẽ tặng ông một chiếc hôn nồng-nàn.

Nói xong mỹ-nhân chạy xung quanh sân tập, thích chí ông rượt theo sau. Chạy như thế trong 2 giờ, mệt nhừ, ông mất 1 kí nhưng vẫn chưa bắt được mỹ-nhân.

Thất vọng nhưng ông tự an-ủi, ngày mai ông sẽ có hy vọng bắt được người đẹp. Nghĩ vậy ông ghi tên tập luôn phương pháp thứ 2.

Hôm sau, vừa vào sân tập ông gặp đứng trước mặt ông một anh chàng chóp cao lớn trông rất hung-tợn. Anh này gầm lên :

— Nếu tôi bắt được ông, tôi sẽ.....

Sợ quá, ông vác giò lên vai và chạy như bay. Hai giờ sau ông ốm đi 2 kí.

H.P.



THUYỀN ĐI

★ Sa-giang TRẦN-TUẤN-KIỆT

Bến xưa thuyền đã xa rồi,
Mà ai còn đứng ngậm-ngùi nhìn theo.
Thuyền đi gió lạnh sông nghèo,
Hàng lau rủ lệ mây chiều bơ-vơ.

Nghẹn-ngào trong những vần thơ,
Viết gì đây giữa bãi bờ tịch-liêu.
Lòng lưu-luyến chút thương yêu,
Tim bàng-khuáng gợi ít nhiều nhớ mong.

Thuyền đi phai nhạt má hồng,
Hỡi nào cô lái thuyền không trở về
Giăng-giăng hồn lạnh bốn bề,
Khói sương mờ ảo trắng thề chénh-vênh.

Thuyền đi lên thác xuống ghềnh,
Giòng đời gian khổ thuyền quên bến rồi.
Giờ đây duy có một người,
Đăm-đăm góc bẽ chân trời luyện thương.

Ngày lịch **SỬ**

NGUYỄN TRIỆU Sưu-tầm

Tài-liệu đặc-biệt «Những ngày Lịch-sử» đăng trong «Tạp-chí Phò-Thông» đều hoàn toàn chưa in trong sách báo nào cả, từ xưa đến nay, vậy cấm các nhà viết sách, báo, hoặc là lịch, trích đăng-tài những tài-liệu này mà không có giấy phép riêng của Giám-đốc Tạp-chí Phò-Thông. Bản quyền của Tạp-chí Phò-Thông.

16

Tháng năm, KỶ-HỢI

21 Juin 1959

17

Tháng năm, KỶ-HỢI

22 Juin 1959

18 THÁNG NĂM, BÌNH-TUẤT
(17 Juin 1886)

Hai pháo-thuyền của hải-quân Pháp chở quân từ Saigon ra tới Hà-nội.

17 THÁNG NĂM, ẤT-DẬU
(21 Juin 1285)

Tướng nhà Nguyên là Toa-Đô và Ô-mã-Nhi, từ bể đánh vào sông Thiên-Mạc (thuộc Nam-định) trong khi không biết tin chủ-tướng là Thoát-Hoạn đã thua chạy.

17 THÁNG NĂM, NHÂM-TUẤT
(16 Juin 1802)

Tả-quân Lê-văn-Duyệt đem quân ra đánh Tây-sơn ở Bắc-hà.

18

Tháng năm, KỶ-HỢI

23 Juin 1959

19

Tháng năm, KỶ-HỢI

24 Juin 1959

20

Tháng năm, KỶ-HỢI

25 Juin 1959

18 THÁNG NĂM, BÌNH-NGỌ
(13 Juin 1786)

Vua Thái-Đức là Nguyễn-Nhạc cất cử cho em là Nguyễn-Huệ làm Long-nhương-tướng-quân, tiết-chế các quân-thủy, bộ, Vũ-văn-Nhậm, làm tả-quân đô-đốc và Nguyễn-hữu-Chính làm hữu-quân tiến ra đánh thành Thuận-hóa.

18 THÁNG NĂM, QUÝ-TỊ
(5 Juillet 1833)

Nguyễn-hữu-Khôi tức Lê-văn-Khôi con nuôi tả-quân Lê-văn-Duyệt khởi loạn đánh chiếm thành Gia-Định.

19 THÁNG NĂM, QUÝ-MÃO
(27 Juin 1603)

Thụy-quốc-Công Nguyễn-phúc-Nguyên tức chúa Sãi gửi thơ phúc đáp cho tướng-quân Nhật-bản về bang-giao,

19 THÁNG NĂM, ẤT-DẬU
(1 Juillet 1835)

Thống-tướng Pháp De Courcy đem quân vô Huế đề điều đình với Nam-triều về cuộc lập bảo-hộ.

20 THÁNG NĂM, ẤT-DẬU
(24 Juin 1285)

Quân nhà Trần đánh bại quân Nguyên ở Tây-kết (thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên) quân địch chết và bị thương rất nhiều.

Toa-Đô bị giết và tổng-quân là Trương-Hiền hàng đầu.

20 THÁNG NĂM, BÌNH-NGỌ
(15 Juin 1786)

Thành Thuận-Hóa bị quân Tây-Sơn chiếm-lĩnh.

21
Tháng năm, KỶ-HỢI

26 Juin 1959

22
Tháng năm, KỶ-HỢI

27 Juin 1959

23
Tháng năm, KỶ-HỢI

28 Juin 1959

24
Tháng năm, KỶ-HỢI

29 Juin 1959

21 THÁNG NĂM, ẤT-MÃO

(11 Juillet 1785)

Cụ Mạc-cửu, tổng-binh trấn Hà-Tiên tạ thế. thọ 74 tuổi. (Mộ cụ nay còn ở Núi Bình Sơn Hà-tiên).

21 THÁNG NĂM, CANH-NGỌ

17 Juin 1930

Lãnh tụ V.N.Q.D.Đ. Nguyễn-thái-Học và 12 đồng chí bị xử-quyết tại Thái-Nguyên (Bắc-phần).

22 THÁNG NĂM, ẤT-ĐÀU

(4 Juillet 1885)

Tôn-thất-Thuyết tấn-công vào Trấn Bình-Đài là nơi quân Pháp đóng binh và bắn đại-bác sang tòa khâm-sứ Pháp phía bên kia sông Hương ở Huế.

23 THÁNG NĂM ẤT-ĐÀU

(5 Juillet 1885)

Bộ binh và thủy quân Pháp phản công chiếm kinh-thành Huế.

Quân địch vào thành đốt phá dinh bộ Binh và bộ Lại.

Vua Hàm-Nghi xuất-bôn.

24 THÁNG NĂM, QUÝ-SỬU

(28 Juin 1913)

Cụ Tôn-thất-Thuyết mất tại Long-châu (thuộc Quảng-châu bên Tàu), thọ 78 tuổi.

Dưới đây là câu đối của nhân-sĩ Quảng-châu phúng cụ :

1) « Thủ nhung bắt cọng đại thiên, Vạn cổ phương danh lưu Tượng-quận » tên nước Nam về đời Tấn).

2) « Hộ giá biệt tâm tĩnh-địa, thiên niên tãn cốt kỷ Long-châu.

Dịch : « Thủ ngoài không đội trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng-quận »;

Phò chúa riêng tìm cõi thác, ngàn năm xương bạc gói Long-châu »

25
Tháng năm, KỶ-HỢI

30 Juin 1959

26
Tháng năm, KỶ-HỢI

1 Juillet 1959

27
Tháng năm, KỶ-HỢI

2 Juillet 1959

28
Tháng năm, KỶ-HỢI

3 Juillet 1959

25 THÁNG NĂM, CANH DẦN
(8 Juillet 1290)

Vua Trần-thái-Tôn (Thái-tử-Hoảng) thăng-hà ở Điện Nhân-thọ.

26 THÁNG NĂM, BÌNH-NGỌ
(21 Juin 1786)

Nguyễn-Huệ ra đánh Thuận-hóa bộ-binh qua Hải-vân-quan.

26 THÁNG NĂM CANH THÂN
(17 Juillet 1800)

Cụ Ngô tòng Chu từ-tiết trong thành Bình-Định.

27 THÁNG NĂM, TÂN-HỢI
(29 Juin 1371)

Quân Chiêm-Thành kéo ra cướp phá thành Thăng-Long.

27 THÁNG NĂM CANH THÂN
18 Juillet 1800

Hộ quân Võ Tánh tử tiết trên lầu bát giác tại thành Bình Định

28 THÁNG NĂM MẬU THÂN
(1 Juillet 1788)

Vua Lê chiêu Thống đức tiên lấy niên hiệu « Càn-long » mà có ghi thêm hai chữ « An Nam »

29

Tháng năm, KỶ-HỢI

4 Juillet 1959

30

Tháng năm, KỶ-HỢI

5 Juillet 1959

29 THÁNG NAM, NHÂM THÌN
(2 Aout 1052)

Quân Nùng trí Cao tràn sang đất
Tống kéo tới đánh thành Quảng
Châu

29 THÁNG NĂM GIÁP THÂN
(22 Juin 1884)

Quân Pháp kéo lên đánh tỉnh
Lạng Sơn.

30 THÁNG NĂM KỶ-DẬU
(1-7-1429)

Vua Lê thái Tông định lại các hạng
ruộng đất cho những bọn hàng phục
làm quan cho nhà Minh.



★ NAM NỮ THỌ THỌ BẤT THÂN.

Trên ngã tư Lê-văn-Duyệt — Hồng-thập-Tự đèn báo hiện màu
xanh, 1) Viên Cảnh-sát Công-lò đang cùng một thiếu phụ mảnh mai
duyên-dáng khau lưng đẩy một chiếc xe hơi Huê-kỳ to lớn đèn dành

Một chiếc Vespa vượt qua mặt, người đàn ông đeo sau trông
thấy vụt nói :

— Trước cảnh này, nếu chúng mình là người Âu thì sẽ chẳng
ngần ngại dừng xe lại đẩy giúp.

— Người Âu thì được, chớ người mình thì không được.

— Tại sao vậy ?

— Vì « nam nữ thọ thọ bất thân » kia mà !

GIỜ BẠT

Nhà Văn LAN-KHAI

bị thủ tiêu như thế nào ?

§ Ở dĩ có bài thơ dưới đây tôi làm ra đề viếng Anh Lan-Khai, cách đây vừa đúng 13 năm, là vì tôi đã nghe tin Anh bị nạn oanh tạc hồi chiến tranh « Nhật-Mỹ » 1944 tại Hà Nội sau khi Anh và tôi mới chia tay được ít ngày. Nhưng may thay, chỉ là tin đồn thất thiệt, vì mấy hôm sau tôi lại thấy Anh mò lên Tuyên-Quang, một Tỉnh thuộc miền Thượng-Du Bắc-Việt, nơi quê-hương sinh-trưởng ra Anh và gia-đình Anh. Tôi có đưa bài thơ cho Anh giữ làm kỷ-niệm hi hữu với câu khôi hài thân mật : « Thế là may đã được cái vinh-dự đặc biệt có một thàng bạn viếng sống rồi đấy ! ». Và tôi còn nhớ Anh chàng cười rảng khoái tiếp : « Thế thì tao chắc phải sống lâu hơn Ông Bành-Tò vậy ».

Có ngờ đâu thời-cuộc biến chuyển rồn-rập, Lan-Khai lại có dịp tái ngộ với tôi sau này, nhưng cũng là lần chót của cuộc đời người văn-sĩ « vô duyên bạc phận » ấy !

HỒI KÝ của TRẦN-QUÂN-BẢO

Vào giữa mùa Thu 1945, sau khi Việt-Minh cướp chính-quyền tại Tuyên-Quang, mệnh danh là Chiến-khu, nơi trung tâm xuất phát của chúng. Vì tình nghi Anh có liên lạc với các Đảng-Phái Quốc-gia, chống lại nên chúng đã lợi dụng cơ hội thuận tiện bắt Anh bằng cách mời khéo lên cơ quan rồi bí mật mang đi giam giữ tại một Châu miền Nam Tỉnh Tuyên-Quang, tức Đảng-Châu thuộc Hàm-Yên hay Châu « Tự-Do » mà chúng đặt ra còn được gọi riêng là « Khu Bí-mật » nữa.

Cũng tới mùa Thu 1946, sau lúc tôi cùng anh em đang sống lưu vong

ở miền biên giới Bắc-Việt (Hà Giang - Lào Cay) thì được tin Anh đã bị thủ tiêu ăn nhựp với chủ-trương của Việt-Minh công Khai tiêu diệt các Đảng Phái Quốc Gia trong giai đoạn gay cán này.

Theo chỗ tôi được biết, ngoài sự nghiệp văn-chương, Lan-Khai còn là một chiến sĩ Quốc Gia đã tham gia Cách mạng có thành tích. Tôi còn nhớ khi Anh viết chuyện hồi-ký đăng trên Báo « Loa » lấy tên bằng con số của một tù nhân « 8.023 ». Nhưng cũng là một chiến sĩ chịu số phận mĩa mai và không may nhất. Trong thời Pháp thuộc, Anh đã bị Tây bắt cùng với nhóm Phạm Tuấn Tài, Ngô Thúc Địch..., rồi Nhật bắt và sau cùng Việt Minh thủ tiêu một cách quá thâm độc hơn hết.

Nhân được đọc các thiên hồi ký của ông Nguyễn-Vỹ trong tạp chí Phổ Thông nhắc đến người bạn quá cố, tôi không khỏi bồi ngùi chua xót với những kỷ niệm xưa, nhất là hiện nay, cũng vì thời cuộc và hoàn cảnh xô đẩy, tôi không ngờ trở nên một người di cư lạc lõng trong một tỉnh miền Trung xa lạ này, để sống buông trôi ngày tháng gần như mai-một giữa khung cảnh quá bình thường chịu đựng. Nên chỉ bài thơ này nếu được đăng lên cũng là một dịp giới thiệu thêm và nói lên được phần nào cái chết bí ẩn của Anh để cùng hoài niệm chung với các bạn đã từng quen biết Anh và thương tiếc Anh mãi mãi...

Miền Trung, 14-5-1959.

Khóc LAN KHAI !

- Chinh chiến gầy chi cánh phũ phàng !
Núi xương sông huyết lệ ngàn hàng.
Bạn vừa xa cách giờ nay đã
Xác nát hồn tan hận suốt vàng !
- Bốn con thơ dại một cha già,
Anh bỏ bơ vơ dưới nếp nhà
Vách đồ vườn hoang bao giá lạnh !
Vợ thì tàn tật, vợ bốn ba. (1)

- Thân anh lặn lội chữa ra sao ?
Số mệnh éo le đến thế nào !
Sự nghiệp dở dang đường tiến thủ,
Ưông công xe cát sóng ba đào.
- Trăng ngàn hiu quạnh vắng người xưa,
Văn sĩ « Rừng Xanh » mất tự giờ. (2)
Anh chết, tôi cười, cười hóa khóc !
Bạn nằm an nghỉ thấu lòng chưa ?
- Hồn anh phiêu lãng ở nơi nào ?
Tiếng gọi non sông thắm thiết bao !
Tôi đến thăm nhà nhìn sách bụi, (3)
Lệ thương thấm chảy dạ nao nao !
- Đền đầu tù bác lạc văn thơ !
Bạn ở đâu đây có nhớ giờ ?
Tháng lại rồi năm xa vắng mãi,
Lòng ai trống trải sống thờ ơ.
- Anh có khôn thiêng hãy chứng minh,
Hồn anh phảng phất bóng anh linh !
Luyện theo mây gió về nơi ấy
Đề được cùng nhau tỏ chút tình.
- Thôi thôi vĩnh biệt tiền anh đi !
Lặng lẽ ngủ trông bóng xế về.
Tôi viếng, lòng tôi thanh đạm quá,
Thơ sầu mấy vận đọc làm ily !...

Bến Lòì Giông, 1944
TRẦN-QUÂN-BẢO

Chú thích :

- (1) Lan Khai có 2 vợ, một vợ bị què.
- (2) Anh chuyên viết chuyện đường rừng và sinh trưởng ở mạn ngược.
- (3) Nhà tuy quá nghèo, nhưng Anh có tủ sách rất quý. Quyền nào cũng được đóng bìa da và gáy nạm chữ vàng. Đặc biệt là những bản thảo của Anh được gìn-giữ và biên chép rất công phu chưa từng thấy.

HỒI KÝ

MỘT ĐỜI NGƯỜI

* THIẾU SƠN

CHƯƠNG VI

THÊM BẠN VĂN CHƯƠNG

(Tiếp theo P. T. số 13)

N

G A Y từ ngày chưa và o Nam tôi đã nghe tiếng ông Đông-Hồ với cái « Tri Đức Học-xá » của ông ở cứu có giá - trị hẳn - hời như những bài « Linh - Phượng-Ký », Hà - Tiên Mạc - Thị - Sửu, Phú - Đông - Hồ và những thơ xướng-họa với các bạn của ông ở Phương - Thành.

Hài-hiền.

Những bài ông viết trên tạp-chí Nam Phong cũng đồng thời với những bài của tôi. Song những bài của tôi là lấy ý ở sách Tây mà phỏng-tác, những bài còn non-nớt của một kẻ mới tập sự viết văn. Còn những bài của ông Đông-Hồ là những bài sáng tác hoặc khảo

Vào Nam tôi biên thơ thăm ông. Ông phúc-đáp thơ tôi. Ông còn hỏi tôi về cái bút hiệu thủ-nghĩa ra sao. Lúc đó mới là buổi sơ-giao, còn phải giữ thể thống nên tôi nhớ rằng tôi có giải nghĩa với ông như sau này.

Người ta chỉ hoặc gởi ở sông, hoặc đề ở núi. Ở sông thì nước chảy hoài hoài. Còn núi thì cứ ở yên một chỗ. Tôi không thích

sự lưu động. Tôi thích sự vĩnh cửu nên tôi lựa núi. Nhưng tôi muốn cho cái núi của tôi phải cũng rần xanh tươi phải có cái tráng khí của thiếu thời. Bởi thế nên tôi mới lấy bút hiệu : Thiếu-Sơn.

Đường như ông cũng có trả lời thơ tôi và khen hay đáo để. Nhưng sau khi đã thân nhau tôi mới khai cái bí mật của tôi ra thì lại được dịp cho ông cười mức nở.

★

Qua mấy năm sau, tôi mới đủ điều kiện làm một cuộc du lịch xuống Hà-Tiên, đánh một vòng qua Nam vang rồi mới trở về Saigon.

Nhà thi-sĩ đã qua rước tôi ở chèo núi Cô-Tô, cùng ngồi đờ qua chợ Phương Thành, cho tôi nghỉ ngơi ở Nam Phong Các và tiếp xúc với các bạn làng thơ.

Ngồi trên đờ ngang, có người lân la tới hỏi : « Tôi có nghe thầy giáo nói chuyện. Chắc ông mới ở Saigon xuống. Bữa nào mời ông qua nhà tôi chơi ở kế bên nhà thầy giáo. Nghe tên ông đã lâu, chắc ông nghiên cứu khoa coi chỉ tay kỹ lắm. » Té ra thầy giáo (vì ông Đông Hồ hỏi đó

làm thầy giáo) giới thiệu nhà văn Thiếu Sơn mà người ta lại cứ yện tri là Khánh - Sơn, một nhà coi tay tên tuổi như còn khắp Trung - Nam - Bắc. Người ta nghe chữ được, chữ mất mà chỉ nghe được có chữ Sơn thì nhứt-định phải là Khánh-Sơn, chứ còn có Sơn nào đáng là danh-sơn cho người ta phải chú - ý ?

Thi - Sĩ Đông - Hồ, người nhỏ thó, khôi ngô, hơn tôi chừng 4, 5 tuổi. Ông học chữ nho của ông bác và có nếp sống ung-dung, nhàn hạ, nhã-đạm, phong-lưu y như một nhà nho. Thơ-lâu của ông, ông đặt tên là « Nam Phong - Các » có rất nhiều sách, báo quốc-văn và không thiếu một số Nam Phong nào. Ông là một bạn trung-thành của Nam - Phong, coi Nam - Phong như một kho tàng quý - giá để tu bổ kiến-văn cho mình và cho các bạn của Tri-Đức Học-Xá là lớp học quốc-văn theo lối hàm thụ, một chi nhánh không chánh-thức của Hội Khai-Tri Tiến-Đức ở Hà - Thành. Ông làm thơ lệ-lãng và rất sành về cách đặt câu, lựa chữ. Ông rất thủ lễ đối với bạn và ăn, ở có nghĩa, có tình.

Trong mấy ngày tôi ở Phương-Thành đã được thi-sĩ đưa đi chơi khắp đó, đây. Kim - Dữ, Hồ-Đông, Cô - Tô, Thạch - Động và cả hòn Phụ-Tử cách xa cả chục cây số cũng được ông và các bạn ông đưa đi thăm viếng, dẫn giải cô tích, tìm dấu người xưa và đọc những bài thơ mà cô nhân đã ngâm vịnh. Tôi thích nhất là cuộc đi chơi thuyền ở Hồ-Đông và được tác giả ngâm lại cho nghe bài Phú-Đông - Hồ làm tôi có cảm tưởng như gặp Tô-Đông-Pha trên giòng sông Xích - Bích.

Vậy mà con người thơ mộng ấy chỉ sống thơ mộng trong văn chương và rất thực tế ở những địa hạt khác. Sau này bỏ nghề thầy giáo vì bất bình với một ông đốc học đã thiếu lễ độ với nhà thơ, ông Đông Hồ đã mở một ngôi hàng tạp hóa trong đó có mấy kệ nhỏ giành cho những món ăn tinh thần như sách báo cho người lớn và bút giấy để bán cho trẻ em đi học. Ngôi hàng đó ông đặt tên là Yiêm - Yiêm. Yiêm tức là diêm, tức là đẹp là tên con gái của ông, con của người vợ mà ông đã thiết - tha khóc kể trong Linh - Phương - Ký. Ngôi hàng cung đủ nuôi sống gia - đình nhà văn, Rồi sau những cơn khó khăn - phùng, ông đã

phải một mình chèo chiếc thuyền nhỏ, lặn lội lên nương - náu ở Saigon qua bao nhiêu những gian nguy và kinh - khủng. Ông đã tả cuộc hành - trình này trong một bài hành gọi là « Bội - Lan Hành » mà trừ ông ra chắc ít người được biết. Tôi đã được đọc bài đó và còn giữ được một bản mà chính tác - giả cũng không nhớ là đã tặng tôi hồi nào. Trong tất cả những tập thơ của Đông - Hồ, tôi tưởng chưa có bài nào mà tác giả đã đề lộ chơn tướng một cách thành thật như bài Hành « Bội Lan ». Ông đã nói đến những cảnh mất chèo, chìm xuống, sợ chết, nhớ nhà, hận nước, tủi thân, cơm xin ăn từng bữa mà lòng chưa sạch nợ bút - nghiên... *Chẳng may làm khách chơi thời loạn,*

*Sao chẳng nọ si hưởng thái bình,
Mắt chẳng mù đi, tai chẳng điếc,
Vỡ lòng trót học chữ kiên trinh.*

Con người kiên - trinh ấy tự thấy mình không đủ khí phách để làm trai thời loạn nên đã:

*Ngửa mắt bốn phương mù khơi
lửa.*

Cúi đầu bảy thước then thư sinh.

Sự thành thật bao giờ cũng đẹp và ông đã giữ được cái đẹp đó trong suốt thời kỳ kháng-

chiến. Ông bằng lòng làm quản lý cho tờ báo Ánh-Sáng nhưng chẳng bao giờ thấy ông hạ bút viết một bài nào trên mặt báo vì khen không được mà chữ không đành, tốt hơn là làm thình đề dành lòng, giữ tiết.

Thái độ đó cố nhiên cũng có người chê-trách, nhưng tôi thấy nó thành thật và khả ái vô cùng. Ông đã sống sót sau nhiều cơn bệnh ngặt nghèo, người đã suy nhược nhưng còn tươi thắm trong những cuộc gặp - gỡ để nói chuyện văn chương.

Ngôi hàng tạp hóa ở Hà-Tiên nay đã trở thành « Yiêm - Yiêm thư trang » ở Saigon hay là « Đại - ăn - Am » của nhà thi-sĩ. Ở đây có Mộng - Tuyết nữ-sĩ, người em vợ thân - tín của ông và cũng là người nuôi bệnh và họa thơ với ông.



Thi - sĩ Đông - Hồ và nhóm Tri - Đức đã nhắc cho người ta nhớ lại đất Hà - Tiên xưa do Mạc - Cửu và Mạc - Thiên - Tích khai thác thành một nơi đô - hội và nhóm Chiêu - anh - Các đã cùng nhau ngâm vịnh và xướng - họa đề tô - diêm cho Phương - Thành thêm hương - sắc của văn - hiến và

thi thơ. Rồi chính các bạn Tri - Đức còn tiếp - tục công - việc của tiên - nhân, sống theo phong - độ của tiên - nhân, trau dồi tiếng mẹ đẻ, đề - cao chữ quốc - ngữ, hưởng - ứng phong trào chấn - hưng quốc - văn trên một phần đất của tổ tiên mà thực dân đã chiếm làm thuộc địa, một phần đất mà giới trí thức đã bị âu hóa bọn bàng.

Bạn Tri Đức và môn đệ của Tri Đức cũng có người lên tôi kinh thành ánh sáng đề so bút và cũng tỏ ra có bản lĩnh và đôi chút sự nghiệp. Họ đã hợp tác với một vài nhà văn, nhà giáo ở Saigon xuất bản tuần báo « Sống » và loại sách « Ngày xanh ». Nhưng tuần báo « Sống » không sống được bao lâu và loại sách « Ngày xanh » cũng cùng theo một số mạng.

Rồi khi « Đại Việt tạp chí » và « Nam kỳ tuần báo » của cụ Hồ Biều Chánh ra đời thì một trong những cây viết sắc bén nhất cũng là cây viết được rèn luyện trong lò Trí Đức ở Hàtiên. Tôi muốn nói tới nhà văn Trúc Hà, tác giả tập sách « Luân Lý Đạo Nho ».

Trúc Hà còn nhỏ tuổi mà đã tỏ ra chín chắn, mực thước, ham đọc sách và chịu suy nghĩ.

Trúc-Hà cũng có lối văn sáng sủa và gọn gàng. Trúc-Hà còn có người em là Trúc - Phong có khả năng văn nghệ, dồi dào sanh lực và nhiều hứa hẹn ở tương lai. Nhưng than ôi! hai anh em đã kẻ trước, người sau rủ nhau từ bỏ cõi đời ngay từ hồi còn niên thiếu. Vợ anh Trúc Hà đã tự nguyện ở góa để sống với những kỷ niệm của chồng. Chị còn có người chị nhưt định không lấy chồng để phục vụ các em và chăm sóc cho những bạn văn chương tri kỷ. Hai chị em đều là những cán bộ cơ sở của Tri-Đức Học-Xá.



Tôi đã phê bình cụ Hồ biều-Chánh từ ngày chưa gặp cụ. Đời làm quan của cụ đưa cụ đi ngời hết quận này tới quận khác, thỉnh-thoảng mới có dịp ghé Saigon mà cũng không ghé được lâu. Tôi phải chờ tới ngày cụ về hưu mới gặp cụ ở Vinh - Hội trong một căn nhà cây lợp ngói, tâm thường và giản dị cũng như con người của cụ, giản-dị và cao khiết biết bao nhiêu. Người xưa đã dùng 4 chữ « Mãn tự thanh phong » để chỉ ông quan liêm khiết, tay áo đầy gió mát vì không chứa đựng của hối lộ.

Ông quan Việt-Nam ở Miền Nam không mặc áo thụng, không có tay áo rộng, nhưng hiem thay những kẻ mở rộng cửa lòng mà hứng cơn gió mát. Cụ Hồ-biều-Chánh là một trong những ông quan hiem có ấy vì cụ làm việc cho Tây mà sống theo Nho, lãnh lương của Tây mà không quên tình đồng bào máu mủ và hơn hết là cụ muốn xứng đáng với những nhân vật thân yêu trong tiểu-thuyết của cụ. Những nhân-vật đó là những người trung, trinh, tiết liệt, trọng nghĩa, khinh tài, dầu có nhưt thời bị tiểu-nhân hãm hại nhưng rớt cuộc vẫn đắc thắng khải hoàn, giữ vẹn tiết tháo và danh dự.

Cụ yêu phong cảnh nông thôn, yêu người nông dân chất phác nên dầu cụ có lấy ý ở nhiều bộ sách Pháp cụ cũng vẫn sáng tạo trong khung cảnh và phong tục của nước nhà, của ruộng vườn, rẫy bãi ở miền Nam đất Việt.

Tiểu-thuyết của cụ đượm màu sắc dân tộc và có một giá trị luân lý hẳn hoi.

Nhưng tiếc thay! Tôi gặp cụ để bàn về việc làm báo nhiều hơn là đề thảo luận về sự nghiệp văn-chương của cụ.

Hồi đó cụ được xuất-bản hai tờ « Đại-Việt tạp chí » và « Nam-

kỳ tuần báo » và cụ muốn có sự hợp-tác của chúng tôi. Chúng tôi hợp tác với cụ vì cảm tình tri-kỷ chứ không có hứng thú vì biết là những cơ-quan uyên truyền của Pháp có trợ cấp của chánh-phủ thuộc địa Nam-kỳ. Cụ ngay thẳng và tin người nên không dè dặt như chúng tôi. Cụ còn cho đó là những phương tiện để phục vụ đồng bào, văn hồi đạo đức và truyền bá văn chương. Cụ muốn dùng tiền bạc của thực dân mà làm việc công ích chứ không mưu đồ tư-lợi. Cụ thật thà quá, làm sao mà lợi dụng được cáo già thực dân? Nhưng cũng bởi cụ quá thật thà nên thực dân cũng không lợi dụng được cụ nhiều như họ đã lợi dụng ông Phạm-Quỳnh ở Bắc.

Rốt cuộc thì những bạn trung thành nhưt của cụ vẫn là những nhân vật mà cụ đã sáng tạo ra, những đứa con tinh thần của cụ luôn luôn quây quần bên mình cụ và thúc giục cụ phải sáng tạo thêm nữa cho vui của vui nhà, phải viết mãi, viết hoài để hoàn thành một sự nghiệp vĩ đại có trên 60 pho tiểu thuyết lành mạnh, linh-động và được đọc nhiều nhưt ở miền Nam Việt-Nam.

Cụ chết ngày 4-11-1958 hưởng

thọ 73 tuổi. Cụ trời lại cho các con cụ phải để lên mộ bia 3 chữ : Hồ - Biều - Chánh trên 3 chữ : Hồ - Văn - Trung là tên thật của cụ. Đúng như vậy. Ông quan dù thanh liêm đến đâu cũng không hơn được một nhà văn đã cúc cụng tận-tụy với cây viết của mình cho tới già, tới chết. Nhưng ông quan thanh - liêm cũng làm tăng giá - trị của cây viết nhà văn. Không như bao nhiêu kẻ vì thiếu đạo - tâm mà làm hean - ố cả một cuộc đời đầy sự - nghiệp.

Khi cụ làm chung thì tôi còn ở trong vòng lao - lý. Nhưng đã là chỗ tinh-thần cảm kết thì hình bóng cụ vẫn sống mãi với tôi và sự nghiệp cụ vẫn còn sống mãi với đồng - bào, với dân - tộc.



Nói tới cụ Hồ - biều - Chánh không thể không nói tới một nhà văn kỳ-cựu khác cũng viết nhiều, cũng được nhiều người đọc là ông Phú - Đức. Nhưng, khác với cụ Hồ - biều - Chánh, ông Phú - Đức chuyên về lối văn kiếm - hiệp hoang đường, tạo ra những nhân vật phi

thường với những tình tiết éo-
le, những cảnh ngộ rắc rối,
những cách giải quyết bằng súng
sáo, giao găm, bằng những ngón
quyền hiểm hóc, bằng những
đường kiếm tuyệt kỳ. Độc giả có
thể tưởng tượng rằng tác giả phải
là một tay côn quyền đủ ngón
biệt thuật phi hành có tài trình-
thám hoặc phải có ít nhiều cái
phong độ của những nhân vật
của ông. Nhưng, trước đây 10
năm, tôi đã gặp ông nhiều lần tại
nhà riêng ở Gia-định tôi thấy
ông ung-dung nhàn hạ nằm bên
khay đèn, hút thuốc và phà khói
mịt mù. Có khi ông lãnh viết
tiểu thuyết cho 4, 5 tờ báo, hằng
ngày mà không có tác phẩm vào
dự trữ và cũng nhiều khi chưa
kết cấu thành hình trong đầu óc
của ông. Vậy mà truyện nào ra
truyện nấy nối tiếp nhau mỗi
ngày, có lớp lang đầy đủ và vẫn
hấp dẫn như thường.

Nhưng nhiều khi nhà văn cũng

lãng trí mà cho nhân vật của
truyện này nhảy qua tung hoành
ở truyện khác làm độc giả muốn
điên đầu. Những trường hợp
như thế lâu lâu mới xảy ra.

Nhưng dầu sao ta cũng phải
nhìn nhận rằng tác giả nhiều
tưởng tượng và có một sức làm
việc mạnh mẽ lạ thường.

Nói tới ông Phú-Đức tôi thích
người ông hơn là thích tiểu
thuyết của ông vì tiểu thuyết
của ông thuộc về loại đọc để
tiêu khiển chứ không thuộc loại
coi để học hỏi và nghiên cứu
về đời. Nhưng người ông vui
vẻ, nhã nhặn, tốt với anh em và
tròn trịa với tất cả mọi người.

Ảnh hưởng của ông là lôi kéo
được một số đông đồng bào
Miền-Nam say mê truyện Tàu
trở về đọc tiểu thuyết của ông
và của những tác giả trong thế
hệ của ông đề bắc cầu cho họ
chuyên hướng qua những nhà văn
của thế hệ sau ông.

(còn nữa)

★ THÀNH CÔNG

Nó thành công được là nhờ người vợ thứ nhất, và được người vợ
thứ nhì là nhờ nó thành công.

G.

LẠI MỘT TỐI CHỜ TRĂNG...



Tùy-bút

★ NGUYỄN-CHI



ôi không ngủ nữa, ngồi dậy đốt đèn lên,
Viết tên em Thương-Thương vào lòng giấy trắng,
Và viết tên em vào giữa đêm nay.

★

Đêm nay em ở lại nơi đâu.

Bên nhà hay bên quán? Và mẹ nữa — mẹ
hiền từ của chúng ta, mà mái đầu râm bạc.

Tôi chắc mẹ còn thao-thức sâu đêm, đề kè
chuyện ngày xa.... Mực mài nước mắt... mẹ kè

trăng: « Hồi đó.... » Rồi mẹ khóc òa !

« Một nắng.... hai sương.... »

Em ơi ! Ai làm quan-cách ?

Đề bài thơ không trọn nét hiền lành.

Đề em tôi quạnh-quẽ một đời mưa nắng.

Mà trông tôi đêm đêm còn vọng giấc mơ dài.

Tôi rải khắp kinh thành Thương—Nhớ cái tên em viết tắt.

Và gọi theo trong gió mọi tiếng quen quen :

« Sao anh còn thức, em xin phép ra về. »

— Vâng em ra về...

Đêm sắp tàn canh, gà vừa gáy tới.

Rồi từ đêm đó, cả những đêm này, tôi gọi em qua gió.

Ôi Thương-Thương ! Tôi viết sao cho hết ? Người con gái miền
Trung tình thương phát-thực. Đậm đậm xinh xinh. Và hiền từ — Hiền
từ như công thức một bài toán muôn năm mà ta giải bằng một, hai,
ba bốn...

★

Được rồi. Giờ thì tôi không còn viết nữa. Người bạn nằm bên đờ
đều tôi sang ngủ.

Nhưng em ơi ! Tôi sẽ nghiên mắt lại, đề vọng về em. . . .
Và chắc thấy rõ ràng em còn ngồi bên cửa, nói giọng đều đều,
lên lên, chậm chậm.

Và em không phải là Nàng.

Là bài thơ ta sắp viết.

Là Ly-Dao ta đã gặp từ thuở trước.

Một sáng, ở bờ Thương-Thương, hay trong lòng sách

Có gì đâu !

Con ai lại khóc. Thôi ta đi ngủ.

Đề bóng đêm dài. Và mai còn nói thêm mai. . .

Gà tại gáy. Đứng rồi. . .

Giờ này là giờ em ra đi. . . Là giờ của em đó !

Rồi lại đêm nay, một tối chờ trăng. . . trên bến Thương-Thương ! . . .

Nguyễn-Chi

(Quảng-Ngãi)



★ THI-SĨ LĂNG TRÍ

Thi-sĩ X. có tiếng là người lăng trí nhất. Một buổi sáng thứ Hai, chàng ngủ dậy sức nhớ chiều thứ Bảy có bà Hội-đồng mời dự tiệc mà chàng quên đi. Chàng lật đật cầm máy nói lên gọi bà Hội-đồng :-

— Xin lỗi bà Hội đồng, thật tôi hết sức ân-hận vì chiều thứ Bảy rồi tôi không đến dự tiệc. Thế nào Bà cũng tha lỗi cho tôi nhé, và lần sau tôi xin chuộc tội. . .

Bên kia đây nói im lặng một lúc, rồi bỗng có tiếng cười dòn ;

— Ông Thi-sĩ của tôi quên rồi đấy, vì chiều thứ Bảy ông có đến dự tiệc mà.

(Tiếp theo kỳ trước)

Bên lề lịch-sử



một
người Pháp
làm Vua
tại miền núi
VIỆT-NAM
(1888-1890)

★ Nguyễn-Vỹ

Đoàn người thám-hiêm đi đến huyện An-khê, giáp giới miền núi, thì gặp một chuyện trặc-trở. Viện Đại-Tả Pháp chỉ huy Đồn-linh tập ở đây là một người khó tính. Mặc dầu Mayréna có thư giới-thiệu của ông Toàn-Quyền, ông Phó Toàn-quyền, ông công sứ Quinhon, và vị Giám mục Lòng Sông: nhưng viên đồn trưởng cũng xét giấy thông-hành tất cả mọi người vì tỉnh Bình-định đang có « GIẶC-RỰA ». Giặc-rựa, người Pháp gọi là « Guerre des Coupe-coupe » là một phong trào khởi-nghĩa do nhà chí-sĩ MAI-XUÂN-THƯỜNG cầm đầu, tụ-tập dân chúng nổi loạn đánh Pháp, mà dân quân chỉ dùng rựa làm khí-giới. Vì có « giặc rựa » nên các đồn bót ở ranh vùng cao-nguyên đều kiểm soát chặt chẽ. Đoàn thám hiêm của Mayréna đi đến đây cũng bị khám xét. Trong đoàn, có chú bếp PAOLI, là « Sĩ-quan nấu bếp » của « Bá-tước » Mayréna, không có giấy thông-hành. Mặc dầu Mayréna can-thiệp, Paoli cũng bị đuổi về Quinhon. Về Quinhon, Paoli không còn một xu dính túi nhà y cũng vừa bị cháy thiêu hết. Y được ông Sứ Lemire trợ cấp cho 50đ với tiền đó anh về Sài-gòn sinh sống

Mấy người « cu-li » Việt, mà Mayréna mộ ở Quinhon, đề không đỡ hành lý, cũng không theo y nữa vì họ bị y đánh-đập chửi mắng, và không trả tiền công. Theo lời họ kiện tại Qui-nhon thì y còn thiếu họ 52\$10.

Mayréna phải nhờ Linh mục Guerlach mộ cu-li Mọi, và theo đường rừng đến làng Mọi KON JARI TUL. Tại đây Linh-mục Guerlach có giúp cho Mayréna 2 con voi mà mấy người công-giáo đề « Bá-tước » tùy nghi sử dụng.

Mayréna tạm đóng đô ở làng này, và bảo cu-li Mọi đi triệu tập tất cả các chúa Mọi đến tại nhà Mọi PIM ở làng KON JARI TUL, đề nghe « Quan đại diện của nước Đại Pháp » hiểu - dụ. Y mua chuộc được mười người Mọi trong làng », y phát cho mỗi người một cây súng và tập họ bắn, huấn luyện họ thành những người lính.

Các chúa Mọi kéo đến rất đông Pim là chúa lớn nhất ở xứ Sê-đang, thấy Mayréna có lính, có súng có voi, có các vị Cố Đạo, họ đều sợ sệt, tuân theo lời Mayréna và ký với Mayréna hai bản « Hiệp-ước Đồng-minh ».

Hiệp-ước với chúa Mọi HMOT,

có 8 khoản tóm tắt đại khái :

— Mọi được tự do, độc-lập, giữ nguyên vẹn tập-tục, tôn-giáo.

— Mọi ở dưới quyền người Pháp, và cương quyết không chịu ở dưới quyền « người An Nam »...

— Mọi sẽ nộp thuế cho người Pháp, làm trâu cho người Pháp, theo mệnh lệnh của người Pháp, và ly-khai « Vua xứ An-Nam ».

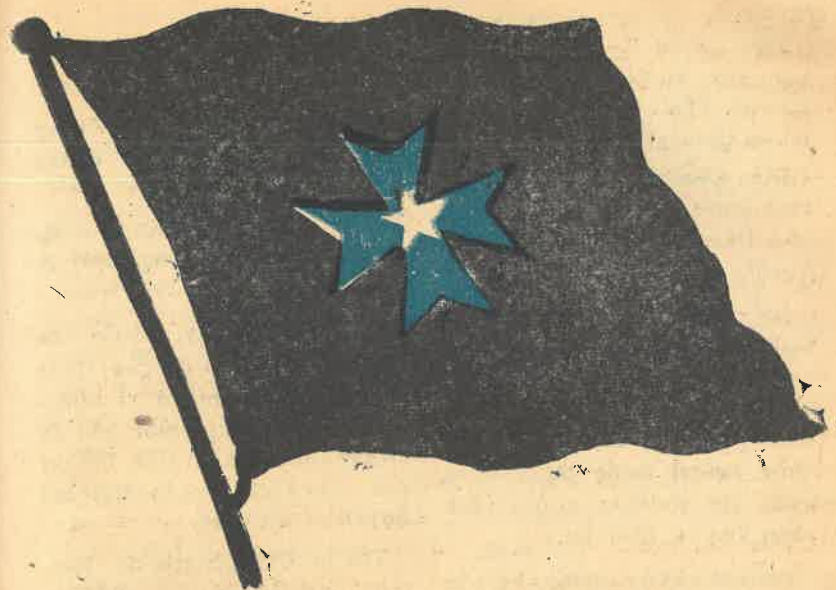
— Nếu có ngoại quốc đến đánh xứ Mọi, người Pháp sẽ giúp cho Mọi đánh lại, và sẽ che chở Mọi.

Hiệp-ước này, tất cả các chúa Mọi đều in ngón tay và có chữ ký của Mayréna « Đại diện chính phủ Đại-Pháp » và Linh mục Guerlach ký một bên để làm chứng.

Hiệp ước thứ hai, ký với Chúa mọi PIM, có 9 khoản, tóm tắt đại khái cũng như Hiệp-ước thứ nhất, và thêm :

— Nếu có « người An-Nam » lên ở xứ Mọi, người Mọi phải đuổi đi, và báo tin cho người Pháp biết.

Hiệp-ước này cũng có tất cả các chúa Mọi điem - chỉ, có chữ ký của Mayréna « Đại diện chính phủ Đại-Pháp » và Linh mục Guerlach ký một bên làm chứng



Lá cờ của « Vua Marie 1er, Quốc-Vương xứ Mọi. »

Theo hai bản Hiệp-ước này thì Mayréna còn tự xưng là « Đại-diện chính-phủ Pháp » chứ chưa lên ngôi vua!

Dù sao, hai vị Linh-mục GUERLACH và IRIGOYEN cũng tin Mayréna, không ngờ anh chàng là một tay bịp - bợm và trớ trêu đầu y quả thật là « Đại-diện cho chính - phủ nước Pháp » được qua đây để cai trị xứ Mọi, tách xứ Mọi ra khỏi nước Việt-Nam và đặt xứ Mọi thành một Quốc-gia riêng biệt trực tiếp thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp.

Vì tin tưởng như thế, nên cha IRIGOYEN tổ chức một lễ Mọi

rất trọng tênh chào mừng « Bá-tước » Mayréna, và có giết một con bò để đãi mọi BAHNAPS ở trong làng của Cha. Mọi Bah-nards được ăn nhậu, múa nhảy âm i với trống, chiêng, phèn-la-tù - và suốt hai đêm ngày.

MAYRENA LÊN NGÔI VUA

Ngày 3-6-1888, Marie de Mayréna triệu tập tất cả các Chúa Mọi tại làng KON GUNG, và tuyên bố Hiến Pháp sau đây :

Điều-khoản 1.— Các lãnh thổ độc lập của xứ Mọi hôm nay liên minh, thành lập Liên Bang Mọi.

Điều khoản 2.— Trong Liên bang Mọi, xứ Sê-Đăng rộng lớn hơn cả, nên Liên bang Mọi lấy tên là Quốc gia Sê-Đăng.

Điều khoản 3.— Ông De Mayréna được dân chúng Quốc gia Sê - Đăng tôn lên làm Quốc-Vương.

Điều khoản 4.— Ngôi vua xứ Sê-Đăng được cha truyền con nối, hoặc một người trong thân tộc của Vua do Vua chỉ định. Ngoài ra không một người nào được cai-trị Quốc gia Sê-Đăng Quốc gia Sê-Đăng không nhìn nhận Vua xứ An-Nam.

Điều khoản 5.— Quốc - kỳ của Nước Sê - Đăng, là nền xanh, giữa có thập tự trắng và ngôi sao đỏ.

Điều khoản 6.— Vua xứ Sê - Đăng được toàn quyền chuyên chế, Ngài là Chúa tể của nước Sê - Đăng và tổng tư lệnh tối cao Quân - đội quốc - gia Sê - Đăng.

Điều khoản 7.— Ngài có toàn quyền tuyên chiến, ký hòa ước, và tất cả các hiệp - ước, với ngoại quốc

Điều khoản 12.— Triều đình của Vua xứ Sê - Đăng sẽ gồm có một Hội - đồng tư - vấn phụ

trách các Bộ và một Đại Hội - đồng Quốc - gia.

Điều khoản 13.— Hiến - pháp này chỉ có Vua được quyền thay đổi mà thôi.

Làm tại làng Kon - Gung, kinh - đô xứ Sê - Đăng. ngày 3-6-1888.

Hiến pháp này, Marie de Mayréna đóng ấn đỏ của Quốc Vương và ký tên có vị Linh - mục Irigoyen ký một bên để chứng nhận, và có dấu lần tay của tất cả các chúa Mọi hội họp hôm ấy.

Thế là David Marie de Mayréna nghiêm - nhiên tự tôn lên ngôi Vua Mọi của một « Quốc - gia » Mọi mà tự y đặt ra. Từ hôm ấy, y lấy niên hiệu là MARIE 1er. (MARIE ĐỆ NHỨT) QUỐC VƯƠNG SÊ ĐĂNG.

Cũng hôm ấy, và nội trong tháng 6 - 1888, y thiết lập Triều đình Mọi và ký một loạt sắc lệnh để ban chức phẩm cho Hoàng - gia và các quan văn võ,

Sắc lệnh số 1, — ký Hiệp - ước liên minh giữa Quốc - Vương Marie đệ nhứt với Toàn quyền nước Xiêm đóng dinh ở biên giới sông Mêkong. Sắc lệnh tôn LÊ - THỊ - BẾN lên làm HOÀNG HẬU xứ Sê-Đăng. Trong Sắc - lệnh có ghi rõ « Hoàng-hậu được

cùng với Hoàng-đế ngồi Ngai vàng để ngự Triều ».

Sắc-lệnh ban cho Bi-thư Mur-eurol làm chức Bá-Tước và được quyền khai mỏ vàng trong xứ Sê-Đăng.

Sắc-lệnh tách riêng đất Mọi Bà-Na làm thành xứ CỘNG HÒA BAHNAR RON - GAO, và ký hiệp ước liên minh với Chúa Mọi RON - GAO được thăng chức TỔNG THỐNG CỘNG - HÒA BAHNAR.

Sắc-lệnh chỉ định kiểu QUÂN - PHỤC cho BỘ - ĐỘI QUỐC - GIA SÊ - ĐĂNG : áo cụt đỏ, quần trắng.

Sắc-lệnh cử hai chúa Mọi làm hai vị THỦ - HIẾN ở hai nơi.

Sắc-lệnh chia Quốc - gia Sê - Đăng thành ra 5 tỉnh, mỗi tỉnh có một vị Tổng-Trấn.

Sắc-lệnh đặt luật lệ cấm người ngoại quốc vào xứ Sê - Đăng, nếu không có giấy cho phép đặt biệt của Hoàng đế Sê-Đăng.

Sắc-lệnh cấm săn bắn voi. Tất cả voi trong rừng đều của Vua.

Sắc-lệnh ấn định kiểu y phục của Vua : 8 lon vàng, quần sọc đỏ đeo gươm. Vua làm cả chức Đại-Nguyên-Sứ.

Sắc-lệnh cử các quan Văn-Võ triều thần v.v...

Tất cả sắc lệnh ấy đều có ghi ở dưới :

Làm tại Tân kinh đô Pelei Theban, ngày 6 tháng 6 năm thứ nhứt của TRIỀU - ĐẠI HOÀNG-ĐẾ MARIE ĐỆ NHỨT. Và đóng ấn đỏ của Vua.

Ngày 3 Tháng 3 năm 1889 (Năm thứ hai của Triều vua Marie đệ nhứt) Mayréna có nhận được một lá thư của người vợ Đam của y bên Pháp gửi qua xin tiền. Y liền ký đạo dụ số 37, tuyên bố ly dị với vợ Đam tên là MARIE FRANCESCA AVRON.

Đạo dụ số 38, tôn đưa con trai của y ở bên Pháp, tên là ALBERT lên làm HOÀNG-TỬ và con gái MARIE LOUISE lên làm CÔNG-CHÚA, nhưng ở Pháp chớ không được qua xứ Sê-Đăng. Nếu Hoàng-hậu Lê-thị-Bến sẽ có con trai thì đưa con ấy sẽ làm THÁI - TỬ nối ngôi Vua!

Tháng giêng 1889, y sang HỒNG-KONG, gặp một người lái buôn Pháp tên là HENRI DE LA ROUSSELIÈRE, trước có làm Phó xã ở bên Pháp dưới đời Hoàng đế Napoléon III, y vận động được Henri giúp tiền của tiêu xài ở Hồng-kong, y liền

ký sắc lệnh cử Henri làm chức THỦ-TƯỚNG.

Và nhiều sắc - lệnh nữa kê không xiết.

Marie de Mayréna gửi thư cho ông Tổng Thống Pháp, ông Thủ - Tướng Pháp, ông Toàn - quyền Đông - Dương, các ông Khâm sứ Trung - kỳ, Bắc - kỳ, Ai - Lao, Cao - Miên, báo tin cho các vị ấy biết rằng y đã lên ngôi Vua xứ Sê - Đăng, một quốc - gia độc - lập liên - minh với nước Pháp ! Rồi y đặt thợ Sài Gòn nhiều thứ Huy - chương đặc biệt, nào là : « Bão quốc Huy - chương Sê - Đăng » « Ordre de Mérite Sê - Đăng » Bắc đầu bội - tinh Sa - Đăng v.v... mà y phát cho nhiều người, và ban cho họ những chức Bá - tước, Hầu - tước v.v...

Vài ba nhà báo ở Sài Gòn, và nhiều ông Trạng sư cũ Pháp lẫn Việt, đã được Marie 1er ban thưởng mẽ - đay. Ở Hồng - kong, Xiêm, Pháp, Bỉ, Hòa - Lan nhiều người cũng được Vua Sê - Đăng ban thưởng Mễ - đay và họ cũng công nhiên đeo lên ngực để khoe khoang.

Nói đúng ra, Mayréna cũng không phải là không có biệt tài. Bao nhiêu việc tổ - chức quốc - gia Sê - Đăng nào quân

đội. nào luật - lệ, nào vẽ bản đồ cho kinh - đô của y, nào đặt ra cơ puan hành chánh, v.v... chỉ một mình y làm hết. Y vừa là Hàng - đế : vừa là tất cả các Tổng - trưởng (vì Tổng - Trưởng Mọi không làm được gì hết) vừa là cảnh sát, vừa là thơ ký, vừa là anh chàng thầu thuế heo, thuế trâu v.v...

Cho nên có một nhà báo đã không ngại khen y là « Napoléon Sê - Đăng » !

Tháng 9 - 1888, Hoàng - Hậu Marie Lê - thị - Bến chết vì bệnh sốt - rét rừng, mà Quốc - Vương cũng hết tiền, y định đi du - lịch các nước để ngoại - giao, tìm người bỏ vốn cho ngài mở - mang kinh - tế.

Bắt đầu từ đây, cuộc phiêu lưu của Marie Đệ - nhứt, Quốc - Vương Sê - Đăng, làm sôi nổi dư - luận quốc - tế. Marie de Mayréna nhứt định tự cho mình là một ông Vua thật, chứ không phải Vua giả, mặc dầu chính phủ thuộc địa Đông Dương không nhìn nhận « quốc Vương Sê - Đăng ».

Nhưng vài tờ báo Pháp ở Sài - gòn, được y cho tiền và thưởng Mễ - đay, đã nói đến y viết bài khen y. Báo **Le Courrier d, Hải - phòng**, ở Hải - phòng báo **L'As-**

venir du Tonkin ở Hà - nội, cũng đã nói đến « Quốc - Vương Marie 1er ».

Vì đó, mà dư - luận quốc - tế chú ý tới, nhất là vì lúc bấy giờ các nước Anh, Đức, Hòa Lan... cũng đang ganh tỵ. Pháp có thuộc địa Đông Dương, họ muốn giành miền Cao nguyên của các giống dân Sơn - Cưc. Mayréna được thể. Xướng Qui - nhơn, y vẫn lấy danh nghĩa là « Quốc - Vương Sê - Đăng », và y có nói với ông Công sứ Lemire : « Nếu nước Pháp nhìn nhận Quốc - gia Sê - đăng, thì tôi sẵn sàng ký hiệp ước thân thiện với Pháp và đề cho Pháp đặt một tòa lãnh sự ở xứ Mọi. Nếu nước Pháp không nhìn nhận chức Quốc Vương của tôi và quốc gia Sê đăng của tôi, thì tôi sẽ ký kết đồng minh với Anh hoặc Đức ».

Công sứ Lemire vội đánh điện ra Toàn quyền ở Hà - nội để báo cáo về vụ « Marie 1er ». Ông Toàn quyền đánh điện hỏi huấn lệnh của chính phủ Pháp ở Paris, Các báo Pháp ở Balê đem chuyện ấy ra bàn tán xôn xao. Tên của Marie 1er, Quốc Vương Sê - đăng được đăng lên trang nhứt với những bài ngạo nghệ, viết bằng một giọng hài hước, Nhưng sau đó Mayréna

gởi tặng mẽ đay, huy - chương cho vài nhà báo thì chính mấy báo ấy trước kia ngạo y, bây giờ tán phượng y và hoan - hô Quốc - Vương Sê - Đăng !

Trong khi ấy, Mayréna đáp tàu sang Hồng - kong, định vận động với người Anh.

Y đáp tàu Freij của xứ Đan Mach, lấy tư cách là Vua Marie 1er và mặc y phục nhà vua kiêm chức Đại Nguyên - Soái Sê - Đăng, ngực đeo nhiều Huy - chương, tay đeo tám lon, quần sọc đỏ, hông đeo gươm, Y cho thợ sơn cờ xanh của « Vua Marie 1er » trên cột cờ tàu. Xướng Hồng kong, Marie 1er được viên Thống Đốc Anh tiếp kiến. Các báo Anh đến phỏng vấn và xin hình. Tờ **China Mail** ra ngày 15-11-1888, đăng một bài tường thuật ở trang nhứt, 4 cột chữ lớn ; với đầu đề,

★ « Vua xứ Sê - Đăng » viếng Hồng - kong

Hoàng thượng ban cho chúng tôi một cuộc phỏng vấn ».

Viên Lãn - sự Pháp rất đỗi ngạc nhiên và vội vàng đánh điện hỏi Toàn - quyền Đông dương về « anh chàng phiêu lưu dám tự xưng là Quốc Vương Sê - Đăng... »

Mayréna bắt chấp cả Pháp Y thiết triều tại « Hongkong khách

sạn » tiếp các nhân-vật và các nhà tư bản Anh và Tàu để điều đình việc bỏ vốn khai-khẩn xứ Sê-đăng. Y tặng Huy chương và

mề-day cho nhiều người Anh, người Tàu, người Pháp, người Nhật...

(Còn nữa)

* QUAN NIỆM ÁI TÌNH

• Tình yêu là ngôi sao mà nhiều người đàn ông nhìn theo đó để đi trên đường đời ; còn hôn nhân là cái hố sâu mà có ngày họ sẽ tụt chân xuống.

• Có hai người vợ, tức là thừa một người. Có một người vợ, cũng là thừa một người !

H.L. MENKEN

* CÔ GIÁO BỊ PHẠT

Một cô giáo ở Saigon, một hôm lái xe hơi trên một đường lớn. Đến ngã tư, đèn đỏ bật lên, cô cứ vọt đại xe qua, bị lính huýt còi. Cô ngừng xe cãi ầu với lính, và nhất định không chịu. Lính đưa cô về Bót. Khi biết cô là cô giáo, ông Cò nghiêm-trang bảo :

— Được rồi. Hồi nhỏ tôi đi học, mỗi lần tôi leo rào đều bị cô giáo bắt được và phạt tôi phải viết 500 câu : « Tôi leo qua rào ». Bây giờ, cô vọt qua đèn đỏ, tôi cũng phạt cô viết 500 câu « Tôi vọt qua đèn đỏ », 500 câu, cô nghe chưa ?

* KHÁM BỊNH. (của Bác-sĩ X.X.)

Lần nào ở trong các đám tiệc tôi cũng bị các người quen hỏi về bệnh này bệnh nọ. Người thì hỏi « Tôi nhứt răng quá, ngậm gì cho hết ». Người thì hỏi : « Tôi bị cái nhọt sau lưng, xức thuốc gì mau lành », v. v... Một hôm, trong một bữa tiệc rượu đang vui vẻ, có một bà rất đẹp đến gần hỏi tôi : « Thưa Bác-sĩ, dạo này tôi cứ hay tức ngực, nhờ Bác-sĩ chỉ dùm tôi nên uống thuốc chi ». Tôi liền bảo : « Mời Bà cởi áo ra cho tôi khám ngực tôi mới biết rõ. » Bà ta mắc cỡ đỏ mặt, không dám hỏi nữa.

X.X

NHẠC PHAI

Trăm ngã về đâu hỡi phố phường,
Phương nào còn dựng quán yêu thương.
Đề tôi làm kẻ giang-hồ khách,
Khẩn gói xin cho trú tạm lòng.

Đâu biết cảnh xanh nở trái sầu,
Đâu lòng yêu mến rộn tang đau ?
Bâng khuâng hồn gửi về muôn dặm,
Cửa ngõ lòng thơ chẳng biệt rào.

Thế đó, ngày vui chết yểu đi
Mưa trên bến lạ nhớ nhung gì.
Cây khô đợi gió mùa không lại,
Mỗi bước người qua lưu luyến chi ?

Lâu mộng hoa niên đã vỡ rồi,
Án tình còn lại chút dư hơi.
Tôi làm thơ bán vào thiên hạ,
Thơ ế nên tôi cứ ngậm ngùi.

Sầu đã theo về trên áng thơ.
Mà ai khẩn khít với ai chờ.
Trăm năm còn biết đâu hò hẹn.
Đêm lạnh cho lòng giá ngẩn ngơ.

TUYẾT - LINH

KHOA - HỌC

XEM TƯỚNG

★ TRẦN-QUỐC-BẢO



TRƯỚC
hết chúng
ta đừng
làm XEM
TƯỚNG
với XEM
BÓI. Bói và
tướng là hai
khoa khác
biệt nhau. Bói

toán thì dựa vào những nguyên tắc huyền bí, chẳng hạn như xem số tử vi, gieo tiền âm dương, chọn những lá bài tốt xấu, hoặc giả xét những đoạn văn thơ (KIỀU) vân vân... để tiên đoán vận mệnh con người. Bói lẽ đó những người không tra các điều huyền hoặc thì cho bói toán là dị đoan nhảm nhí: « Xem bói ra ma, quét nhà ra rác » không đáng tin.

Ngược lại, xem tướng là khoa học xét người, căn cứ theo diện mạo tướng bộ hiện hữu bề ngoài,

chẳng hạn thấy người có nét mặt tươi cười hơn hờ thì đoán đang sắp điều hay điều tốt, còn người mà điệu bộ ủ rũ nét mặt bơ phờ, đoán tất có sự buồn khổ trong lòng.

Khoa xem tướng dựa vào lý luận: *xem mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo bộ lông mới ngon*. Khi xét tâm tính con người, **KHÔNG TỬ** cũng đã nói: « *Nhân yển sru tại* » (người vậy dấu làm sao được!)

Những nhà Tâm lý học tài giỏi đều là những nhà khảo sát và xem tướng người rất sành. Tướng con người ta không phải chỉ lộ ra ở nét mặt vui, buồn, lo sợ hoặc ở tiếng nói câu cười, mà phát hiện trên toàn thân, từ kẻ tóc chân tay, chỉ đến tay chân và hình dáng, bởi thế: *những*

người tích ác trong lòng, búi hề về mặt cũng bong ra ngoài.

Trước mắt quan sát của một thầy tướng sành sỏi chỉ một sợi tóc nhỏ bé cũng đã đủ để xét người một cách tinh tế, tỉ như: *Tóc đen xơ xác mà dài, ngọn đen ngọn đỏ thiệt trai anh hùng, hoặc già: Quân tử đầu thơ phát, tiêu nhân túc vô mao* nghĩa là người quân tử trên đầu tóc thưa, kẻ tiêu nhân chân không có lông.

Thuật xem tướng chú trọng đặc biệt xem mắt. *Quan nhân quan kỳ mâu tử*, xét người trước tiên là xét con mắt. Cho nên trong việc hỏi vợ, cưới vợ, cuộc lễ quan trọng đầu hết là lễ « xem mắt ». Thật ra « xem mắt » vợ chưa cưới, chính là « xem tướng » người mình sẽ lấy, bởi cái tướng con người ta nó « bong » ra ở cặp mắt. Đi xem mắt mà được người: *Đàn bà con mắt lá dăm, lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền*, thì cuộc hôn nhân sẽ đem lại cho mình người nội trợ vừa xinh đẹp vừa khôn ngoan, chứ vô phúc mà gặp *những người tí hí mắt lơ, giai thì trộm cướp gái buôn chõng người* thật đúng là cái họa ách ngoài *đàng mang vào cổ*, và anh chõng

tất sẽ bị mọc sừng một cách đau khổ!

Trong lễ xem mắt, không chỉ riêng anh con trai đi xem tướng cô con gái, mà chính cô gái cũng « nhòm qua khe cửa » xem tướng chàng quân tử của mình, cô cũng xét nét từng li từng tí con người sau này sẽ « đầu gối tay ấp » với cô trọn cuộc đời. Nếu rui gặp *những người trắng mắt thâm môi, những người lông bụng chó chơi bạn cùng*, thì đời nàng sẽ kể như « lơ một nhíp cầu » vậy! Buồi sơ kiến, thật ra vẫn đề « lông bụng » ai mà biết là có hay không có, nhưng còn cặp mắt trắng nhả tất nhiên sẽ không thể lọt được vào « mắt xanh » của người thực nữ, vì *mắt trắng nhả, môi thâm xỉ, mặc cái gì cũng xấu*. Đừng nói đến mắt trắng nhả, con mắt chỉ hơi ngả màu một chút đã đáng cho người ta chê rồi, *người khờn con mắt đen sì, người đại con mắt nửa chì nửa thau*.

Sắc đẹp của cô gái cũng như tướng mạo của chàng trai, con mắt chiếm một địa vị quan trọng, thứ đến cái miệng: *đàn ông rộng miệng thì sang, đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà*. Nói về nam phái *tiếng ai như tiếng*

chuông đồng là người tương lai danh giá có thể làm lớn. Ai đủ 36 cái răng thì làm tới chức Đại tướng quân, cõ nhân đã có câu : *Tam thập lục chỉ đại tướng quân, Cốc hạ vô mao nhất thế bần*» Đối với nữ nhi, hàm răng, cái miệng vừa là sắc đẹp trời dành cho lại vừa biểu lộ cả tâm tình kín đáo của họ nữa. Cô gái mà có hàm răng đẹp, có miệng cười tươi tức là đã đẹp một nửa rồi vậy : *Trăm quan mua lấy miệng cười, mười quan mua lấy con người hữu duyên*. Hàm răng đàn bà Việt-Nam, ngày xưa nhuộm đen. Ở những miền đồng quê đến nay ta cũng vẫn còn nhận thấy nét đẹp riêng biệt của hàm răng đen nhưng - nhưc. Các cô gái mới bây giờ không còn ai nhuộm răng nữa, họ tìm cách giữ gìn hàm răng cho thật trắng, xưa và nay, bao giờ cái răng cái tóc cũng vẫn là gốc con người ! Phần nhiều nét đẹp của giai-nhân thường ánh lên tuyệt vời trong lúc mỉm cười. Nếu Bạo chúa mỉm cười mà đầu rơi máu chảy, thì giai nhân mỉm cười cũng thành quách ngã nghiêng, phận nữ nhi nào có thua gì trang nam tử ! Bởi thế, nam tử mới phải khen ngợi

nữ nhi : *cõ tay em trắng như ngà, con mắt em liếc như là dao cau, miệng cười như thề hoa ngâu, cái khấn đội đầu như thề hoa sen*. Nói vậy không phải cô gái nào cười cũng nghiêng nước nghiêng thành cả đâu ! Những người vô duyên thì cười nhiều chỉ tỏ cho thiên hạ ghét : *vô duyên chưa nói đã cười, ai mà cảm cho nổi !*

Ở phía trên miệng có đường « nhân trung » theo phép xem tướng : *nhân trung thâm trang*, nghĩa là đường nhân trung sâu và dài thì sống lâu.

Xem Tướng Tai, có câu : *Tai thì thành quách lại hòa thủy châu*, là vành tai nổi lên giống như hào lũy và giải tai rủ xuống, là tướng tốt.

Nói chung về cả bộ mặt gồm, mắt, tai, mũi, miệng, ta chú ý những điểm *Sĩ tề diện mãn hồng quang (1)* ngũ nhạc

(1) ngũ nhạc : năm núi cao, tiêu biểu năm phương bên Tàu là : Hoành-Sơn nam nhạc, Họa-Sơn tây nhạc, Trung-Sơn trung nhạc, Thái-Sơn Đông nhạc, Hằng-Sơn Bắc nhạc — *Phép xem tướng mặt người cũng có ngũ nhạc, ty (mũi) là Trung nhạc và hai tướng quyền là hai nhạc, Thiên đình (trán). Địa cát cằm (là hạ nhạc).*

triều đường phú quý chẳng sai, thọ trường bởi có lông tai là hàm răng đủ và đều, mặt đầy và hồng-hào, mắt mũi miệng má cân cốt là tướng giàu có và thêm có lông tai thì trường thọ. Mặt đầy là bộ mặt phương phi đầy đặn chứ không phải bộ mặt béo ị, phì nộn : những người phình phình mặt mo, chân đi chữ bát, thì cho chẳng màng mặt mo, mặt nạc, mặt đầy, đều là những bộ mặt của kẻ ngu si đần độn : mặt nạc dạn đầy, mo nang trôi sắp biết ngày nào khôn.

Xem mặt chọn chồng, nên chọn : *cầm lò địa cát phương tiện, ai có lưỡng quyền hạt má nở nang*, thì mới tốt. Và chọn vợ nên chọn : *Trai lông chân gái gân mặt, đất mây cũng mua !*

Có một số các nhà tướng số chú trọng nhiều đến việc xem tướng tay rồi từ đó biến thành một môn bói chỉ tay làm sai lạc ý nghĩa việc xem Tướng. Bàn tay có tướng tốt là : *chương trung nhu nhuyễn huyết hồng phú nhi đa lộc thịnh phong at tởy*», bàn tay mềm đầy đặn, có sắc máu hồng hào thì được hưởng giàu có, tài lộc nhiều, làm ăn thịnh-vượng phong-phú

hơn mọi người. Cũng có người cho rằng hễ ai thuận tay chiêu, đập niều không vỡ, đánh vợ không đau !

Phàm xem tướng, sau khi xét diện mạo là xét ngay đến thân hình. Người ta béo, gầy, cao, thấp khác nhau, mỗi hình dáng có riêng một tâm tình. Đàn bà : *những người thắt đáy lưng ong, vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con*, ngược lại : *những người béo trọc béo tròn, ăn vụng bằng chop, đánh con cả ngày*. Đàn ông mà cằm không có râu, cũng như đàn bà thân hình không vú, nam vô tu, nữ vô nhũ là tướng xấu, hiếm con ít tình cảm.

Phép coi tướng, xét suốt từ đầu đến chân, cho dù toàn thân đều xinh đẹp, tốt lành mà chỉ một chấm nốt ruồi bé tí teo ở dưới con mắt phạm vào tướng *Thương phu trích lệ (giọt lệ hạt chồng)* là đủ số toẹt ngay một giai-nhân tuyệt sắc.

Chót hết, ta xét đến cặp chân. Thường thì đàn ông ai có lông chân đều tốt cả : *quan tử lông chân, tiêu nhân lông bụng*. Xét về lông chân chỉ xét riêng cho đàn ông mà thôi : *gai lông chân, gái*

gân mặt, còn đàn bà phần đông chân không có lông bởi thế xét chân đàn bà ta xét đến dài ngắn, ai chân ngắn là người bản tiện, vất vả, hay đau yếu. Chân dài tốt, *trường túc bất tri lao*, sức lực mạnh khỏe, nhiều con, phú quý, chân dài mà tướng đi phải khoan thai mới thật tốt, chứ nếu gặp : *những người phình phình mặt mo, chân đi chữ bát thì cho chẳng màng !* Nói chung kiểu cách con gái cần thiết phải nhẹ nhàng, từ tốn, khi ăn uống, lúc nói cười phải cho yếu điệu duyên dáng, *nam thực như hồ, nữ thực như miêu*. Trái lại con trai phải hùng-dũng mạnh bạo, *thực như phong, hành như vũ*, mới đúng là trang nam tử.

Trên đây, xét về Thuật xem Tướng, chúng tôi đưa ra những kinh-nghiệm của cổ nhân, nhìn

người với con mắt khát-khe, xét nét, suy vi từng li từng tí, kết quả đôi khi quá vô đoán và chủ quan. Vì một đôi diềm vô đoán gần như vô lý nên có người đã không tin khoa xem tướng, cho rằng *họa hồ họa bì nan họa cốt, tri nhơn tri diện bất tri tâm* : *sông sâu còn có kẻ dò, lòng người nham hiểm biết đo sao cùng*. Lại nữa, *nhân vô thập toàn*, nếu xét tướng con người tỉ mỉ cận kề thì tìm đâu ra kẻ "mười phân vẹn mười" được !

Sự tin tưởng số hay không xin dành lại đề Quý Vị Độc giả phán đoán. Riêng kẻ viết bài này chỉ xin nhắc lại một câu, gần như là một định-luật của Tạo Hóa : *Những người tích ác trong lòng, bội hề vô mặt cũng bong ra ngoài*.

* DANH NGON : TIỀN BẠC

• Tiền bạc cho ta nhiều lớp vỏ bề ngoài xa-hoa, mà không cho được bề trong vững chắc :

Nó cho ta nhiều món ăn nhưng không phải khiêu ngon, nhiều thuốc uống nhưng không phải sức khỏe, nhiều bạn bè giao thiệp nhưng không phải bạn tri kỷ, nhiều đầy tớ nhưng không phải kẻ trung thành, nhiều lúc vui nhưng không phải hạnh phúc.

HENRIK IBSEN
(Kịch sĩ xứ Na-Uy)

NHỮNG CON

“VỊT CỒ”

TRONG LÀNG BÁO VIỆT

★ TẾ XUYỀN



H Ữ N G
ký giả viết
nhựt báo là
những người
rất chú trọng
đến tin tức vì
các nhựt báo

các việc mới xảy ra. Vì luôn luôn lo săn tin, tìm tòi cái gì mới, lạ, mà lắm khi nhà báo vô tình đăng phải những tin thất thiệt, tiếng nhà nghề gọi là "tin vịt" hay "vịt cồ" nếu là một tin thất thiệt quá lớn.

không nhiều thì ít đều phải lo thông tin đầy đủ cho độc giả, đầu là tờ báo nghị luận đi nữa. Tin tức là "món" mà dân chúng thích đọc ; ai cũng muốn biết có gì mới, xảy ra trong địa phương mình ở, hoặc trong khắp nước, khắp thế giới.

"Tin sốt dẻo" đã là một thành ngữ trong làng báo, tỏ ra các báo cần những tin mới về

Trong lịch sử báo chí có hai con "vịt cồ" đã đến báo hại cho hai tờ nhựt báo muốn điên đầu : một tờ ở Hà-nội, một ở Saigon.

Hồi ấy là năm 1930. Tại Bắc-Hà có hai tờ nhựt báo lớn tranh đua về tin tức : Tờ *Đông Pháp* của ông Ngô văn Phú và tờ *Ngo Báo* của ông Bùi xuân Học.

Phải nhận rằng báo chí khuyh hướng về thông tin là do công của ông Ngô văn Phú một phần lớn. Sau khi mua lại được tờ *Đông Pháp* của một người Pháp, ông đã tổ chức một hệ thống thông tin rộng lớn và hữu hiệu, nên báo của ông rất phong phú về tin tức, không bỏ sót cả những tin nhỏ đăng vắn tắt trong vài hàng; thậm chí báo *Đông Pháp* đã bị chế diễu là tờ báo đăng tin « chó chết ».

Những « tin chó chết » đã lan tràn trên các nhật báo Bắc Hà vì hàng ngày xảy ra không những việc « chó chết » mà còn những việc « người chết » làm rúng động cảm quan của độc giả. Độc - giả là người tiêu thụ đã thiên về báo thông tin, nên các báo phải đua nhau chiều theo thị hiếu của người đọc, để cho báo chạy.

Trong trận thi đua giữa hai tờ nhật báo lớn: *Đông Pháp* và *Ngọ Báo*, tờ sau này đã té một cái đau điếng người, có thể nói là cái té của một tay đua « Vòng Cọng Hòa » trên dốc đèo Hải - Vân.

Tờ báo làm nổ nôi súp de

Hôm ấy vào buổi trưa, *Ngọ Báo* sắp lên khuôn thì có người cho một tin « sốt dẻo »: nôi súp-de của nhà máy nấu rượu Văn-Điền bị nổ. Một tin « giựt gân » như vậy sẽ làm cho báo bán chạy như bơ sữa hồi thực phẩm bị khan hiếm. Mà nếu lại riêng có một tờ báo đăng tin, thì các tờ khác chỉ còn có đem bán ve chai.

Tòa soạn náo động, bàn tán. Nhà máy rượu Văn-Điền đâu phải một xí nghiệp nhỏ. Nó là một công cuộc tranh thương với người Pháp vì rượu Văn-Điền cạnh tranh với rượu của hãng Fontaine sau khi hãng này không còn được giữ độc quyền nấu rượu nữa. Vậy nhà máy rượu Văn-Điền gặp tai nạn, nổ, nôi súp-de là một việc « động trời » mà cả nước sẽ chú ý.

Văn-Điền cách Hà-nội không bao xa. Gần như Gò-váp với Sài-gòn, vậy mà *Ngọ Báo* không phải người đến tận nơi xảy ra tai nạn để điều tra vì báo sắp lên khuôn và tai nạn xảy ra hồi sáng, chắc các báo khác không hay kịp. Đăng được một tin lớn, trước hơn hết các đồng nghiệp, còn gì nổi tiếng cho bằng. Huống

chỉ người cho tin lại là người cùng làng với ông chủ nhiệm; anh ta đưa thẻ thuê thân cho tòa soạn biên đề sau này anh ta chịu hết trách nhiệm. Nếu vậy thì chắc chắn rồi, còn gì nữa. Trong lúc vui mừng, hấp tấp, trong tòa soạn không ai nghĩ đến việc bắt người cho tin phải làm giấy cam đoan là tin xác thật, tưởng chừng cứ ghi thẻ thuê thân là đủ rồi.

Ngọ Báo đăng vào mục tin giờ chót vụ nôi súp-de nổ với nhiều chi tiết dồi dào: thịt nát, máu tuôn, nghe thật rùng rợn. Số nạn nhân chưa biết là bao nhiêu, nhưng súp-de nhà máy mà nổ vào lúc thợ đang làm việc thì phải biết! Tiếng nổ phải lớn như tiếng đại bác, vang dội cả một địa phương, đến các làng ở xa cũng nghe tiếng; những mảnh gang của nôi súp-de giết công-nhơn trong hãng chẳng thua gì mảnh đạn đại bác. Nhà báo đăng tin và không quên đề lời « thành thật chia buồn với các gia-đình nạn nhân, cầu chúc cho vong hồn những người thiệt mạng sớm tiêu điều miền Cực-lạc hay mau về với Chúa. »

Lúc báo phát hành thì *Ngọ Báo* là tờ độc nhứt có tin rùng rợn trên đây và chinh phục hết thị trường độc giả; các báo khác

ế, chất cả đồng cao như núi.

Ngọ Báo ra rồi, phóng viên, thợ ký tòa soạn, chủ bút, chủ nhiệm, tất cả kéo nhau đi Văn-Điền để điều tra thêm, quyết viết một thiên phóng sự dài có hình ảnh, đề khai thác sự kiện đã xảy ra và « câu » những độc giả đã đọc « tin sốt dẻo » đầu tiên đăng trong số báo trước.

Nào ngờ đâu, đến nhà máy rượu, thì thấy thợ thuyền vẫn làm việc tấp nập như thường, không có dấu vết gì là có tai nạn ghê-gớm đã xảy ra. Ông chủ nhà máy vốn là bạn thân với ông chủ nhà báo nên ông đọc *Ngọ Báo* sớm hơn ai hết. Thấy báo của bạn mình bỗng dựng gậy ra tang tóc cho xí-nghiệp của mình, — hay là trù ếm cho mình sạt nghiệp — chắc ông giận trào máu, nhưng rồi ông cũng phải hiểu là nhà báo đã vô tình thả ra « con vịt cồ ». Khi thấy cả một đội binh tòa soạn kéo đến, ông chủ nhà máy rượu bắt tay ông chủ báo mà cười bề bụng: Mời anh vô coi, anh cố tìm xem có nôi súp-de nào nổ không ?

Tất cả các ký giả có mặt ở đó muốn động thổ cho rồi và ai cũng như chết điếng vì nôi súp-de nổ trong óc mình, trong khối

óc tưởng tượng.

Vì t nh bạn giữa hai chủ nhơn nên câu chuyện cũng được giàn xếp bằng mấy lời đính chánh và xin lỗi trên báo, chớ không đến đối nôi súp-de nõ bung lãn nửa trước tòa án.

Ký giả giết một Bà Đốc Phủ

Nếu báo Hà-nội đã làm nõ một nôi súp-de, thì trong Nam có ký giả gây ra một vụ "ám sát ma" — vì không có thiệt — tại nhà một bà đốc phủ danh tiếng ở Hốc-môn.

Bà này là một nhà giàu có, lại là ở trong một gia-đình thân Pháp, giao thiệp lớn khắp nơi. Một hôm vào khoảng năm 1932 bà bỗng thấy dân chúng mới sáng sớm đã bu đông nghệt trước cửa nhà bà ; họ xì xào nói nhỏ :

— Bà đốc-phủ bị ám sát kìa mà sao bà lại còn sống nhăn ?

— Bà chưa chết nhăn răng thì bà còn sống nhăn chớ gì. Thật là cứ tin ở báo thì đồ thóc giống ra mà ăn.

Bà đốc phủ cho người nhà ra xem đám đông bu trước cửa nhà bà vì có gì... Hay rõ lý do, bà

sai mua tờ báo *Điện-Tin* đọc thử bà muốn ngã ngựa vì bà đã chết rồi, đã bị 2 thanh niên vào nhà ám sát hồi hôm. Tin giờ chót của báo ấy đăng rõ ràng như vậy, với đủ cả tên họ của bà nữa.

Vừa bỏ tờ báo xuống, thì một người bà con thân của bà bước vội vào nhà : « Ủa sao báo đăng tin chị bị... Em vội vàng bao nguyên cõ xe từ Sài-gòn lên thăm chị ! »

Rồi đến người thứ hai... Người thứ ba và vân vân nữa. Người trong họ bên chồng cũng như bên vợ, cùng bằng hữu của cả hai bên, tấp tểi lên Hốc-môn để thăm bà Đốc phủ xấu số. Tới nơi mới hay là bà mới chế, trên mặt báo, còn trong nhà bà thì bà vẫn bình an vô sự ; thượng-đế còn bắt bà trả nợ đời, và cại nợ gần hơn hết là phải tiếp các người quen đến hỏi thăm náo nhiệt, làm cho bà có thể mắc chứng đau tim.

Cò bút điều tra tin thất - thiệt này thì biết được tác giả là phóng viên Anh - Dũng của báo *Điện Tin*. Theo thông - lệ hồi đó, mỗi khi báo lên khuôn rồi, tòa soạn cất một người ở lại chờ tin giờ chót. Hôm ấy là lược phóng viên.

Anh - Dũng. Anh đã nhận được một tin bằng điện thoại nói là của « bút Bà Chiêu » báo cho hay : tin bà Đốc phủ Mít ở Hốc - Môn bị ám sát và đã trút linh hồn. Nguyên là các phóng - viên săn tin đã liên lạc với người quen trong các sở cảnh sát để nhờ cho tin.

Anh - Dũng được điện thoại từ « bút Bà Chiêu » báo cho biết một tin rất lớn, mừng quá đăng lên báo và chắc chắn mai sẽ được chủ nhiệm ghi công trạng. Anh có dè dặt người của « bút Bà Chiêu » ấy chỉ là một đồng nghiệp của anh ở một tờ báo khác muốn trả thù anh nên cho anh "leo cây". Hôm trước Anh - Dũng đã không cho anh này một tin lớn mà lại giữ độc quyền cho *Điện - Tin* thì nay anh được độc quyền thêm một « tin vịt » nữa làm cho anh mất việc.

May tờ báo anh làm lại là một tờ quen biết lớn nên Anh - Dũng không bị ra tòa về tội « cố sát »... bằng ngòi bút.

Cuộc tiếp rước 2 phi công dưới Thủy cung

Làng báo Pháp cũng có ghi một "tin vịt" lớn hơn cả hai con « vịt cõ » đã báo hại 2 tờ báo Việt-Nam. Đó là vụ báo *La Presse* năm 1 27 đã tung ra một "tin vịt quốc tế" vì tin này làm náo động cả Âu-Mỹ.

Năm ấy có cuộc bay qua Đại Tây-Dương lần thứ nhứt của hai Phi công mạo hiểm Pháp Nungesser và Coli. Nếu thành công thì 2 anh này sẽ tiếng tăm vang dậy vì hai anh sẽ là người đầu tiên nối Âu với Mỹ bằng con chim sắt.

Lúc báo chí Paris được tin Nungesser và Coli sắp tới đích, chỉ còn một đoạn ngắn trong hành trình, chắc chắn phải thành công, thì tờ *La Presse* muốn làm lạnh, ra một số đặc biệt tường thuật cuộc tiếp rước long trọng của dân Mỹ dành cho hai phi công Pháp. Tất nhiên phải long trọng lắm rồi vì chí mạo hiểm của hai phi công ấy là một gương cao cả đáng nêu lên cho thanh niên.

Số báo đặc biệt bán rồi, mới hay tin hai phi công vì bị hư máy bay mà đã xuống thăm Hà-Bá.

Cuộc tiếp rước long trọng

trên đất Mỹ té ra là cuộc tiếp
rước của đoàn cá kình ở Thủy
cung.

Tờ báo đã tưởng tượng ra
cái « tin vịt » ấy biết ăn làm sao
nói làm sao bây giờ. Thôi, chỉ
còn có nước « Xin lỗi bạn đọc ».

Nếu hai tờ báo Việt-Nam

trên kia bị nạn vì sự cạnh tranh
bất chánh đồng nghiệp, thì tờ báo
Pháp này tội còn nặng hơn vì
cố ý thêu ra tin thất thiệt với
óc tưởng tượng. Chỉ khác là
báo này không giết ai bằng cây
bút. Báo này đã « làm sống »
lại hai phi công chết dưới nước.



* CHO THUÊ NHÀ

Tôi ở căn phố lâu một mình nhưng tính ưa tĩnh mịch nên
đán giấy cho thuê bớt nhà dưới :

« Cho thuê gia-đình không có trẻ nít ». Hôm sau, có một
đứa bé 8 tuổi đến lễ phép hỏi :

— Thưa ông, tôi muốn thuê nhà của ông. Tôi không có
trẻ nít, chỉ có hai người già và 2 người lớn thôi.

Tôi ngó sau lưng đứa bé thấy một ông già, một bà già, có
lẽ là ông nội, bà nội của nó, và một người đàn ông một người
đàn bà, có lẽ là ba má của nó. Tôi đành phải ép bụng cho đứa
trẻ nít thuê nhà vậy.

* TÌ XOA

Bà Hội-đồng cho rằng Bác-sĩ tính tiền chữa bệnh cho bà hơi mắc
quá. Bác-sĩ bảo :

— Xin bà nhớ rằng tháng trước tôi đã đến đây 10 lần để
chữa bệnh trái rạ cho con bà, mà chưa tính tiền.

Bà Hội đồng trở mặt bảo :

— Nhưng xin Bác-sĩ nhớ rằng thằng con tôi đã lấy bệnh trái
rạ cho cả lớp nó, thì Bác sĩ đã lượm biết bao nhiêu tiền ?

B. T.

24 GIỜ ĐÃ QUA

Gà nhà ai gọi sáng
Giữa đêm tối mờ sương ?
Ai đi trong rừng vắng
Lang-thang giữa đêm trường ?
Trời nay trở gió bên đường
Lá vàng rơi rụng, buồn vương xóm làng

Sóng vỗ ngoài biển khơi
Chim reo ngày trở lại
Ai dựng một mùa hoa ?
Ai đem tình nhân ai ?
Ta đi, ta hái hương hoa
Đệt tình nhân loại, sống hòa mến yêu

Hồn ta tiêu diêu quá
Đã mấy độ nay rồi
Hôm nay ta trở lại
Giữa buổi sớm Tinh-Khôi
Đường đời thiết tưởng như vôi
Như nước sông chảy, bèo trôi lững lờ

24 giờ đã qua
Nghẹn ngào nên khó nói
Ta đi giữa đường trần
Chân chưa hề biết mỏi
Có người khách hỏi đi đâu
Thưa rằng ; hàn lại vết đau nhân-tinh.

THANH-TRÚC (Dalat)



★ THÁI-THỨC-ĐIỂN

CHỤP TÍT — HOẠT-PHIM

(Tiếp theo P. T. số 13)

9) Tít lung lay rồi rõ dần :
Dùng một tấm cát-tông, đục chữ hủng. Lấy một chậu vuông (thứ để rửa hình). Lấy giấy đen dán sát đáy. Đổ nước xâm-xấp. Đặt tấm cát-tông đục chữ lên miệng chậu. Chiếu đèn thật sáng vào miếng cát-tông làm cho ánh nước xuyên qua lỗ đục thủng theo nét chữ. Đụng mạnh vào chậu nước. Nước xao động thì bắt đầu bấm máy chạy. Nước lạng lạng, nét chữ sẽ hiện lên rõ ràng.

10) Bút thần vẽ tít : Thường dùng cho phim màu. Lấy giấy màu. Kẻ tít trước bằng bút chì đồng màu (thứ bút chì

mỏ : crayon gras). Màu bút chì điệp với màu giấy nên không ăn hẳn lên phim. Lấy cọ nhỏ (pin-ceau) chấm màu nước tương phản với màu giấy (ví dụ vàng với giấy đỏ, vàng với giấy xanh...) bắt đầu vẽ theo nét chữ đã đề sẵn. Máy chạy. Màu nước đọng ở rìa chữ làm chữ nổi bật lên. Minh chữ vẽ bằng bút chì mờ không ăn nước màu.

11) Nét chữ bỏ lặn tới hai cách :

a) chụp từng hình một, cứ mỗi hình lại vẽ nói thêm một đốt chữ nữa.

b) lấy tấm giấy kẻ chữ, đục thủng. Đem đặt lên một tấm giấy

đen. Dùng những dung giấy điệp màu với tấm giấy có đục chữ để che khuất nét chữ, bị đục. Cho máy chạy, kéo lần các dung giấy theo lối viết. Chúng ta sẽ có cảm-giác là nét chữ đen bỏ tới, bỏ tới cho đến khi hóa thành cả chữ.

Phương-pháp này, dùng trong các đoạn phim trình bày bản đồ hành quân khi tiến tới hay rút lui, hoặc đánh dấu hành trình của đoàn cu-rơ xe đạp liên-xứ, hoặc đoàn thám-hiềm đã vượt suối băng ngàn v.v... Có lẽ bạn sẽ nhớ đến đoạn phim của Bộ Thông-Tin trình-bày về Xa-Lộ Việt-Nam chiếu trong tuần trước. Phương-pháp kể trên đã được áp-dụng để mô-tả sự tiến-triển mau lẹ của các công-cuộc kiến-thiết do chính-phủ chủ trương.

Xảo-thuật càng ngày càng tân-tiến. Các bạn vừa xem cuốn phim Le Cauchemar de Dracula cũng nhận thấy có một ít xảo-thuật, nhưng là thứ xảo-thuật về bài-trí. Trong cuốn phim này, đạo diễn đã dùng nhạc đệm để tạo ra không khí rùng-rợn, bất-gờ! Có một điều đáng chú ý là cách dùng G.P. (Gros plan) và nghệ-thuật nối ráp phim. Đó là phần xây-dựng kỹ-thuật mà tôi sẽ b'ìn đến một kỳ sau.

Tôi xin trở lại vấn-đề Hoạt-

phim, vì có nhiều bạn viết thư đến yêu-cầu. Theo nhận xét của tôi thì ngành hoạt-phim có thể khai-thác có kết-quả tại nước nhà. Lý-do : nước ta hiện thời có rất nhiều « họa-sĩ » mà tài-năng chưa được triệt-đề khai-thác (đang chuyển-hướng sang nghề kẻ bảng hiệu!) hai là hiện nay thiếu phim cho trẻ em. Thật ra hoạt phim không cần có những phim-trường rộng-lớn (như Walt Disney Land chẳng hạn). Các hoạt-phim giáo-dục có thể quay bằng phim 16 ly mà máy 16 ly như Paillard chẳng hạn lại có cơ-quan chụp từng hình một, có ống-kính « màn-rộng », ống kính co-giãn « Pan-Cinor v.v... và lại có cả một « dàn » dụng cụ để làm xảo-thuật, có thể dùng để quay tít, hoặc thực-hiện hoạt phim. Hơn nữa các trường-học cũng như các tư-gia thường dùng máy chiếu 16 ly. Vì thế vấn-đề khai-thác phim 16 ly lại trở nên hợp thời.

Một điều mà các nhà sản-xuất thường tỏ vẻ lo-ngại nhất là tài-tử. Đây là một trở-lực đáng kể. « Tài-tử sống » thường giàu tự-ai, muốn uốn-nắn theo đúng ý của đạo diễn rất khó khăn. Một khi đã « ăn-khách » tài tử tỏ ra khó « với » tới! Cho nên « tài tử chết » (chết có nghĩa là hình vẽ) ít khó tánh hơn,

và nhút nhút theo lời đạo diễn nơi đây, tài tử là đạo diễn đạo diễn là tài tử, khỏi ai đổ tội cho ai cả. Tội nghiệp con Mickey danh tiếng khắp hoàn cầu, nó lại không nhông nhều đòi hỏi tuyên bố âm i hay được một cái Oscar nào cả. Cứ xét theo đó trong khi thời buổi khan hiếm tài tử, đắt như cũ-quế, phim 35 ly lên giá, máy làm phim nhập cảng bị liệt vào hạng xa-xỉ-phẩm tưởng các nhà sản xuất nên nghĩ đến vấn đề khai thác hoạt phim, nếu hoạt phim mỹ-thuật chưa được thì hoạt phim giáo dục Phổ-thông, với các « tài tử chết » như Vá, vếu, Bang Banh, Lý-Toét, Xã xệ, hay là Vàng, vện, Vịt, Bàu, Cũn, Chó Berger v.v... cũng tạm gọi là đầy đủ và còn kịp chán. Thị trường tiêu thụ trong nước kể cũng đã khá quan trọng. Biện-pháp này còn có thể nuôi sống một số nghệ-sĩ « tay, mắt » xuất thân từ các trường cao đẳng mỹ thuật đang chuyển-hướng sang nghề kẻ bảng hiệu và trình bày hình bìa sách và âm nhạc cải-cách!

Hoạt phim có hai loại tùy theo đề tài khai thác và mục đích của nhà đạo diễn: Hoạt phim mỹ-thuật và hoạt phim giáo dục (trong đó có khoa học). Mỗi loại đòi hỏi những kỹ

thuật viên riêng biệt, nhưng số đông là HOA-SĨ. Ở nước Pháp hơn mười nhà sản-xuất hoạt phim. Bên Mỹ thì khối nói ngành hoạt phim được khai thác triệt để, như là quảng-cáo các sản phẩm, cắt-nghe bộ phận của cơ thể v.v... Nói tóm hoạt phim có thể áp dụng vào bất cứ một vật kiện gì, âm-chị đến một tề hại gì, mà không động chạm đến lòng tự ái của con người bằng cách dùng thú vật làm tài tử, thú vật nhưng có tánh và cử chỉ như nhân loại, khiến cho người vừa cười vừa học, tuy bị châm-biến nhưng không nổi giận... Hơn nữa các tài tử chết triệt để theo ý muốn của đạo diễn và nhà sản-xuất.

Nguyên tắc như đã nói trên là nguyên tắc điện ảnh, đưa vào sự nhận xét quá chậm của thị quan. Cảm-giác « động » do các hình « tĩnh » chạy nhanh theo tốc độ 24 hình I giây gây ra. Cho nên cách chụp cũng cần cứ vào nguyên tắc ấy: nghĩa là các động tác đều phân chia ra làm 24 động tác phụ, vẽ vào giấy, rồi đồ lên mi ca, chụp từng động tác phụ một, từng xê dịch nhỏ với tỷ lệ 1-24.

Nguyên-liệu chính là Mi-ca, Mực-tàu và gouache.

Bối-cảnh vẽ riêng vào một

tấm mi-ca mờ. Các tài tử vẽ bằng Mực tàu lên Mi-ca Trong.

Cách vẽ rất giản-dị: phác họa tài tử trên một mảnh giấy croquis và sửa chữa theo ý mình. Đem đồ lên một tấm mi-ca. Chỉ vẽ đường viền cho ra hình « tài tử ». Các khoảng trống giữa đường viền được bôi mờ. Ví dụ: Vẽ một con chó, chỉ vẽ những nét chính là đường viền cái hình con chó lơ tai, mắt, chân, bằng những đường đơn giản. Khoảng trống như là đầu, cổ, mình, bụng, bắp chân v.v... đều bôi mờ bằng gouache trắng hay màu...

Vì sao phải làm như vậy. Các bạn chắc nhớ Mi-Ca trong suốt, nếu không bôi mờ, khi các tấm mi-ca đặt trước sau, những nét vẽ của tấm này sẽ hiện suốt qua các tấm mi ca khác, khi chụp; ví dụ như con chó đang chạy giữa một đám rừng, thì chúng ta tưởng như con chó bằng ve chai trong suốt nên thấy cả cây cối đằng sau nó qua đầu mình, bụng v.v... của nó. Nếu bôi mờ các khoảng trống ấy thì các khoảng mờ sẽ che lấp những đường vẽ của những tấm mi-ca đặt ở phía sau, và ta có cảm giác như thật vậy. Điều này rất quan hệ!

Còn « tác phong » của « tài tử »

do tài ba của họa sĩ phổ nên, trình bày qua các động tác hiện ra dưới nét vẽ. Các động tác lại còn phải ăn nhịp với nhạc điệu. Nhạc điệu chi phối số tấm mi-ca phải vẽ, như vậy có nghĩa là nhạc điệu chi phối cách phân tách các động tác ra động tác phụ.

Vấn-đề nhạc đệm trong hoạt-phim rất hệ-trọng. Nền nhạc phải ăn nhịp với động-tác cũng như động-tác phải ăn nhịp với nền nhạc. Ở đây tài ba của nhạc-sĩ được dịp phát-triển. Thường dùng các nhạc-điệu vui, nhẩy-nhót (Polka, Mazurka, Swing v.v...) để phân-tách hơn. Điệu valse cũng được xài song ít hơn, vì cách sắp đặt (phân chia động tác, rất khó). Nói tóm kỹ-thuật kết-cấu nhạc đệm phải khá cao mới làm cho cuốn phim nổi bật lên được.

Một cuốn hoạt-phim ngắn gồm độ 12 bối cảnh, chừng 200 đến 250 hình chính của các xen chính.

Hệ thống tổ chức nhân viên khai thác gồm có: Đạo diễn, Họa sĩ Trưởng, Họa sĩ phó, Họa sĩ Chánh, Họa sĩ phụ tá, Họa sĩ tập sự; Bác thợ đề co, bác thợ quay, Nhạc sĩ, thợ vô tuyến, thợ ráp nối, thợ phòng tối...

Đạo diễn viết cốt chuyện, phân cảnh, bố cục các màn, thắt nút

nói mở, đưa qua nhạc sĩ, viết nhạc đệm. Họ quay thử một đoạn. Rồi quyết định. Đạo diễn gặp họa sĩ Trương, cho biết tánh tình các nhân vật, cắt nghĩa rành rẽ từng trường hợp, từng xen một. Họa sĩ Trương phát họa các tài tử theo ý muốn của diễn, sửa chữa, hoặc đề nghị những sáng kiến... Xong họa sĩ trưởng phát họa các động tác chính của một xen, ông ta chỉ phác động tác đầu và động-tác cuối mà thôi và cố nhiên các động tác ấy đã được nghiên-ngẫm nghiên-cứu một cách độc-đáo. Nếu là một « tài-tử » đã quen thuộc, thì các động-tác phải tương-tự như các động-tác trước. Ví dụ trong phim trước « tài-tử hay nhếch mép cười thì trong các phim sau thỉnh thoảng phải nhắc lại cái cười nhếch mép đó. Xong họa-sĩ đưa qua họa-sĩ phó, xem sóc các bối cảnh, vai phụ, phong cảnh v.v... Họa-sĩ Chánh nghiên-cứu các động tác chánh quan trọng nhưt nằm giữa động tác đầu và cuối. Xong đưa qua họa sĩ phụ tá. Ông này phân tách ra động tác phụ đúng với nhạc điệu và quyết định số tấm mi-ca phải xài cho mỗi động tác một. Kế đến ông đưa qua cho họa sĩ tập sự đề tô màu hoặc tô mờ.

Một tí dụ : Đề tài : Màn chó đực Bernard gặp cô Chó cái Ju-

liette (hay là Dét cũng thế) Đạo diễn ghi : Tánh tình chó Bernard chó hoang, lang thang không nhà, cao bồi, hay dành cướp xương, liếng xảo tự do, phóng đảng bị xe cây xúc hụt mấy lần ...v. v...

Tánh tình chó cái đồng trinh Juliette : chó của một bà phú hộ cũng như một cô gái, chỉ biết lâu cao nệm gấm, chưa hiểu cạm bẫy ở đời (đời mắt thơ ngây) có cổ trông bằng vàng ...v.v.v...

Họa sĩ Trương tưởng tượng ra chú chó mà chúng ta đã được xem ở trên màn ảnh Sài-gon.

Màn thứ ... XXX Chó đực Bernard thấy Juliette nguầy nguây, rún mình ra trước, nhảy nai, (động tác chính).

Họa sĩ phó vẽ thêm : đường sá cây cối nhà cửa, thêm một vài sửa đổi nhỏ, như mặt, mồm v.v...

Họa-sĩ chính kẻ thêm những cử chỉ ở giữa các cử chỉ trên như liếc mắt ra sao, thè lưỡi ra sao, quặt đuôi ra sao, nhếch miệng cười duyên, và đứng vào chỗ nhạc đệm rit lên phải nhếch mép nhè răng ra sao v.v... Họa-sĩ phụ tá tính toán theo nhạc điệu (mấy sao) mỗi động tác mấy sao và chia đúng các động tác liên-tục. Xong đưa qua họa-sĩ tập sự bôi mờ và tô màu.

Kề ra thì dài dòng, nhưng một khi quen tay quen mắt, các họa-

sĩ chỉ ngó sơ qua là họ tưởng tượng ngay ra các động tác phụ và lầm nhẫm chia mau như ta tính nhẫm vậy. Và lại có những cử chỉ quen thuộc đã vẽ từ trước nên sao lại bản cũ cũng không mấy khó khăn.

Tuy nhiên các họa sĩ phải có một bàn tay mềm dẻo, nét bút bén ngọt, sắc - sảo, điêu-luyện, ta có thể ví các họa - sĩ hoạt phim với các ông kẻ chữ hoa bằng viết tre vậy.

Các hình vẽ xong trên giấy, liền được kiểm - soát lại một lần cuối và đưa qua ban thợ đồ lên mi - ca. Đồ xong lại đem tô màu và bôi mờ.

Nếu hoạt - phim cần đến phong - cảnh thì đã có các họa sĩ bài - trí làm những mô hình y như thật, hoặc nếu tiền - sản thì chỉ vẽ trên mi - ca mờ những phong cảnh có bề sâu và ảo - giác có ba chiều..

Như vậy là có một kip thợ đề.

Xong đến lượt bác thợ quay.

→ LẠI THI SĨ LẶNG TRÍ

Thi sĩ XX cùng với chúng tôi tắm biển Long-Hải. Vừa lội xuống nước, tôi thấy Thi-sĩ còn đeo nguyên đồng hồ nơi cổ tay, liền bảo cho anh biết. Anh cởi đồng hồ ra, nhưng lại bỏ vào túi quần dù và điem nhiên lội ra biển. . .

Nhưng lần này không đặt ngang mà đặt dọc, nghĩa là ống kính nhìn xuống. Các tấm mi-ca và bối cảnh đặt nằm phẳng sau trước tùy theo cách xếp đặt của mỗi màn. Công việc chụp này rất tỉ mỉ, vất - vả vì phải chụp từng hình một. Phải để ý từng li từng tí coi kỹ ánh sáng, mi, thay mi-ca theo số thứ tự đã đánh trước v.v...

Nếu ta so sánh quay phim với tài tử sống và hoạt - phim với tài tử chết, thì ta thấy số nhân viên tương đối như nhau, nhưng hoạt - phim hoạt động một cách điều hòa hơn, khỏi bị thời tiết trực tiếp chi phối thiết trí nhiều khê, và nhất là vấn đề tài tử làm cản trở sự xúc tiến không ít cho sự hành nghề. Yếu tố người không quan trọng hóa. Trái lại phạm vi hoạt động vô cùng rộng lớn tương đương với sức tưởng tượng của trí óc con người.....

(Còn nữa)

TỪ TỔNG-THÁI-TÔ CỦA TÀU

đến LÝ-THÁI-TÔ Việt Nam

★ MINH-KHA

D ÛNG như lời một danh nhân Tây phương đã nói, lịch sử là một sự tái - diễn không ngừng (L'histoire est un éternel recommencement) Một sự kiện xảy ra trong thời này, xứ này, ít lâu sau lại tái diễn ở một thời khác, xứ khác. Một bằng chứng cụ thể nhất, là hiện tình nước ta, không có gì khác hơn là sự tái diễn tình trạng chia đôi đất nước do cuộc Trịnh - Nguyễn phân tranh gây ra, hồi thế kỷ thứ XVII. Ai đã từng đọc qua lịch - sử nước nhà và lịch - sử thế giới đều nhận thấy có nhiều việc xảy ra ở nước này do sự ngẫu nhiên lạ lùng đã diễn lại ở xứ khác, nếu không giống hệt thì cũng tương tự nhau. Nhiều sự kiện lịch - sử đã

chứng minh câu nói trên đây.

★

Những người nào đã có xem qua Tổng - sử, chắc còn nhớ rõ câu chuyện, "Trần Kiêu binh biến", đã đưa TRIỆU KHUÔN DẪN từ địa vị một võ tướng lên ngôi Hoàng - đế khai sáng một triều đại hùng cường, rực rỡ và oai bác nhất, nhì trong lịch - sử Trung - Hoa. TRIỆU KHUÔN DẪN sanh trưởng trong một giai cấp quan liêu, hồi thời Ngũ - quý phân tranh, một thời đại loạn lạc, rối - reng nhất ở Trung hoa, hồi thế kỷ thứ X. Lớn lên, theo phò tá nhà Hậu - Châu, nhờ đi đánh dẹp các nơi, có công to, KHUÔN DẪN được phong chức Kiêm điếm sứ, chấp chương tất cả

binh quyền trong nước. Khi Châu Thế Tôn (tức Sài Vinh) thăng hà, thái tử lên kế - nghiệp (tức Cung đế) nhưng vì tuổi còn thơ ấu nên Triệu Khuôn Dẫn giữ quyền giám - quốc. Nước Khiết - Đôn thừa cơ hội ấy, kéo quân xâm lấn nhà Hậu Châu. Khuôn Dẫn tự cầm binh ra chống giặc. Khi đại binh kéo đến trạm Trần Kiêu, đóng trại nghỉ đêm, các tướng-sĩ, do THẠCH THỦ TÍN cầm đầu, họp nhau bàn rằng « Nay địch quân xâm lấn bờ cõi, mà tự quân hã còn thơ ấu lấy ai thường phạt cho mình, chúng ta dẫu có xả thân chiến đấu cũng vô ích, vì không ai biết cho mình. Chi bằng tôn ngay Kiêm điếm sứ lên ngôi thiên tử, rồi sẽ ra dẹp giặc ».

Bàn xong, nửa đêm chúng tướng kéo vào trong trại, lấy áo rồng, choàng đại lên mình KHUÔN - DẪN (hoàng bào gia thân) rồi tung hô vạn tuế. Trước tình thế ấy, Khuôn Dẫn, bất đắc dĩ phải kéo binh về triều, lên ngôi Hoàng đế (Tống Thái - Tô) rồi mới đi đánh dẹp các nơi.

Đây là một cuộc âm mưu khôn khéo của TRIỆU KHUÔN -

DẪN với sự giúp sức của các tướng sĩ tâm phúc, dưới quyền điều khiển của ông ta. Bằng cách là họ đã chuẩn bị kỹ càng, lấy sẵn long bào đem theo, để đắp vào mình Khuôn-Dẫn và khi kéo binh về triều, một vị đại thần là Đào-Cốc, từ trong tay áo, ung-dung rút ra một tờ chiếu nhường ngôi, thảo sẵn tự bao giờ, để đem ra đọc lớn trước mặt bá quan văn võ.

Muốn thành công các sử thần của TỔNG THÁI TÔ, đã bịa đặt ra nhiều chuyện hoang đường, huyền hoặc như nói Triệu Khuôn-Dẫn là xích long giáng thế, có chơn mạng để vương, khi sanh ra có mùi thơm bao bọc quanh nhà một tháng mới dứt, (vì vậy mới có tên là Hương-Hài nhi) như việc cỡi ngựa đất biết chạy, việc mặt nhật có hai vành (độc nhật trùng luân) tức là điềm nhà TỔNG lên thay nhà Hậu-Châu, vân vân và vân vân...

★

Cuộc binh biến ở Trần-Kiêu xảy ra tại Trung quốc vào khoảng năm 960 (tây lịch kỷ nguyên) không ngờ 20 năm sau lại tái diễn ở Việt-Nam (lúc ấy gọi là Đại-Cồ-Việt) trong một trường hợp tương tự.

Nguyên ĐÌNH TIÊN HOÀNG, sau khi dẹp xong loạn Thập nhị sứ quân, thống nhất giang-sơn, ở ngôi được 12 năm, thì bị tên ĐỒ-THÍCH giết chết. Con là Vệ-Vương ĐÌNH-TUỆ, mới có 6 tuổi, lên kế-vị năm 979. Bình quyền trong nước đều lọt vào tay Thập đạo tướng-quân là LÊ-HOÀN, người làng Bảo-Thái, tỉnh Hà-nam bây giờ. Nhà Tống hay tin Đinh-Tiên-Hoàng thăng hà, tự quân còn nhỏ dại, bèn hội binh nơi biên giới, ý muốn xâm chiếm nước ta. LÊ-HOÀN chuẩn bị đem binh ra chống giữ. Giữa lúc ấy, có đại tướng là Phạm-cự-Lượng, bàn cùng các tướng-sĩ nên tôn Lê-Hoàn lên ngôi vua, rồi sẽ ra đánh giặc (cũng giống như lời bàn của Thạch Thủ Tín đời Tống) Thấy lòng người đều qui thuận, bà DƯƠNG THÁI HẬU (vợ Đinh tiên Hoàng) liền đem long bào, choàng lên mình LÊ HOÀN. Ông này lên ngôi, hiệu ĐẠI HÀNH hoàng đế (năm 980) dựng nên nhà tiền Lê, (Lại như chuyện « Hoàng bào gia thân » vậy.)

Nhưng chưa hết ; 30 năm sau đó, một cuộc « Trần kiều binh biến » khác lại diễn ra cũng ở

Việt Nam, hồi cuối triều Tiền Lê.

Nguyên LÊ ĐÀI HÀNH sau khi lên ngôi đã bình Chiêm, phá Tống và truyền ngôi lại cho con là Lê Long Đinh (tức Lê ngoại Triều) Long Đinh làm vua được 4 năm, mất năm 24 tuổi. Con là Sạ còn thơ ấu, triều đình bèn tôn LÝ CÔNG UẦN người làng Cồ Pháp, phủ Từ sơn tỉnh Bắc Ninh, lúc nhỏ không có cha, nhờ nhà sư chùa Cồ Pháp là Lý Khánh Văn nhận làm con nuôi, và cho lấy theo họ Lý. Sau Công Uần vào Hoa Lư, giúp nhà Tiền Lê, làm đến chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ, nắm hết tất cả binh quyền trong tay. Khi LÊ ĐÀI HÀNH mất, con con bé, quân Chiêm Thành lại hâm he gây rối ở miền Nam, trong triều có bọn Đào cam Mộc âm mưu cùng Sư VẠN HẠNH, tôn Lý công Uần lên ngôi Hoàng đế, tức là LÝ THÁI TỒ.

Trong cuộc âm mưu tôn phủ nhà Lý, người ta thấy có bóng dáng một nhà sư : Sư VẠN HẠNH. Điều ấy không làm cho ta ngạc nhiên, vì Lý-công-Uần là con nuôi nhà sư Lý Khánh Văn, xuất thân tự chùa Chiền,

ẽ cố nhiên là phải được giới tăng ni ủng hộ nồng nhiệt. Sau này, khi được lên ngôi báu, Công-Uần đã triệt để phát dương đạo Phật, gây ảnh hưởng sâu rộng ở Việt - Nam và lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

Cũng như Tống - Thái - Tô ở Trung quốc, người ta đã bịa ra nhiều câu chuyện huyền bí, đề « thần thánh hóa » những người này, như đặt ra câu đồng dao : « *Đồ Thích thì tinh, Đinh, Lê Gia xuất thánh minh* » v.v... truyền bá trong dân gian đề suy tôn và đề cao LÊ-HOÀN, tức là LÊ-ĐÀI HÀNH, (Tiền Lê).

Về phần LÝ - THÁI - TỒ, theo truyền thuyết thì mẹ là Phạm thị không có chồng ; một hôm, đi hái rau với các bạn gái cùng làng, đã ngồi lên trên hòn đá, rồi đùa giỡn, gọi hòn đá ấy là chồng. Về nhà bà nằm mộng thấy đi lại với thần đá, rồi thọ thai, sanh ra Công-Uần. Vì là con của thần nhân nên Lý-thái-Tồ có tướng mạo đế vương, phải được lên ngôi báu để trị đời v.v...

Ngoài ra người ta còn đưa ra thuyết oan oan tương báo, theo luật nhân quả của nhà Phật đề

binh vực vị vua khai sáng nhà Lý. Người ta cho rằng : trước kia Lê-Hoàn đã âm mưu soán đoạt cơ nghiệp của con cháu nhà Đinh, thì nay đến lượt con cháu mình phải chịu quả báo, tức là bị người khác đoạt lại.

Xét ra, ba cuộc âm mưu « đảo chánh » vừa kể ra trên đây, tuy xảy ra ở những địa điểm và thời kỳ khác nhau, nhưng nguyên nhân, mục đích và cứu cánh vẫn chỉ là một.

Nhìn xa hơn nữa, suốt dọc theo lịch sử Trung quốc và Việt - Nam ta đều nhận thấy những cuộc thay triều đổi họ, cướp nước giết vua, như VƯƠNG - MẠNG TÀO-PHI soán Hán, TU - MÃ - VIÊM soán Ngụy, TRẦN-THỦ-ĐỘ soán Lý, HỒ-QUÝ-LY tiếm Trần, MẠC-ĐĂNG-DUNG tiếm Lê đều cùng ở trong một trường hợp phùng phất như nhau.

Thì ra dưới bóng mặt trời không có gì là lạ, nó chỉ là một sự tái diễn trong cái vòng lẩn-quẩn mà thôi.

KỲ SAU : *Tám sự Vương chiêu - quân và Huyền - Trân Công - Chúa.*

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

bị tẩy-chay

TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HỌC

★ NGUYỄN-KHẮC-THIỆU

(Giáo-sư Việt-văn)



Trong chương trình mới của Bộ Quốc-Gia Giáo - Dục, chúng tôi thấy có nhiều thay đổi đáng kể. Đa số những thay đổi này đều phù hợp với đòi hỏi của giáo-sư và của chế-độ mới. Đặc-biệt nhất là hai môn sinh-ngữ (Anh và Pháp-văn). Chương-trình còn chú ý đến Quốc-văn, Đức-dục và Công-dân giáo-dục bắt đầu có tính cách thiết thực và nhân bản. Chúng tôi đi sâu vào chương-trình Quốc-văn và điều làm cho chúng tôi ngạc nhiên hơn cả là chương trình mới bây giờ không học về Hồ-

Xuân-Hương, khác với chương-trình cũ, học Hồ-Xuân-Hương ở lớp Đệ-Nhị.

Không phải là những giáo-sư có tham dự hội nghị cải tổ chương trình giáo dục, chúng tôi không hiểu vì nguyên nhân nào mà Hồ-xuân-Hương không được đặt vào chương-trình Quốc-văn cấp-trung-học. Chúng tôi thấy sự loại bỏ này sẽ gây nên một sự thiệt thòi đáng kể cho tiền đồ văn học. Chúng tôi đoán rằng (chỉ được đoán) không học Hồ-Xuân-Hương vì những cơ sau này :

1o) Tác-phẩm Hồ-Xuân-Hương toàn là những văn thơ chứa đựng những ý-nghĩa tục, có tính cách dâm dăng, sẽ kêu gọi đến

cái « phần xấu » của học sinh đang độ trẻ.

2o) Hồ-Xuân-Hương không để lại một vết-tích nào đích xác để chứng tỏ rằng những tác phẩm lâu nay được coi là của Hồ-Xuân-Hương thật là của Hồ-Xuân-Hương.

Vì hai lý-do đó, tác phẩm Hồ-Xuân-Hương không đáng đem vào chương trình Quốc-văn cấp-trung học.

Nếu thật vì hai nguyên nhân này mà loại Hồ-Xuân-Hương ra ngoài chương trình Việt ngữ, chúng ta trông cần nên cân nhắc lại.

Thơ Hồ-Xuân-Hương tục thật, có chứa đựng những ý nghĩa xấu thật: người đọc sẽ liên tưởng đến những hình ảnh, những công việc kín đáo của con người. Nhưng ngoài ra, thơ Hồ-Xuân-Hương còn chứa đựng những hình ảnh đẹp đẽ khác, những ý-trưởng mới lạ khác. Và làm những bài thơ chứa đựng nhiều nghĩa như vậy không phải dễ, ai cũng làm được, thời nào cũng làm được. Do đó tác phẩm Hồ-Xuân-Hương phải nói là những tác phẩm đã đạt đến phần cao nhất của kỹ-thuật và nghệ-thuật.

Cái tục tĩu núp dưới những văn thơ trác-tuyệt kia, thật ra trong

thực tế không có gì xấu xa cả, kể cả phương diện đạo đức. Nó chỉ có nghĩa kêu gọi kích-thích đối với hạng người muốn tìm trong văn chương những thỏa-mãn thị dục. Người ta thường nói : « Người mang kính màu gì, sẽ nhìn cuộc đời qua màu sắc ấy ». Đối với học sinh (đệ nhị) dẫu nam hay nữ, thì những hình ảnh thấp thoáng trong thơ Hồ-Xuân-Hương sẽ không có cái tác dụng kêu gọi nữa. Bởi vì học sinh học Hồ-Xuân-Hương để tìm hiểu, để thưởng thức nghệ-thuật cùng tư tưởng của bà, để mở rộng kiến thức và để làm một bài luận đủ điểm trung bình khi vào thi. Không phải họ không nghĩ đến những hình ảnh khác khi đọc thơ Hồ-Xuân-Hương, nhưng đối với họ, không còn có nghĩa nữa. Học sinh đệ nhị là học sinh chắc chắn đã đủ trí khôn, đủ óc xét đoán, không còn cái tò-mò tọc mạch của tuổi 12, 13; cho nên không có hại gì cả. Bởi vì khi lên đệ nhị học sinh ít nhất cũng có cái vốn sinh ngữ khả dĩ giúp họ đọc sách ngoại ngữ được. Mà trong sách báo ngoại ngữ, những hình ảnh lố lồ, những câu văn tục tĩu không hiếm. Những quyền tiêu thuyết mà thế-giới cho là tuyệt-tác chính là những

tác-phẩm khiêu-dâm có nghệ thuật nhất. Un certain sourire Bonjour tritese của Françoise Sagan đọc qua một lượt, ai cũng nhận là hai cuốn tiểu thuyết rất khiêu-dâm. Une vie của Guy de Maupassant, Giông tố của Vũ-trọng Phụng v.v.,.. không phải là không có những đoạn tả-chân đến rùng mình. Bây giờ văn nghệ đi đến chỗ tả chân triệt để, nhất là sách báo ngoại quốc thì lối trình bày trước mặt độc giả những công việc sinh lý không còn lạ lẫm gì nữa. Cho nên lấy có thơ Hồ Xuân-Hương khiêu dâm mà không đặt vào chương trình quốc văn thì có lẽ không được đúng lắm. Mà nếu hiểu chữ khiêu dâm theo đúng nghĩa của nó bây giờ, thì văn của Hồ Xuân-Hương đâu phải là thi-văn khiêu-dâm.

Hoặc lấy có vị thuần-phong mỹ-tục mà không học Hồ Xuân-Hương thì cũng không đúng. Nếu thế thì hãy bài trừ tất cả phim ảnh Âu Mỹ và hầu hết lối ăn mặc nửa kín nửa hở bây giờ đi đã. Hoặc có người sẽ bảo đối với hạng học sinh lấy việc học làm trọng thì thi văn Hồ Xuân-Hương sẽ không có tác-dụng xấu. Nhưng đối với học sinh bệnh hoạn thì nó sẽ gây nhiều hậu quả không hay. Câu nói này cũng hơi có lý. Nhưng

nghĩ cho kỹ, đối với hạng học sinh đi học, không lấy việc học làm trọng và đã có một tâm hồn bệnh hoạn, thì họ không cần xuyên tạc ý-nghĩa trong thi-văn Hồ Xuân-Hương một cách công khai, mà họ còn chịu khó lặn lội đi tìm những cuốn khác mạnh hơn nữa. Đa số học sinh, dầu bị cấm, nhưng ai cũng đã đọc gần như thuộc lòng những tác-phẩm khiêu-dâm ngoại ngữ. Càng thu giấu thì càng tìm tòi, không được đọc công khai thì đọc lén một lần cho thật kỹ. Hơn nữa đối với hạng học sinh này, cái gì kín đáo thường bao hàm những ý nghĩa xấu. Còn đem giảng công khai nghiêm-trang thì không làm cho họ mảy may « rung động ». Cho nên lo ngại tác-phẩm Hồ Xuân-Hương sẽ kêu gọi những hình ảnh « xấu », những công việc « không được đẹp » thì không đúng chút nào cả.

Hoặc có người ngại rằng, giáo sư đem giảng dạy — giảng thì có nhiên phải phân tích cho kỹ — thơ Hồ-Xuân-Hương giữa học sinh e không tiện. Chúng tôi thấy rằng điều này không xác đáng. Chúng tôi đã tiếp xúc với nhiều giáo sư đã từng giảng giải thi văn Hồ Xuân-Hương cho học sinh đệ nhị. Có vị dạy những

lớp hỗn hợp nam nữ, có vị còn trẻ lắm mà dạy toàn nữ-sinh, có vị dạy những lớp bình dân, học sinh đều là trưởng thành. Vị nào cũng nói rằng, khi đem phân tích thi văn của Hồ Xuân-Hương thì lớp học vẫn nghiêm-trang, không hề khúc khích hay có một dấu hiệu gì khác thường, mà học sinh học Hồ Xuân-Hương vẫn với thái độ học tập cầu tiến cố hữu. Cho nên cái quan trọng trong điểm này không phải là sợ mất cái không khí nghiêm trang của lớp học mà là tác phong của giáo sư trong lúc giảng dạy (về Hồ Xuân-Hương). Nếu trong lúc giảng dạy mà tác phong giáo sư không được nghiêm chỉnh thì học sinh mới dám nhân đó khuấy động lên để xuyên tạc tục-tĩu. Nhưng điều này không đáng ngại, bởi vì đã dạy các lớp đệ nhị cấp, thì giáo sư nào cũng đủ cốt cách mô phạm rồi.

Cho nên lấy có thi văn Hồ-Xuân-Hương quá nặng về nội dung dâm đảng mà không học thì không đúng. Trong thực tế biết bao nhiêu cái dâm đảng công khai hơn đang tự do phơi bày dưới ánh sáng mặt trời mà có ai nghĩ tới đâu ?

Chúng ta chỉ nên nghĩ rằng không đặt thi văn Hồ-Xuân-Hương vào chương trình quốc

văn mới, tiền đồ văn học của nước nhà sẽ thiệt thòi đi nhiều.

Nguyên nhân thứ hai, chúng tôi đoán vì nguyên nhân này thơ Hồ-Xuân-Hương loại ra chương trình quốc văn lớp đệ nhị, là Hồ-Xuân-Hương thiếu hẳn về tài liệu cuộc đời của bà.

Chúng tôi còn nhớ giả thuyết nghi ngờ về hành tích của Hồ-xuân Hương nêu ra đầu tiên trên tạp chí Nhân loại vào khoảng 1950-1951. Theo tác giả bài này thì những bài thơ xưa này nói là của Hồ xuân Hương, thật ra là của một nho sĩ bất đắc chí dưới thời Hậu Lê. Giả thuyết này do một tác giả lạ lẫm đối với văn giới nêu ra, có mục đích lập đi, quăng cáo cho mình hơn là để soi sáng một sử liệu. Sau bài đó không có một tiếng vang nào cả. Thỉnh thoảng cũng có người nêu ra những hồ nghi, lấy cớ rằng Hồ xuân Hương là một người đàn bà nên không thể làm những bài thơ hay ho như vậy. Thật là những cớ ngây ngô làm méch lòng phải đẹp không ít.

Tuy sử liệu của bà Hồ xuân Hương không sáng tỏ như những người khác, và người ta thường gán những giai thoại về cuộc đời của Hồ xuân Hương cho bà Đoàn thị Điểm, khiến cho tâm tính của Hồ xuân Hương thêm rối như tơ

vò. Nhưng những bài thơ lâu nay ta cho là của Hồ xuân Hương có tính cách duy nhứt độc đáo và có nữ tính cũng đủ làm sáng tỏ một phần nào sử liệu của Hồ xuân Hương rồi. Hơn nữa giả thuyết nghi ngờ Hồ xuân Hương cũng không có gì làm căn cứ, không thể tin được. Trùng lúc đó những giả thuyết thừa nhận Hồ xuân Hương lại có phần xác đáng hơn. Từ khi chữ quốc ngữ bắt đầu được phổ biến (thời kỳ báo Nam Phong và Đông Dương tạp chí) thì người ta đã tin rằng trong văn học Việt Nam thời Hậu Lê, (hay là Tây sơn) có một nữ sĩ tên Hồ xuân Hương và thi phẩm của bà hiện còn truyền tụng. Hơn nữa trong sử sách có Phạm đình Hồ, thi Hồ xuân Hương phải có. Và lại lâu nay trong Văn học sử có ghi một Hồ xuân Hương, và do đó Hồ xuân Hương được đặt tên đường, (đường Colombier ở Saigon và đường Chùa Bà ở Huế) và ai cũng mặc nhiên thừa nhận những bài thơ nôm hai nghĩa là của Hồ xuân Hương.

Nhưng cái quan trọng không phải là cuộc đời riêng của Bà mà là thi văn của Bà.

Hồ xuân Hương đâu là cái tên giả tưởng, là cái mốc để người ta treo lên đó những bài thơ nôm có giá trị cũng cứ được như

thường. Những tác giả khác cuộc đời liên hệ với tác phẩm. Hồ xuân Hương với tác phẩm cũng có sự liên hệ đó. Nhưng nó không cần thiết bằng. Bởi vì quan niệm chống nam quyền trong thi văn của bà chỉ chiếm một địa vị nhỏ. Nếu một người đàn ông thuở ấy (Hậu Lê) mang lấy những tư tưởng chống nam quyền thì tính cách quan trọng của nó vẫn không suy giảm. Tư tưởng quan trọng trong thi văn của Hồ xuân Hương là sự chống đối cả một Ý THỨC HỆ của thời đại. Việc «xúi xoà» cái việc chữa hoang nếu thuở ấy do một người đàn ông đề xướng thì ý nghĩa nó vẫn quan trọng như một người đàn bà. Cho nên đầu thi văn mà lâu nay bảo của Hồ xuân Hương là của một nho sĩ mà ba Hồ xuân Hương mang lấy tên tác giả, thì tư tưởng chứa đựng trong thi văn ấy cũng không giảm tính cách quan trọng đi. Trái lại cùng thế. Hơn nữa từ bao giờ, ai ai cũng tin những bài thơ nôm di dõm ấy là của Hồ xuân Hương ...

Trong văn học sử Việt Nam, những trường hợp mù mờ về sử liệu không phải là chuyện hiếm. Bà Huyện Thanh Quan cũng có gì sáng tỏ đâu? Hậu thế chỉ thấy bằng bạc những bài «Qua đèo Ngang, Thăng Long thành hoài

cổ ...» một thứ «tình cảm man mác và quý phái như tình cảm của một người đàn bà có học và có địa vị ...» thì tin ngay tác giả là bà huyện Thanh Quan và bà vẫn còn giữ trong chương trình quốc văn mới.

«Chinh Phu ngâm» vẫn còn đề lại trong chương trình quốc văn lớp đệ ngũ, đệ tam có phải là do Bà Đoàn thị Điểm dịch đâu?

Trong tập Chinh Phụ ngâm do Hoàng Xuân Hãn chú giải, Hoàng Xuân Hãn đã chứng minh là bản «Chinh phụ ngâm lâu nay chúng ta tưởng Bà Đoàn - thị - Điểm dịch, thật ra là Phan - huy - Ích. Ông Hãn đã căn cứ vào những tài liệu xác đáng nhất và ông Hãn là một học giả có uy tín nhất trong công việc nghiên cứu, có đáng cho chúng ta tin không? Thế mà mấy chục năm chúng ta cứ tin là của Bà Đoàn - thị - Điểm dịch. Nhưng có sao đâu?

Vậy không phải vì thiếu những bằng chứng sáng tỏ mà Hồ Xuân Hương không đặt vào chương trình Việt văn lớp Đệ - nhị.

Bây giờ chúng ta nghĩ đến những điều lợi nếu học Hồ - Xuân - Hương.

Chắc ai cũng phải công nhận rằng tác phẩm của Hồ - Xuân Hương rất có giá - trị. Bất cứ đối với phương diện nào. Kể cả phương diện luân lý. (Nếu vì luân lý mà không học thơ Hồ - Xuân - Hương thì càng sai. Bởi vì một phần lớn thi văn của Cao - Bá Quát, của Chu - Mạnh - Trinh và nhất là của Nguyễn - Du không có tác dụng gì tốt cho luân lý cả (theo quan niệm xưa) mà những tác giả này vẫn được duy trì trong chương - trình mới).

Trong các thi nhân Việt - Nam từ cổ chí kim, chỉ mới có một Nguyễn - Du và một Hồ - Xuân - Hương mới đưa chữ Nôm lên một địa vị vững vàng và cao - đẹp đến thế. Sau Nguyễn Du (về tài nghệ) không một Cao Bá Quát, một Nguyễn công Trứ hay bất cứ một ai có thể làm rạn - vỡ chữ Nôm như Hồ Xuân Hương. Trong tạp - chí Xã hội số một, ông Trần Chánh Thành chứng minh một cách hợp lý là tiếng Việt ta rất giàu. Nhưng ông Thành chưa lấy tác - phẩm Hồ - Xuân - Hương để làm chứng, thì những điều chứng minh của ông Thành chưa được vững vàng lắm.

Sau Nguyễn Du ai đã dùng tiếng Việt một cách khéo - léo tài tình như Hồ Xuân Hương

Bây giờ tiếng Việt đã tự hào phong phú hơn trước nhiều lắm vậy có thi - sĩ hay học giả nào dám sánh tác phẩm của mình với Hồ Xuân Hương về loại mập mờ hai nghĩa ấy? Chúng ta tin rằng không ai dám kiêu căng đến phạm thượng như vậy.

Sau Nguyễn Du, có ai cho ta thấy qua tác phẩm đã thể hiện, tiếng Việt có cái uyên - chuyển tế nhị, cái mềm dẻo đầy duyên dáng và đậm đà như Hồ Xuân Hương đã làm. Chúng tôi nghĩ rằng trong các thứ ngôn ngữ đã quen thuộc với chúng ta như Pháp, Anh, Tàu, La Tinh... không làm sao có được cái mềm dẻo ấy. Có lẽ trên thế giới, không có một ngôn ngữ nào có những đặc tính khéo léo như tiếng Việt mà Hồ Xuân Hương đã chứng minh trong hầu hết thơ nôm thuần túy của bà.

Sau Nguyễn Du, chỉ có Hồ Xuân Hương mới làm rạng rỡ cho tiếng Việt, mới làm cho ta đủ tin tưởng vào cái thể lục và tương lai của chữ nôm, tin tưởng vào sự tế nhị phong phú của tiếng Việt.

Có lẽ người ta nghĩ rằng lên Đại học (văn khoa) mới đủ điều kiện học Hồ Xuân Hương. Chúng tôi nghĩ rằng làm thế

có hơi muộn. Cho học sinh đệ nhất cấp học Hồ Xuân Hương thì hơi sớm. Đệ nhị cấp thì vừa. Chương trình cũ, Hồ Xuân Hương học ở lớp Đệ nhị (soạn sửa thi tú tài I) Chúng tôi thấy như thế không có gì bất tiện cả. Vậy trong chương trình mới nên duy trì Hồ Xuân Hương ở lớp Đệ nhị.

Lên Đại học, học sinh không còn mấy. Hơn nữa chỉ có văn khoa mới nghiên - cứu kỹ quốc văn như thế học sinh sẽ giảm đi nhiều. Do đó thơ Hồ Xuân Hương sẽ mai một và sẽ bị xuyên tạc đi nhiều. Tưởng chúng ta không nên phung phí như thế.

Vẫn biết rằng không học thơ Hồ Xuân Hương thì thơ của bà cũng phổ biến trong đại chúng. Lớn lên ít nhất ai cũng thuộc dăm bài «thơ Hồ Xuân Hương...» điều này chứng tỏ uy - lực giá - trị thơ của bà (giá trị trong tính cách đại chúng). Nhưng như vậy nguy hiểm. Để người ta thuộc thơ Hồ Xuân Hương một cách tự do (theo sở thích) rồi người ta cũng tự do xuyên tạc ý nghĩa của nó, rồi người ta cũng lợi dụng nó vào những việc khác : hoặc sửa chữa hoặc thêm bớt tùy theo sở thích và cảm hứng của người đọc... và tình

chúng ta đã t ra vong ân ở đối với một thiên tài có công lớn với văn học dân - tộc. — (Chúng tôi nghĩ đến dân - tộc - tính trong văn - chương : tác - phẩm của Hồ - Xuân - Hương, Tú - Xương, Ba Giai, Tú - Xuất... là *dáng tiêu - biểu nhất* cho những khía cạnh đặc biệt của dân - tộc - tính). Nếu để người ta tự do hiểu thơ Hồ - Xuân - Hương — nhất là thơ «Hồ - xuân - Hương» — người ta xuyên - tạc... rồi độ vài thế - hệ, thơ của Hồ - Xuân - Hương không còn gì là «Hồ - xuân - Hương» nữa...

Chúng tôi không hiểu đặt Hồ - Xuân - Hương ra ngoài chương trình viết văn còn có nguyên nhân nào khác không. Học thêm Hồ - Xuân - Hương sợ nhiều quá học không hết chăng? Nếu thế thì bớt một vài tác giả mà trong sử ký đã học rồi, hoặc một vài

tác giả hiện đại mà ai cũng đã quá quen thuộc. Biết bao nhiêu tác giả trong văn học sử (hiện học trong chương trình), so với Hồ - Xuân - Hương còn đứng thấp thua nhiều.

Chúng tôi nêu lên những thắc mắc trên để chứng minh rằng : duy trì Hồ - Xuân - Hương trong chương trình Quốc văn mới là một điều hết sức cần thiết ; loại Hồ - Xuân - Hương ra thì sẽ gây nhiều thiệt thòi đáng kể. Chúng tôi trông hậu thế chúng ta nên tỏ ra biết ơn và biết kính trọng một thiên tài — bà Hồ - Xuân - Hương — đã có công xây dựng cho tiếng Việt trong giai đoạn cố gắng vươn ra khỏi sự chi phối của chữ Hán.



★ CHỒNG TÔI CÓ NGOẠI TÌNH

Bà Trung-úy nói với Trạng-sư :

— Thưa Trạng-sư, tôi muốn ly-đi chồng tôi.

— Vì lý-do gì ?

— Chồng tôi có ngoại tình.

— Bà có bằng chứng không ?

— Dạ có, tôi tin chắc rằng đứa con của tôi mới sanh đây, không phải là con của anh.

5. — VŨ-TRONG-PHỤNG

★ NGUYỄN-VỸ

DOC được 7 trang trong quyển « Số Đò », tôi vút sách xuống đất, bảo với anh Minh Phụng, nhà xuất bản, ở ngõ Văn chương, phố Hàng Đầy :

— Cái thứ Văn bản thiêu thế này !

Minh Phụng cười :

— Anh đã đọc hết quyển sách chưa ?

— Đọc bảy trang cũng như đọc hết rồi.

— Thế là anh nhầm ! Sách khác, đọc 7 trang có thể nói là đọc hết ; chứ sách của Vũ trọng Phụng, đọc hết quyển sách chưa chắc là đã đọc được trang nào ! Huống chi anh mới đọc có... 7 trang !

Anh Minh-Phụng vừa pha xong trà « Chính-thái » vào chén nhỏ, mời tôi. Hơi bay lên, mùi

trà thơm phức. Hôm ấy là ngày giỗ Bà Cụ Thân Mẫu của anh Minh-Phụng. Cúng xong anh bưng đĩa trà để trên bàn khách. Tôi ngạc nhiên sao khách không có ai nữa mà chỉ có một mình tôi. Nhà xuất bản rung đùi, cất tiếng ò-ò ngâm kiêu :

Hương gáy mùi nhớ, trà khan giọng tình !...

Tôi cắt ngang :

— Giờ phút này ngồi với anh, tôi chẳng nhớ và cũng chẳng có tình tự với ma nào cả !

Sự thật thì hôm ấy tôi có nhiều chuyện buồn, cực chẳng đã anh Minh-Phụng đã chịu khó lặn lội đến tận chỗ tôi ở, từ chiều hôm trước, để bảo tôi sáng nay đến dùng cơm với anh thì tôi mới đi.

Tôi lặng lẽ đưa mũi dầy tay đã luôn quyển « Số Đò » vào trong xô trống. Quyển sách mới

xuất bản, hãy còn mới tinh, năm xác xơ bên chum tủ.

Nhà xuất bản Minh-Phụng là một bạn thân. Anh cười :

— Hôm nay tôi chỉ mời có hai người bạn tôi quý nhất, nhưng có lẽ hai anh chưa quen với nhau nhỉ ?

— Ai thế, anh ?

— Anh Vũ-trọng-Phụng, tác giả quyển sách vừa được hân-hạnh ném cái mùi dôi giày tây há mồm của anh đó. Hình như anh chưa gặp Phụng lần nào chứ ?

— Chưa.

— Tôi biết thế nên muốn nhân dịp hôm nay có kỳ cơm Bà Cụ tôi, và quyển « Số Đò » của anh Phụng ra đời, tôi giới thiệu Nguyễn-Vỹ và Vũ-trọng-Phụng, để xem hai người bạn khó tính nhất trong làng văn, và lại là hai người bạn quý mến nhất của Minh-Phụng, sẽ đón tiếp nhau như thế nào.

Tôi biết Minh-Phụng thích khôi hài. Người anh cao ngồng, như chàng Double-pattes trong màn ảnh. Hai con mắt ốc-buru. Mỗi lần anh ngó tôi là tôi có cảm tưởng như anh sắp nuốt sống tôi trong hai cái ốc-buru ấy vậy. Anh

ngồi nhìn quyển « Số Đò » của Vũ-trọng-Phụng, do anh xuất bản, vừa mới in xong, và anh lấy về quyển đầu tiên, không để bị tôi đá lăn cù vô xô nhà. Anh tùm tùm cười :

— Tôi sẽ ghi trong quyển nhật ký của tôi câu chuyện xảy ra hôm nay về quyển « Số Đò », để sau làm giai thoại...

Rồi anh ngó đồng hồ :

— Phụng cứ hay đến trễ, mỗi khi tôi mời ăn cơm. Tôi mời đúng 11 giờ thì 11 giờ 30 hẳn mới đến. Còn hễ khi nào hẳn đòi tiền bản quyển sách, tôi hẹn đúng 11 giờ thì 9 giờ hẳn đã lót tót đến rồi !

Minh-Phụng cười, ngó tôi :

— Anh cũng thế chứ gì ! Hôm nọ về tiền bản quyển cuốn « Đứa con hoang », tôi hẹn anh 6 giờ chiều, 2 giờ anh đã đòi gót ngọc đến gõ cửa tệt xá !. Làm tôi đang ngủ trưa, phải bò dậy để đi chạy tiền trả cho anh !

— Đồng hồ của tôi lúc ấy là 6 giờ !...

— Thôi đi, bố ơi ! Đồng hồ của các bố sao mà khôn thế ! Của người ta 2 giờ, mà đồng hồ nào của các bố cũng là 6 giờ tất !

Chúng tôi cười hà-hà. Ngoài sân, một chàng xô công sát đi vào. Chàng mặc áo quần cũ niêm cũng như tôi, tóc cũng không chải, người dong dong cao, mặt hốc-hác, trông tiều tụy.

Chàng bước vào phòng khách, không thèm ngó tôi. Chàng bắt tay Minh-Phượng :

— Bác định cho tôi ăn cơm trưa hôm nay phải không ?

— Vâng, hôm qua con đã mời bố à !

— Bác bảo với tôi là mấy giờ ?

— 11 giờ. Bây giờ là 12 giờ.

— Bác thật là không biết điều tý nào ! Minh đã lỡ hẹn với Lê Cường là 11 giờ mình đến lấy món tiền...

— Đã lấy chưa ?

— Moa đến từ 9 giờ, hẳn đi vắng thế chớ nào mà mãi đến 11 giờ chưa về !

— Thì chiều hãy đến Lê-Cường vậy ! Thôi, mời bố ngồi đây... Bố có biết ai đây không ?

Tôi đứng dậy bắt tay chàng và tự giới thiệu. Chàng nhả-nhận xưng tên :

— Thăng Vũ-trọng-Phụng đây.

Chàng nói mà không cười. Vũ - trọng - Phụng nghèo thì ai cũng biết, nhưng có ai biết là anh nghèo cả nụ cười không ?

Minh Phượng bảo :

— Quyền « Số Đỏ » của ta đã in xong. Moa có lấy về một quyền để toa xem.

— Dầu ?

Minh - Phượng quay ngó xó tường títt đằng xa :

— Đấy.

— Sao nó nằm đấy ?

— Cu Vỹ nó vừa mới bảo Văn - chương « Số Đỏ » bản hơn cái mũi dầy há mồm của hẳn.

Vũ - trọng - Phụng điềm nhiên ngó tôi :

— Anh nói thế thì tôi phục anh. Hôm nọ tôi đưa bản thảo cho Lan - Khai đọc, nó chỉ biết khen nịnh tôi, là hay, là tả chân xác thực. Tôi bảo với Lan - Khai là hẳn không biết thưởng thức SỐ ĐỎ. Bảo như anh, là văn chương « Số Đỏ » bản, thế mới là biết thưởng thức « Số Đỏ ». Thăng Phụng viết « SỐ ĐỎ » để tả cái bản, mà đứ đờ nào bảo « Số Đỏ », thớm thì đứ đờ ấy ngốc. Thế là nó chửi ngòi bút của tôi đấy. Tôi tả cái bản mà anh

ghê tởm được cái bản ấy, thế mới là anh nhận chân được cái giá trị văn chương của « SỐ ĐỎ ».

— Tôi mới đọc có 7 trang ...

— Cái xã hội này bản quá, Vỹ à. Tôi biết đem những cái bản đó mà dồn vào một trăm trang sách, thì chưa hết được cái bản của xã hội hiện giờ. Nhưng với tội mình, 7 trang như thế cũng đủ chán. Anh không cần đọc thêm nữa.

Vũ trọng Phụng đứng dậy đi lượm quyền sách trong xô nhà. Anh hỏi Minh Phượng :

— Quyền này là quyền đầu tiên trong nhà in bác lấy ra đây chứ ?

— Vâng.

— Đề tôi biên mấy chữ tặng anh Nguyễn Vỹ hôm nay.



H

ÔM ấy Phụng hơi say rượu. Nhưng hai giờ chiều ra về, anh hết say, bảo tôi :

— Hôm nào rồi, anh đến nhà tôi chơi.

Gần hai tháng sau tôi mới có dịp đến thăm anh. Một căn nhà chật hẹp ở phố hàng Bạc. Anh ở trên gác, gác còn chật hẹp hơn.

Tôi leo lên cầu thang gỗ, một cửa sổ vuông có dựng song, để lọt vào một vài thước khối ánh sáng vàng khè. Phụng đang ngồi viết nơi chiếc bàn con, trên bàn để đủ các thứ đồ dùng : một điều thuốc lảo, một cây đèn với một cái bóng dầy khói chụp lên một đóm lửa xanh gần như hấp hối, bát, đĩa, vài ba lọ thuốc tây, thuốc tàu, bình mực, giấy, bút, hộp đồ may, cái áo trẻ con, một trái bưởi...

Tôi ngồi trên chiếc ghế dài, mở nắp bình tích tự rót nước với ra ly để uống, khói làm rộn đến chị Phụng. Chị sắp sửa đi đâu với đứ đờ con nhỏ. Phụng hỏi tôi :

— Anh có con chưa ?

— Tôi là con của tôi rồi, eòn có con làm gì nữa !

— Thế thì anh sướng. Tết Trung-Thu sắp đến đây, anh khỏi phải sắm cái đèn con cá cho anh.

— Con của anh chưa có đèn Trung Thu à ?

Phụng chỉ vào tờ giấy đang viết dở trên bàn :

— Tôi viết bài này định đem cho *Tiểu thuyết thứ Bảy*, đề lấy tiền mua đèn con cá cho con tôi. Có con phải nuôi con, thế là

thường, nhưng có con lại còn phải sắm đèn con cá cho nó chơi, nếu không, Tết Trung-Thu này tôi không phải là cha của nó nữa! Anh nghĩ thế có buồn không?

— Nó đòi cái đèn con cá hả?

— Nó không đòi. Con tôi chẳng bao giờ biết đòi tôi cái gì cả. Ấy thế mình mới đau lòng! Anh nghĩ xem. Chung quanh hàng phố, tất cả con nít nhà người ta đều đã có đèn để chơi Trung-Thu. Duy chỉ con mình là không có. Cả ngày nó cứ ngăm ngửa thềm thườn các thứ đèn giấy của lũ con trong hàng phố được cha mẹ của chúng mua sắm cho. Nó mơ ước được một cái đèn như thế, để chơi như con người ta. Nó muốn quá cho đến đòi nó buồn bã không chịu ăn cơm. Mẹ nó hỏi nó: « Con thích chơi cái đèn gì? » Nó vui mừng trả lời ngay: « Con thích cái đèn con cá ». Tôi nghiệp cho nó, nó tưởng nó thích thế thì mẹ nó đi mua cho nó chơi. Nhưng mẹ nó làm gì có tiền! Không có tiền mua một con cá thật để ăn thì nó ăn rau với đậu phụ được, chứ một con cá bằng giấy mà cũng không có tiền để mua cho nó chơi, thì nó biết

chơi cái gì trong ngày Tết Trung-Thu với trẻ con hàng phố?

— Hôm nay chị Phụng dắt cháu đi mua đèn con cá phải không?

— Nếu thế thì tội gì tôi phải ngồi viết mấy trang giấy này! Tôi ốm mấy hôm nay, anh Vỹ à. Nếu anh đến lúc này thì anh đã thấy tôi sốt rét nằm li bì trên ván ngựa, chắc là không thể ngồi dậy để tiếp anh. Nhưng chỉ còn hai ngày nữa là Tết Trung Thu, tôi thấy con tôi muốn cái đèn con cá chơi đáng giá năm hào chỉ chứ có nhiều nhời gì mà chúng tôi không có tiền để mua cho con chơi. Trông thấy nó buồn bã, thềm muốn cái đồ chơi ấy quá mà không giám đòi, tôi phải gượng ngồi dậy viết một bài này để lấy tiền mua cho con cái đèn con cá...

— Anh viết xong chưa?

— Vợ tôi không cho tôi viết. Nó dắt thằng nhỏ đến nhà bà chị họ ở phố hàng Cau để vay tiền... Nhưng tôi biết là không vay được, vì gia đình nhà ấy không ưa tôi.

— Thôi anh lăm nghĩ. Khỏe rồi hãy viết.

— Nếu tôi nằm xuống là chắc

chân không dậy được nữa.

— Anh nằm xuống, đọc tôi viết cho. Anh đã viết được mấy trang? Còn mấy trang nữa?

— Cảm ơn anh. Nhưng tôi không thể đọc được,

Tôi rờ tay Vũ-trọng-Phụng. Nóng như lửa. Nhưng anh can đảm đứng dậy, lấy hai viên prémaline uống một lúc. Tôi ra về, để cho anh viết.

Đêm Trung Thu tôi trở lại thăm Vũ - trọng - Phụng. Trước cửa nhà anh, một đoàn nhi đồng vui vẻ kéo đi diễu chơi qua phố, mỗi em cầm một cái đèn giấy. Thằng con của Vũ-trọng-Phụng cầm cái đèn con cá, đi hàng đầu. Nó dơ cái đèn lên thật cao, miệng cười hí hờn. Bên cạnh nó có hai đứa bé vừa đi vừa đánh trống, theo sau con lân nho nhỏ, múa qua múa lại thật là cuộc vui nao nức của các em.

Tôi lên trên gác. Vũ-trọng-Phụng đang nằm trùm mền, người anh nóng ran, có đến 39 độ. Chị Phụng đã chạy đi mua thuốc, chưa về...

N

HỜ một người bà con nào đó giúp vốn cho, chị Phụng mở một cửa hàng nhỏ, bán sách báo ở đầu phố Hàng Nón. Tôi không gặp Vũ-Trọng-Phụng lúc này, nhưng có

lẽ đạo ấy anh đã đỡ khổ.

Phụng ít có bạn bè. Anh thường chơi với Nguyễn-Triệu-Luật, Lan-Khai, nhất là Lan-Khai. Thỉnh thoảng tôi gặp anh với Lê-tràng-Kiều, Lưu-trọng-Lư. Anh không ưa các nhà văn nhóm « Phong Hóa ». Anh ghét nhất Thế-Lữ, nhưng có đôi chút cảm tình với Khái-Hưng.

Anh nói chuyện khăng khái, lại ưa mỉa mai chua chát. Thỉnh thoảng anh thích nói khôi hài, nhưng tôi chưa thấy Phụng cười lần nào. Một hôm, anh đến nhà Minh - Phượng đòi tiền bản quyền sách mà nhà xuất-bản còn thiếu anh. Minh Phượng đã khát với anh ba bốn lần rồi. Lần sau cùng, anh đến gặp bà vợ Minh Phượng, Bà bảo Minh Phượng đi vắng và hẹn anh hôm sau. Anh tức mình viết mấy chữ trên miếng giấy để lại cho Minh Phượng:

« Tôi đến mấy lần, vợ anh đều cho tôi đi chơi ».

« Vợ anh cho tôi đi chơi », là Phụng nói theo tiếng Pháp: *Votre femme m'envoie promener* nhưng theo lối nói mảnh lỏi của tiếng Việt thì chữ « chơi » có nghĩa tục.

Minh Phượng đưa giấy ấy cho tôi xem, mặt anh đỏ gầy, anh bảo:

— Vũ trọng Phụng đều giả!

Tôi cười:

— Tại vợ anh... cho hắn đi chơi, chứ đâu phải tại hắn!

Thêm tài liệu về

LUU-TRONG-LU

★ cô LINH-PHƯƠNG (Nha-trang)



HIỂU chiếu thi nhân của Việt-Nam đã từng đón rước nhà thi Lưu Trọng Lư bằng những danh dự, bằng nồng hậu, bằng say-sưa.

Nơi đây tôi không nói « cái hồn » và « cái chất » trong thơ của ông. Vì thơ ông thì khỏi nói, có Lưu-trọng-Lư ra đời, Việt-Nam hãnh diện một phần nào với thế giới. Giá trị thơ của ông không ai dám ngang nhiên phủ nhận. Tôi chỉ nói đến vài điểm trong đời sống của nhà thơ Lưu trọng-Lư trước 45, mà tôi được biết.

Người đàn bà đầu tiên kinh qua đời chàng, cuộc đời nhà thi-sĩ đất Quảng-bình, là người con gái đã từng làm chủ một hãng dầu Khuynh-diệp tại Huế. Nàng sanh trưởng tại Faifo con của một vị quan ngày xưa.

Nàng là giai nhân THANH-THỦY, chàng là thi-sĩ họ Lưu, hai tâm hồn cùng mang máu nghệ sĩ, gá nghĩa trăm năm mong vuông tròn câu chuyện đá vàng.

Nàng là một nhân vật sống trong tác-phẩm « Trên đời Sim »

Có lẽ, theo ông NGUYỄN-VỸ bảo, nàng ấy là cô vợ bán nước mắt.

Với cuộc đời ông Lưu, một độ nào, giàu nghèo là chuyện đổi thay, với con người nghệ-sĩ, việc ấy tầm thường và cũ như quả đất. Có một lần nhà thơ chạy gạo,.. nhà thơ bảo bà vợ đánh điện về gia-đình thi-sĩ, báo tin buồn thế lương là ông Lưu chết, để gia đình gửi tiền ra lo chôn cất.

Quả nhiên gia đình vội gửi tiền lên để phụ trợ đám tang.

Nhưng...!

Một hôm sau, cô em gái Lưu trọng-Lư lên để chia buồn cùng chị dâu, thì Anh của cô đang

nhằm trên giường, hát nghêu-ngao :

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thồn thức?...*

Tiếng ngâm thơ vang cả nhà, anh chỉ cười trừ với em.

Khoản 1941, có một tờ lịch cuối cùng của đời THANH-THỦY tiễn nàng đi, nàng đi không bao giờ quay trở lại trần gian. Thanh Thủy để lại cho nhà thơ hai người con, một trai và một gái; chắc giờ đây hai người ấy đã lớn lắm rồi? (Hai người con này không có ở chung với Lưu ở Hà-nội, cho nên ông Nguyễn-Vỹ không biết).

Đây người đàn bà thứ hai vào đời chàng.

Ông Lưu có một ông bạn làm kỹ sư thủy lâm, ông này đã đính ước cùng một nàng con gái xứ Huế bằng một lễ hỏi thực thụ giữa đôi họ.

Nàng tên Lê Mừng là cháu người mẹ ghê nhà thơ, ông Lưu là con thứ tám trong gia đình của dòng con thứ hai.

Tình bạn bè vẫn tin tưởng ở nhau, giữa ông kỹ sư và nhà thơ. Nhưng ông kỹ sư đã quên nhà thơ là một thi nhân thuộc giống đa tình.

Bằng những cánh thư hồng, bằng lời nhắn nhủ của ông kỹ sư gửi nhờ nhà thơ giúp hộ, để chuyển đến cho nàng con gái xứ Huế có chiếc nón lá bài thơ nghiêng-nghiêng qua cầu Trường Tiền với tà áo nâu, người mà ông kỹ sư thương, kỹ sư nhớ, kỹ sư yêu.

Nàng đẹp cái đẹp thùy mị như sông Hương lặng lẽ, đoan trang như chùa Thiên Mụ uy nghiêm và đôi mắt xa xôi như đất thần kinh thơ mộng.

LÊ-MỪNG với mười tám cái tuổi xuân mơn mớn như trái đào đang chín, nhựa sống của người con gái lớn lên đầy rạt-rào, bông bột và nông-nồi.

Lê Mừng đã từng chiếm giải nhất về cuộc đua thuyền trên sông Hương. Lê Mừng đã từng là thầy dạy môn đàn tỳ bà cho một bà Hoàng hậu thời phong kiến, là Hoàng hậu Nam Phương.

Ngón đàn của nàng như giai-nhân, một nhân vật trong « Tỳ bà Hành » của Bạch cư Dị.

Một ngày kia, cuộc hôn nhân sắp thành, bằng một lễ cưới giữa ông kỹ sư thủy lâm và nàng con gái của đất thần kinh mơ mộng, nàng con gái có những nét tờ đồng rẻo rất, ni non, nàng con

gái có mái chèo vô địch trên
giòng Hương thủy.

Còn hai hôm nữa, chỉ bốn
mười tám tiếng đồng hồ vốn vẹn
là ngày đẹp nhất của ông kỹ-
sư đang đợi chờ, thì buổi sáng
đẹp trời, mây ngừng, gió không
loạn, nàng Lệ - Mừng lặng lẽ
ra đi, ra đi với một tâm hồn
nghệ - sĩ cùng mang theo trái
tim yêu, đem tặng người thi - sĩ
họ Lưu.

Con tim non ở cái tuổi mười
tám của Lệ - Mừng thồn thức
rung say vì những vần thơ tình
tử của nhà nghệ - sĩ. Nàng ngơ
ngác như con nai vàng giữa rừng
ngầm cảnh, ánh trăng tàn bên
bờ suối lạnh.

Ông kỹ - sư được tin ý trung
nhân đã tự căng buồm cho gió
thổi lộng sang ngang qua bên
kia bờ có nhà thơ Lưu, ông
chỉ còn biết :

« Đập cò kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi »

Lệ - Mừng có biết cảnh đau
lòng héo hắt ấy đâu, đau thương

của kẻ yêu mà chưa được yêu.
Nàng chỉ biết có cơn tim gói
trộn hình hài nhà thi - sĩ, có
những vần thơ ca tụng cái đẹp
mà nói lên cái nghĩa của tuổi
đôi mươi.

Ngày trước, có chiến - sĩ
Kinh - Kha mến đời bàn tay
đẹp yêu một Quý Phi của thái-tử
Yên - Đan, lại cũng ngày xưa
có một Mỵ - Nương yêu tiếng
tiêu sáo của anh Trương-Chi.

Thì ngày nay tuy thời gian
và không gian có khác nhưng,
câu chuyện của ngày xưa vẫn
là câu chuyện của ngày nay,
tư tưởng vượt thời gian và
không gian đề gặp nhau.

★

« Xin bước cô em bước xuống
thuyền
Thuyền tôi sắp trẩy chốn thần-
tiên.. »

Mùa xuân 1944, thi - sĩ trẩy
thuyền đưa người trinh nữ về
chốn thần tiên nơi ấy có thơ,
có mơ mộng, có chàng thi
nhân..

★ THỢ MAY VỚI KHÁCH HÀNG

Khách hàng hỏi :

— Chùng nào anh may xong cái áo của tôi ?

— 20 ngày thì xong

— Gì mà 20 ngày ? Chúa trời tạo lập ra quả đất chỉ có sáu ngày thôi

Thợ may trả lời :

— Phải, tại Chúa làm quả đất vất vả vàng như thế cho nên cứ mỗi
bận chiến tranh là tan nát quả địa cầu, ông không thấy sao ?



☆☆☆☆ Công chúa NHƯ-MAI

☆☆☆☆

NĂM 1883, sau khi Tôn-
thất-Thuyết đánh thua Pháp
tại Huế, ông liền đem vua
Hàm-Nghi đi ẩn ở Quảng-trị
rời lên các miền núi lập chiến
khu đề mưu đồ chống Pháp.

Lúc ấy phong trào Cần-Vương cũng nổi dậy mạnh mẽ song đều thất
bại. Vua Hàm-Nghi bị hai tên hầu cận là Ngọc và Tinh làm phản
bắt nộp cho Pháp vào năm 1887 lúc ngài mới 18 tuổi. Bắt được vua
Hàm-Nghi, Pháp đày ông sang Algérie. Nơi đây nhà vua ở trong
một biệt thự tên là Villa Gia-long, hằng ngày giao thiệp với các
giới quý phái Pháp do đó ngài gặp được cô Marcelle Laloë; con
gái một vị quan tòa Pháp. Mỗi tình vương giả bắt đầu bộc phát
trong hai tâm hồn son trẻ ấy. Đến năm 1905 thì làm lễ cưới với sự
chấp thuận của Đức Giáo-Hoàng, mặc dầu nhà vua không có đạo
Thiên-Chúa. Ngài có được 3 con. Người con út là cậu bé MINH-
ĐỨC hiện làm sĩ-quan kỹ-mã Pháp đóng ở Maroc. Người con thứ
hai là CÔNG CHÚA NHƯ LÝ lớn lên kết hôn với Bá tước de la
Besse người Pháp, nàng ở trong lâu đài của chồng trong tỉnh
Corrèze. Người con trưởng là CÔNG CHÚA NHƯ-MAI không có
chồng. Nàng theo học ở trường Đại-học Canh-nông ở Paris, trong
kỳ thi tốt nghiệp nàng được đồ đầu. Trước chiến tranh, công
chúa Như-Mai làm Giám-Đốc sở Canh-nông Pháp ở Algérie. Hiện
nay nàng về vườn ở trong một lâu đài riêng do nàng tậu được ở
Thonac thuộc tỉnh Dordogne. Nàng được công chúng vùng này kính
mến vì nàng chuyên làm những việc phúc thiện cho mọi người. Họ
vẫn gọi nàng là : « Như-Mai, Công Chúa Việt-Nam ».

BẠCH-YẾN

HAI CHUYỆN VUI

CỦA THI-SĨ TÀN-ĐÀ

★ TÀN-ĐÀ

★ SỢ VỢ

Vợ chồng lấy nhau có tình, tình sinh ái, ái sinh úy. Úy là sợ. Vợ vẫn là một vật đáng sợ. Vợ là một vật đáng sợ, nhưng sợ vợ là một lẽ *chính*. Còn như vợ giàu mà sợ, vợ thần-thế mà sợ, vợ hung-hãn mà sợ thì sợ đó là 3 lẽ *biến*. Sợ một lẽ chính thì là ông **Chồng**. Sợ một biến thì là anh **chồng**. Sợ một chính, 2 biến là **thằng chồng**. Sợ cả đến 3 biến thì **nguy**. Nguy thì phải cứu-cấp. Tờ vốn là một kẻ sợ vợ, nhưng chưa có mà sợ. Chưa có mà sợ nhưng có cũng tất sợ. Có cũng tất sợ nhưng chưa biết sợ vào hạng nào.

TÀN-ĐÀ (1914)



★ HẦU THƠ

Có một quan hậu (1), như ngày chủ-nhật vào chơi hầu một vị quan trên. Ngồi buồn,

cụ lớn mời đọc thơ cho nghe và bảo rằng :

« Bữa nọ ta làm một bài thơ chuột, hay lắm ! Đề đọc cho ông hậu nghe.

— Dạ

— Chuột kia kiếp trước nó là doi.

— Dạ

— Hai cánh bay cao tận lưng trời.

— Dạ

— Truyền dịch nói chi sau lúc chết.

— Dạ

— Khôn như Tô-tử cũng thua tài.

— Dạ

— Nghe vẫn phải biết hay mới được, như một câu đầu là phá, nghĩa cách-tri đó.

— Dạ

— Câu thứ hai thừa xuống rất tiếp và khẩu-khi có thể phi đảng về sau lắm.

— Dạ

(1) Hậu tức là hậu bồ, sẽ ra làm quan mà chưa.

— Câu thứ ba có ý nói về vệ-sinh.

— Dạ

— Còn câu thứ tư là điền ông Tô-Đông-Pha, bài phú « Kiệt thử » trong cổ-văn ấy mà.

— Dạ

— Phạm làm thơ văn, tất phải ý tứ cho rộng mà có điền-cổ như thế mới nghe được.

— Dạ

— Xong buổi thơ, quan Hậu ra, gặp một ông nhà thơ (1) hỏi rằng :

— Ngài vừa ngồi hầu thơ cụ ra có phải không ?

— Phải.

— Thơ cụ thế nào ?

— Thơ cụ hay lắm, không chê vào đâu được. Nhưng mình là phận dưới, cũng không được phép khen.

— Thế cụ đọc thơ mà ông cứ ngồi im à ?

— Không, sao lại im ! Tôi chỉ dạ. Tính cả trước sau đâu đến chục cái dạ.

(do Tàn-Đà viết, năm 1914. « Khởi Tình Con » quyển II).

1) Nhà thơ là một người hầu bút mực cho quan, cũng gọi Thầy Nho, ngang hàng tỳ-phái.

★ GIỚI TOÁN

Thầy giáo dạy :

— Con số không bao giờ nói láo cả. Thí dụ : nếu một người làm xong cái nhà trong 12 ngày, thì 12 người có thể làm xong trong 1 ngày.

Cu Tèo đứng dậy bảo :

— Dạ thưa thầy, như vậy thì có thể động viên 288 người làm xong cái nhà trong 1 giờ, và 17.280 người để làm xong cái nhà trong 1 phút ạ !

Cu Búa cũng đứng lên :

— Dạ thưa thầy, theo phép tính đó thì thí dụ một chiếc tàu thủy từ Saigon qua Pháp hết 30 ngày, thì 30 chiếc tàu thủy từ Saigon qua Pháp chỉ mất một ngày thôi ạ !

Thầy giáo ngồi làm thinh, nghẹn cổ.

Chồng tôi có khác

★ GIA.HƯNG.BẠC

SANG tháng thứ 9, bụng dạ của tôi đã to lớn vun chùn. Tôi đi đứng mệt nhọc, nằm ngồi khó khăn. Bà Năm bán bánh xèo bên cạnh trở tôi và tươi cười bảo : « Con nhỏ đó nó ột ệt quá rồi ! » Và cũng bắt đầu từ đây tôi nhận thấy Tân, chồng tôi, đã có nhiều thay đổi.

Đạo trước, Tân thường đi hàng rong hà rồi cả ngày lẫn đêm, bắt chắp nằng nôi, khuya sớm. Có hỏi, chàng thân nhiên đáp : « Vì nghề nghiệp, anh phải năng giao du với chúng bạn để học hỏi, trao đổi văn-hóa, hoặc đi đó đi đây tìm cảm hứng. » Nghe sao

hay vậy, tôi vẫn tỏ ra một mực vui vẻ và tin yêu nơi chồng.

Tôi vốn đã rõ tánh Tân tự thuở còn trai, hồi chưa vợ : chàng nhút nhát, ít tiếp xúc với nữ giới lắm. Ra đường, cứ làm lúi đi, gặp gái không gheo chọc, tán tỉnh, về mặt lúc nào cũng đảm chiêu, lạnh nhạt. Đi ngang một cô gái đẹp và một người tật nguyên đang hành khất, Tân chỉ nhìn người tật nguyên ra chiều tư lự. Vì biết vậy nên từ lúc về làm vợ Tân đến giờ, tôi chưa hề có lần nào gheo. Hơn nữa, tôi cũng chẳng muốn ghen bóng ghen gió, om sòm, xấu hổ !

Nhưng giờ đây Tân bỗng trụ bộ lại rồi.

Ở nhà, trừ lúc bận rộn viết lách, Tân chú ý săn sóc đến tôi nhiều hơn trước.

Hằng bữa, chàng ân cần thăm hỏi tôi về tình trạng sức khỏe, chỉ vẽ cho tôi một vài phương pháp vệ sinh tối cần của người sản phụ và sực sạo những gì tôi đã chuẩn bị khi sinh nở như thuốc men, vật dụng cho đứa con đầu lòng của chúng tôi, để có ý kiến thêm bớt.

Rảnh rảnh, chàng lại kể một vài mẩu chuyện vui cho tôi nghe giải buồn mà chàng bảo đó là chuyện thật chính chàng đã đóng vai chủ động hoặc tai nghe mắt

thấy. Ý mà chuyện vui gì hết sức lạ lùng, ngộ ngẩn, nghe qua cười lăn cười lộn, cười ra nước mắt, giữa đêm khuya khoắt thức giấc nhờ lại cũng còn cười. Thật là chồng tôi có duyên tề !

Những buổi chiều tốt trời mát mẻ, chàng thu thả đưa tôi bách bộ qua các đường phố. Chàng đi sát một bên tôi, diu tôi bằng ngang công lộ, bước lên 1 bậc cao hoặc lách qua một đám bộ hành đông. Thỉnh thoảng chàng nhìn tôi với đôi mắt sáng rực và đầy triu mến ! Trong giây phút đó tự nhiên tôi thấy lòng tôi lâng lâng thơ thới và yêu chồng hơn bao giờ hết !

Cử chỉ của Tân có vẻ tự nhiên lắm, có lẽ chàng không xấu hổ khi đi một bên người đàn bà chưa ?

Hồi còn là con gái, có lượt tôi nghe tận tai một anh chàng rùn vai oang-oang nói : « Có chữa chề-è mà còn niu tay chồng đi dạo phố ! Mắc cỡ chết ! Nếu tôi có vợ, vợ tôi có chữa, tôi không đi chung như vậy đâu ! » Tự nhiên tôi cảm thấy ghét cay ghét đắng cái thằng cha nói năn bạc bẻo đó.

Thấy tôi có bụng có dạ, khòm lưng quét tước không được dễ dàng, Tân liền giành lấy ngay

công việc đó. Chàng bỏ cái chĩnh ngủ dậy trưa trở trưa trật, mặt trời mọc cả đôi ba sào mà bấy lâu vốn là cố tật của chàng, mặc dầu hiện nay chàng vẫn phải thức khuya để viết. Dậy sớm, chàng lau bàn lau ghế rồi lấy chổi quét nhà và quét cả ngoài sân nữa. Chàng làm có vẻ thạo việc và cẩn thận lắm. Hai tay chàng cầm chổi dịu dàng, móc moi dưới gầm giường đáy tủ, từ cái kẹt, cái hóc sạch trơn và sắp đặt lại bàn ghế vật dụng đâu ra đấy, ngăn nắp, vèn khéo, khiến cho tôi phải chú ý kinh ngạc !

Một bữa, tôi đang xắt thịt nhưng vì dao lứt nên tôi xắt trộm trầy trộm trật. Thấy Tân vội gở tay tôi lấy con dao đem lại viên đá khoác nước mài. Chập sau, chàng đưa tay lên sờ thử mép dao đoạn trao trả lại cho tôi và bấy giờ tôi xắt ngon lành, bén ngọt. Tôi ngàng mặt nhìn chàng nhòen miệng cười đầy ý nghĩa !

Lâu nay, mỗi lần dao lứt khứa không đứt, xắt không đi, tôi chỉ hoặc chờ ông thợ mài dao mài kéo, hoặc nếu gấp thì cầm liếc mạnh lên miệng khạp da bò nghe ròn rảng, lưỡi khò, mép cuốn và vang lên một thứ âm thanh khó khan,

ghê răng, nhưc óc. Dầu vậy Tân cũng biết thêm ngó đến.

Thiệt là chồng tôi có khác !

Lật bật lại đến ngày tôi ở cử. Vốn sẵn tính lo xa nên trước đó mấy hôm tôi đã cậy bà Năm bên cạnh giúp tôi công việc bếp núc và đối với gia đình tôi, một chồng một vợ, cái công việc đó cũng chẳng có gì bề bộn lắm.

Ngày hai buổi, bà chỉ nấu hai lần cơm, thức ăn thì lấy ở tiệm, đun nước cho tôi uống và giặt ủi quần áo. Chỉ có thể thôi. Còn cái việc tắm rửa hài nhi và săn sóc cho tôi thì đã có cô đỡ của nhà Bảo-sanh ở gần hằng bữa đến lo.

Vì không dư giả lắm nên tôi cũng định bụng là ra tháng cứng cát, tôi sẽ làm việc ngay để đỡ tốn kém.

Tôi còn nhớ rõ, hôm đó tôi đã bắt đầu ngon cơm thì đến trưa tôi thấy chính Tân mang cơm lên cho tôi ăn chớ không phải bà Năm như mọi bữa. Tôi lấy làm lạ toan hỏi thì chàng đã quàng quả đi xuống nhà dưới. Bụng đang đói, tôi vội sốt cơm ra chén ăn liền. Ở mà lạ thật, cơm bữa nay sao ngon quá ! Hột cơm trắng trẻo xộp xộp, đưa lên mũi ngửi mùi thơm phức, và vào miệng một miếng càng nhai càng thấy

đeo và béo. Tôi muốn ngậm, để đó mà nghe hương vị của nó.

Lại còn tô thịt nạc kho tiêu nữa. Nó không giống như thứ thịt kho hôm qua của nhà Bảo-sanh cho, trời ơi mặn quéo, xằng lẽ ! Thịt kho bữa nay gấp bỏ vào miệng một miếng nghe nó dịu dàng, mát rượi cái miệng. Nhai thịt nạc kho tiêu với cơm tẻ mà tôi cứ ngỡ là mình đang ăn cao lầu ở Chợ lớn chớ.

— Có Hai ngon cơm hé ?

Giật mình ngẩng lên tôi thấy bà Năm cười toe toét đi vào. Tôi mỉm cười niềm nở :

— Mời bà dùng cơm với tôi.

— Cám ơn. Cô ăn đi.

Xề ngồi một bên, bà nhìn tôi dò xét :

— Có ăn cơm bữa nay thấy sao ?

Tôi thành thật :

— Ngon hơn mọi hôm.

— Đố cô biết ai nấu đó ?

Tôi nhìn bà cụ, và đáp nhanh :

— Thì bà chớ ai ? Khéo hỏi dữ hôn.

Bà Năm lật đầu cười :

— Trật lắt.

Đoạn bà làm ra vẻ kín đáo :

— Thầy Hai làm bếp đó cô ạ !

Tôi ngờ ngác vội gạn hỏi lại :

— Bà nói thật chớ ?

— Thật mà. Sáng nay tôi bận đưa con bé đi Bác - sĩ. Lúc sắp

đi, tôi có cho thầy Hai hay và dặn thầy đi ăn cơm quán đờ một bữa, thầy Hai gặt đầu bảo tôi cứ đi đi, để mặc thầy lo. Nhưng khi về tôi chưng hửng vì thấy thầy Hai đang lui cui làm bếp.

Tôi vừa cảm động vừa mỉm cười sung sướng. Bà cụ tiếp :

— À mà thầy Hai làm khéo lắm nhé ! Hơn đàn bà như tôi xa lơ xa lác.

Rồi xoay qua nựng con tôi bà kết luận :

— Đàn ông thì thế, đưa con đầu lòng làm họ sung sướng và chịu cực khổ.

Thầy Hai làm khéo lắm nhé ! Lời trăm trở của bà Năm khiến tôi tò mò muốn biết cái khéo của chồng tôi đến bực nào ?

Khỏi phải tốn nhiều công phu vì ngay chiều hôm đó và kế tiếp những ngày sau tôi đã mục kích tận tường cái khéo của chồng tôi. Nói thật, chính tôi lúc còn con gái đã nổi tiếng là giỏi nữ công nhưt trong xóm mà tôi cũng còn phải phục chồng tôi sát đất !

Từ cách vo gạo, mần cá, xắt thịt, lật rau... đến lúc kho nấu, chiên xào trên bếp, nhưt nhưt Tân đều làm một cách thông thạo, có qui cũ như một anh đầu bếp chuyên môn. Đặc biệt là

hằng bữa chàng đều trở món ăn, mà trở một cách tài tình và các món gia vị không hề thiếu sót.

Chàng tự đi chợ lấy và những món ăn chàng mua về tôi kiểm điếm lại giá cả thì quả là chàng mua vừa đúng với thời giá, không lăm tí nào cả. Như thế có đáng phục chưa ?

Ăn uống xong, chàng liền bắt tay dọn dẹp rửa ráy. Có một điều làm tôi lạ lùng nhưt là chẳng những Tân chùi rửa son nồi chén bát sạch sẽ mà lại còn thu dọn vén khéo nữa. Nội cái xống chén, liếc thoáng qua cũng hài lòng đẹp ý, vì chàng đã úp chén theo chén, đĩa theo đĩa, tô theo tô, ngay hàng thẳng lối. Chàng làm việc nhẹ nhàng uyển chuyển và nhậm lẹ như một cô gái lành nghề.

Chàng đã đưa tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

Và tôi còn muốn kể nữa, kể đến việc chàng giặt phơi, ủi xếp quần áo như thế nào, nhưng kể hoài còn hoài... Tôi thiết nghĩ, tôi kể bấy nhiêu đó cũng đủ đại diện cho cái khéo léo của chồng tôi rồi.

Đến một tuần nhưt sau, con bà Năm vẫn không thuyên giảm, nên Tân cũng nghỉm nhiên thành 1 anh hỏa đầu quân chính cống. Một bữa cơm chiều, tôi cùng ra

ăn chung mâm với chàng cho vui miệng, đang khi ăn tôi vụt hỏi:

— Sao lúc còn trai, chưa vợ, em chẳng thấy khi nào anh giặt một cái khăn tay nữa chờ đừng nói đến việc làm bếp?

Tân sẽ đưa một ngón tay lên miệng đáp:

— Bí mật nhà nghề mà!

— Cái gì mà bí mật? Tôi nũng nịu hỏi.

Giọng nói của Tân trở nên nửa chơi nửa thật:

— Tại các cô nên tôi không làm chờ tôi biết làm từ thuở bé vì chúng tôi không có chị lớn.

Tôi mở to đôi mắt:

— Tại các em?

— Ở!

— Tại làm sao?

Tân thần nhiên có vẻ một ông thầy đang dạy học trò:

— Tại các cô hồi còn con gái lãng mạn lắm. Các cô chỉ yêu những anh chàng nào có bộ vỏ «hào hoa phong nhã» nên lúc còn trai tôi phải đấu nghề để tỏ ra ta đây là phong lưu, là sang cả...

Tôi hơi cúi đầu bối rối vì Tân đã nói đúng sự thật. Chàng nheo mắt nhìn tôi trêu cợt:

— Còn bây giờ... Sao em không hỏi luôn đi?

Thấy tôi làm thinh, Tân cười xoa tiếp:

— Còn bây giờ thì em đã thực tế lắm rồi nên anh phải trở hết tài nghề để em càng... yêu anh hơn. Phải hôn em?

Tôi thẹn đỏ mặt vội đưa mắt nguyệt yêu chàng nhưng trong lòng sung sướng nghĩ: «Thiệt chồng tôi có khác!».

Trong số tôi :

VĂN-CHƯƠNG THÁI-LAN

của Bà J. Kas em SIBUNRUANG

Tiến-sĩ Văn-chương. Giáo-sư Pháp-
ngữ Đại-học-đồng Chulalongkorn
(Thái-Lan)



Bà THƯỜNG-LẠC

Cùng quý chị em thân mến ;
đã bốn kỳ nay, vì mắc bệnh nên
mục gia chánh phải tạm gác một
thời gian. Nay vừa khỏi, lại được
thư của các bạn khắp nơi thương
tình nhắc đến, tôi không dám
phụ lòng ; xin tiếp tục trở lại
để đáp ơn chị em chiêu cố.

Vịt tiềm đủ các thứ hạt
và chanh muối.

VẬT LIỆU :

1 con vịt to cho mập ;
Các thứ hạt mỗi thứ độ 100
grammes.

Bạc của, maron, hạt sen, bá
hạp, táo đỏ, nấm đông cô, củ
hành tây, củ năng ; đậu phộng ;
chanh muối nhỏ thì ba trái, lớn
thì hai thôi.

CÁCH LÀM :

Vịt làm cho thiệt sạch ; đừng mổ
banh ra ; hãy mổ vừa đủ để móc

mề, gan, ruột ra khỏi, rửa trong
bụng cho sạch, lấy cái bầu dầu
cho hết đừng sót, chùng nấu nó
hôi ; đem treo độ chừng nửa
tiếng đồng hồ cho ráo nước.

Bạc của đập bẻ và lấy hạt để
vô nước nóng (hột sen, đậu
phộng maron ; cũng bỏ vô
nước nóng ngâm lột vô mới dễ ;
táo đỏ lấy dao lạng lấy cơm bỏ
hột ; rửa nhiều nước ; kéo
chùng nấu nó ra nước ; nấm
đông cô cũng vậy, rửa nước
nóng và ngâm lâu, kéo tiềm
nó ra nước đổ, không đẹp,
củ năng gọt vỏ, chẻ ra
ba bốn khoanh củ hành tây lạng
thứ củ nhỏ chừng sáu bảy củ để
nguyên ; xong rồi bắt nước nấu
hột cho vừa mềm, trừ ra củ năng,
áo và nấm để lại.

Khi mà hột đã mềm thì vớt ra
để cho ráo nước đoạn để nấm, củ
năng, táo, vỏ thau trộn muối tiêu
chút đường ; rồi dồn vô trong
bụng con vịt ; may lại cho kín ; lấy
bẹ chuối hột, cái lõi trong còn
non lấy dao lạng cho mỏng ra bó
cho kín con vịt, lấy dây cột đừng
sút bắt son lên để vô ba trái dứa
xiêm, khi sôi để vịt vô trở trang
cho đều, đổ nước sôi vô thêm
ngập con vịt độ 2 lóng tay ; lửa
riuu riu, nhớ hột hột cho kỹ, thời
nước mới trong, để chanh muối
vô, một trái cắt làm tư ; để vô
lấy đũa thăm vịt mềm là được
nêm thì nêm muối cho vừa,
đừng nêm nước mắm (Nếu muốn
ăn vịt tím với mì) thì mua mì vắt
về trung, như muốn ăn với bún
thì phải trộn rau ghém và tương,
tương thì nấu như tương ăn nem
nướng.



★ ĐIỀU HUYỀN

Nói tiếp chuyện làm Báo



ÔNG TÚ
cởi áo sơ-mi
vứt ra giường,
cắn nhàn :

— Lại dứt một cái nút nữa !
Bà Tú phì cười :

— Sao áo quần của mình cứ
hay sút nút hoài vậy ?

— Ai biết đâu ! Tụi thợ may
họ muốn trác anh đó !

Bà Tú bỏ xuống bàn quyền
sách « *La maîtresse légitime* »
mà bà đang đọc, lấy áo sơ-mi
của chồng, coi rồi lấy hộp đồ
may ra. Ông Tú vợ lấy quyền
sách của vợ :

— Mình kết cái nút áo giùm
cho anh, anh xem sách giùm cho
mình..

— Mình khôn thấy mờ, không
bao giờ chịu thiệt hết ! Nhưng
mình phải nhớ mình còn mắc nợ
em một chuyện đấy nhé.

— Anh thì lúc nào cũng mắc
nợ mình !

— Chớ không à ? Chuyện làm
báo, hôm chúa nhật mình đã nói
hết đâu ? Mình lợi dụng tách cà-
phê đồ trên bàn và thừa lúc em
mắc dọn dẹp, mình trốn em,
đi chơi một mình. Cái tội đó,
em còn đề dấy chưa nói. Mình

muốn chuộc tội thì bữa nay mình
phải nói nốt câu chuyện làm báo
cho em nghe.

— Khỏi !

— Khỏi, thì em cũng khỏi
kết nút áo.

— Mình lợi dụng cái « *Luật
gia - đình* » để bắt bí anh, hẻo
hơn ?

— Thôi đừng dài dòng văn-
tự. Mình có muốn ăn xoài voi
thì nói chuyện làm báo cho em
nghe, rồi em ra chợ mua xoài
về cho ăn.

— Ừ, thì nói như thế còn
biết điều hơn. Mà mình hứa
chắc là mình đi mua xoài sau
khi anh kể nốt chuyện làm báo
nhé !

— Chớ em đã phỉnh mình
lần nào chưa ? Nhưng mình phải
đi với em cơ.

— Đồng ý.

Ông Tú bỏ sách xuống
giường, nằm gối đầu trên bấp vẽ
bà Tú :

— Hôm nọ anh nói đến đâu
rồi ?

— Đến chỗ thầy Cò đã sửa
mô - rat mà thợ nhà in còn đề
lỗi : Báo - Đại thành ra Báo -
Đại...

— Ờ... Nhưng mà nhiều khi anh
em ăn công chịu tiếng oan. Cũng
như các nhà báo Pháp thường
nói : « *Les typos ont bon dos* »,
nghĩa là thợ sắp chữ cứ phải
đưa lưng ra mà chịu, chớ nhiều
khi chính người viết bài viết
tầm bậy « rồi đổ lỗi cho
thợ sắp chữ. Cũng như câu
chuyện *Báo Đại* in lộn ra *Báo
Đại*, sau thầy Cò dò xét lại bản-
thảo thì té ra chính ông Giám đốc
viết sai. Mình biết ông viết sao
không ? Ông viết « *Báo Đại* »,
Mình ơi ! Thì ra, trong lúc
ông viết nhanh, viết rồi không
đọc lại, cứ thế đưa thợ
sắp. Thợ sắp « *Báo Đại* » đúng
như nguyên văn của ông giám
đốc. Thầy Cò thấy mô-rát sắp là
« *Báo Đại* », thì tự nhiên thầy
sửa lại : *Báo Đại*, nhưng anh
thợ ty-pô lại sửa lộn là *Báo Đại*,
thầy cò sửa mô-rát thứ hai; thợ
lại sửa lộn là *Báo Đại*, cứ loanh-
quanh loanh quanh : *Báo Đại*
thành ra *Báo Đại*, *Báo Đại*, rồi
rút cuộc in lên báo là *Báo Đại* !
Số báo *Dân Ta* đó phát hành
lúc 4 giờ chiều, 6 giờ ông Giám
đốc đang ăn cơm trong nhà hàng
thì có điện thoại của nhà Báo cho
biết là báo bị tịch thu, vì hai chữ
Báo Đại ! Ông giám đốc lập tức
bỏ bữa ăn, gọi điện thoại lên

ông giám đốc Công-An và ông Bộ-trưởng đề đình chánh, và xin lỗi vì một chuyện sơ sót vô ý... Rồi chính ông phải thân hành, đi điều đình với các nhà chức-trách mãi đến tám giờ tối báo mới được phép phát hành trở lại và khỏi bị tịch thu. Ông giám đốc phải tự viết lời đình chính trong số báo hôm sau. Đó, Minh coi, chỉ một chút xíu vô ý trong lúc viết văn, lộn có một cái dấu mà có thể sinh ra việc lộn xộn sôi nổi như thế đấy.

— Hèn chi em đọc báo thấy nhiều câu mình không hiểu.

— Có nhiều cái lỗi sắp chữ đọc tức cười lắm, Minh ơi.. ! Mà nguy hiểm tày trời nữa chớ ! Cũng như có dạo một tờ báo bên Pháp, viết về cuộc tiếp đón một vị Thủy-sư Đô-Đốc Mỹ, chỉ huy một chiến hạm trú danh. Nhà báo viết là « *L'Amiral X...* » (Đô-Đốc X) mà thợ sắp lộn là « *L'animal X...* » (Con thú vật X.) chữ *Amiral* (Đô-Đốc) lộn thành ra *Animal* (con thú vật) chỉ lộn chữ *m* thành chữ *n*, và chữ *r* thành chữ *m*, mà xảy ra một vụ lộn xộn về ngoại giao, xuýt nữa thành ra to chuyện !

Bà Tú cười quá xá.

— Trong tập *Phở-Thông* mà

mình thích đọc đó, thỉnh-thoảng anh gặp một vài chữ in lăm, đọc cười nôn cả ruột lặn ! Mặc dầu trong số báo sau nhà báo có đình chánh nhưng chuyện cũng đã rồi, và nhà báo đã vô-tình hiến cho bạn đọc một trận cười mê-toi ! Đôi khi nhà báo không thấy, cho nên không đình-chánh, cứ để cái lỗi sờ-sờ như vậy, mãi đến ba bốn tháng sau, ngẫu-nhiên tác-giả đọc lại bài của mình thấy lỗi, đành ngậm miệng mà chịu.

— Sao hồi sửa mo-rát, không coi kỹ ?

— Có nhiều trường-hợp bất ngờ, hoặc thầy cò không thấy lỗi, hoặc vì mo-rát vẽ không rõ, chữ *u* giống chữ *n*, chữ *o* lộn với chữ *a*, v.v... Hoặc vì trong lúc vội vàng, anh thợ đang lúc đói bụng sửa lẹ đề đi ăn cơm, thầy Cò đang khi mơ-màng nhớ Mèo nhớ Chuột, rồi lo-dềnh đề câu *con Cú kêu ma* thành ra *con Cu của Ba*. Ngoài cái vụ *Bảo-Đại* với *Bảo-Đái*, ông V. có kể cho anh nghe một lần ông đăng một bài thơ trong đó có câu :

Bao nhiêu tiếng *khóc* tiến đưa
tiếng *cười*,

Mà in lộn thành ra :

Bao nhiêu tiếng *kóc* tiến đưa
tiếng *củ* !

Độc - giả cười một trận

nên thân ! Có người tưởng đâu tác-giả làm câu thơ bí-hiêm !..

Bà Tú nắm áo sơ-mi nhắm mắt cười rử-rọt.

Ông Tú thừa dịp, toan đứng dậy đi. Nhưng bà Tú níu lại :

— Sửa lỗi sắp chữ, rồi sao nữa chớ, Minh ?

Ông Tú nằm xuống :

— Rồi đem paquet chữ đi đúc, chớ sao.

— Đúc là thế nào ?

— Phần việc của thợ sắp chữ và của Thầy Cò thế là xong rồi nhé. Bây giờ đến công việc của thợ đúc. Anh thợ này bưng cái khuôn chữ đến chỗ lò đúc của anh. Anh có những tấm giấy trắng và xốp bồi lại cứng như bìa, và lớn bằng khuôn chữ. Anh đặt khuôn chữ trên máy ép điện để tấm bìa giấy xốp kia lên trên mặt khuôn rồi quây máy cho ép xuống. Ép sát khuôn chữ cho thật mạnh, thật sát-sao đến một nhiệt độ nào đó thì tất cả chữ-đều in sâu vào mặt bìa giấy xốp. Khi lấy ra, ta thấy tấm giấy bìa ấy y như thể là chạm chữ vậy. Từ một cái nét, một chấm nhỏ, cũng đều được ấn sâu trên mặt giấy bìa.

Ép điện kỹ chừng nào thì

những nét sâu càng rõ chừng này, không mất một dấu phây. Rồi anh thợ đúc mới nấu chì cho chảy ra để đổ nước chì trên mặt tấm bìa. Lúc chì nguội, thành một bản chữ bằng chì rập đúng y khuôn chữ ty-pô.

— Minh ơi, sao không đem khuôn chữ ty-pô đề lên máy in, mà lại đúc thành ra bản chì làm chi vậy, cho mất công ?

— Nếu in ít, thì không ai đúc làm gì. Thí dụ như in 100 tấm danh thiếp hay thiệp mời hoặc là sách, báo, héra đơn, v.v... mà không quá một vài ngàn tờ, thì người ta cho nguyên một khuôn chữ lên máy, gọi là "lên khuôn" để cho máy chạy. In như thế, danh từ chuyên môn gọi cho gọn là «chạy mobile», nghĩa là máy chạy với khuôn chữ ty-pô, khuôn này tháo ra đóng vô được. Thí dụ như máy đang chạy, có thể ngưng máy lại và tháo khuôn chữ ra để sửa chữa một vài lỗi ty-pô, hoặc thêm bớt một đôi chỗ trên khuôn chữ. Sửa chữa xong, đóng khuôn lại như cũ rồi máy tiếp tục chạy. Chạy chữ *mobile* như thế thì tiện lợi, là trong lúc máy chạy nếu nhà báo chợt thấy có đôi lỗi nào quan trọng, hoặc cần phải sửa đổi một vài chỗ nào đó,

thì có thể nói với thợ máy cho ngừng máy, để thợ ty-pô (thợ sắp chữ) tháo khuôn ra dựng sửa chữa. Nhưng có điều bất lợi cho nhà in, là chạy chữ như vậy thì mau mòn chữ. Tạp-chí *Phổ-Thông* mỗi kỳ in ra đến 15.000 số, nghĩa là số quán-quân rồi đó. Bây giờ mình tưởng-tượng giường máy có ba ống rouleaux mực to-tướng lăn qua lăn lại đến 15.000 lần trên mặt chữ thì làm sao mà không mòn chữ được? Mình nên nhớ rằng chữ bằng c i là một loại Kim-khí mau mòn, và mỗi tháng *Phổ-Thông* in hai kỳ, tức là máy chạy 30.000 lần trên mặt chữ, thì chữ sắt cũng phải mòn nửa là chữ chì! Vì lý-do ấy, muốn giữ-gìn chữ để dùng được bền-lâu, nhà-in phải có lò đúc, để đúc nguyên cả khuôn chữ ty-pô thành ra bản chì, để lên máy chạy. Bản chì này, in xong lại trả lại cho thợ đúc nấu lại chì để dùng vào khuôn chữ khác.

— Khuôn chữ mobile, hoặc là bản đúc, cho lên máy chạy cách nào thành ra tờ báo, hả mình?

— Khuôn chữ, hoặc là bản đúc, đặt lên trên bàn máy in (gọi là plateau), là bây giờ thuộc về trách-nhiệm của anh thợ máy. Một cái máy lớn do một anh thợ máy điều-khiển và thêm một cậu thợ phụ.

— Thế nào là máy lớn? Mình tả hình dung một cái máy in cho em nghe.

— Úy! Thôi, bà! Nó là cái máy, nghĩa là nó có trăm nghìn cái móc hợng trong đó, mình ngó vô rậm-rì rậm-rịt, biết đâu mà tả? Muốn coi, thì năn nỉ anh rồi bữa nào vắng ông Giám-Đốc *Phổ-Thông*, anh sẽ dẫn lên mình vô Tòa Báo để mình coi.

— Sao lại phải lên? Cứ vô coi đại hông được sao? Mình làm ở tòa báo, em là vợ mình em vô coi hông được à?

— Xí! Vợ thì vợ chớ, ăn thua gì. Mình là vợ ông Bộ Trưởng, cũng hông ai cho mình vô, nữa là vợ của anh, Nhà in là nơi cấm địa... cái chỗ... nghĩa là... bí mật... là huyền bí... là bí hiểm, là... thiêng liêng lắm, chớ bộ! Phòng thợ sắp chữ, người ngoài cũng hông được vô, chớ đừng nói là phòng máy!

— Gì mà dữ vậy?

— Không dữ sao được? Lỡ như mình vô đó để nhét một tờ truyền đơn Việt-Cong in sẵn, rồi Công An đến bắt nhà in, nói nhà in in truyền đơn Việt-Cộng thì sao? Còn bao nhiêu chuyện bắt ngờ khác nữa.

Bao nhiêu chuyện bí mật về bài vở của nhà Báo, đâu có được để cho người ngoài trông thấy.

— Thôi được, em hông cần mình, mình làm bộ lắm. Bữa nào em đến thẳng ông Giám-Đốc, em nhờ ông dẫn em đi coi. Bây giờ mình nói tiếp chuyện in báo đi.

— Mình đến nhà báo, biểu ông giám đốc nói, chớ anh hông nói nữa.

Bà Tú cười, cúi xuống hôn ông Tú:

— Em nói đùa đấy, đừng giận em. Chớ bữa nào em muốn đi coi, em cứ việc đi thẳng vô nhà in em coi, chẳng cần nhờ ông giám đốc giám-điểu gì tron. Mình nói chuyện nốt, em nghe đi.

— Anh ghét mình hay bướng lắm.

— Em hết bướng rồi. Thôi, nói tiếp đi, lẹ rồi hai đứa mình đi chợ mua xoài, chớ không thôi họ mua hết đấy!

Ông Tú cười:

— À, anh quên cái chuyện xoài voi đi chớ! Hay là bây giờ tự mình ra chợ mua xoài, vừa đi anh vừa nói tiếp câu chuyện nhé. Ra đến chợ thì chắc là vừa

hết chuyện. Mình có chịu vậy không?

— Chịu.

Hai vợ chồng ông Tú đứng dậy thay quần áo. Bà Tú nói:

— Mình xem trên đời này có người vợ nào chịu chồng được như em không?

Ông Tú đáp:

— Mình cũng xem, trên đời này có người chồng nào chịu vợ được như anh không?

— Vâng, ông chịu tôi đủ lắm. Bây giờ xin ông nói tiếp câu chuyện đi. Vừa thay đồ vừa nói. Ông đã nói đến cái máy in rồi. Ông Tú vừa xô quần tây vô churen vừa nói:

— Muốn in một tập báo như *Phổ-Thông*, phải có một cái máy lớn.

— Máy lớn là máy thế nào?

— Máy lớn là cái máy bự. Như in danh thiệp, thiệp mời, thì in máy nhỏ. Đồ thường, hoặc không cần in mau, hoặc in ít, thì có máy thường. Còn phải in mau, in đồ lớn, và in nhiều, như *Phổ-Thông* hoặc báo hằng ngày, sổ sách, v.v. thì phải in máy lớn, như cỡ máy *Double Raisin* chẳng hạn.

Nói đến máy in thì nhiều kiểu lắm. Ở xứ ta, thường dùng máy Pháp, Ý, Đức, Nhật. Cái máy

in thường gồm có ba tầng : tầng trên có một mặt ván rộng bằng khuôn khổ một tờ giấy nhật trình lớn trải hết ra, nghĩa là một bề một mét, một bề 0.65. Một tờ giấy nhật trình đó, in báo hằng ngày thì hai mặt là đủ hai khuôn chữ (một mặt là trang 1 với trang 4, một mặt là trang 2, trang 3), còn in tạp chí Phổ-Thông thì mỗi mặt là 16 khuôn nhỏ (tức là 16 trang Phổ-Thông), hai mặt là 32 khuôn (32 trang Phổ-Thông). Mặt ván ở tầng trên là để đặt giấy. Mỗi lần đặt chừng 100 tờ, hoặc 200 tờ chẳng hạn. Khi nào máy chạy thì có một người thợ phụ đứng trên máy để lấy tay đẩy nhẹ tờ giấy cho nó vô guồng máy lăn đi. Tầng giữa có một bàn rộng bằng sắt trên bàn để khuôn chữ. Như anh nói lúc nãy, nếu là báo hằng ngày thì là hai khuôn đóng lại thành một khuôn lớn (một khuôn trang 1 một khuôn trang 4). Còn như PHỔ-THÔNG thì phải 16 khuôn (tức là 16 trang Phổ-Thông) đóng lại thành khuôn lớn đặt vừa vặn trên bàn máy (plateau). Khi máy chạy, bàn này chạy tới chạy lui. Nó chạy tới thì ba bốn ống mực in lăn tròn đều đều trên khuôn chữ để cho

chữ thấm đều mực. Rồi nó chạy lui, thì có tờ giấy ở bàn trên do tay anh thợ khe dầy xuống, và do hai cái ống tròn thật lớn quay một vòng đặt tờ giấy trên khuôn chữ để cho chữ in vào giấy. Tờ giấy in đều một mặt xong thì rơi xuống một tấm rế quạt lớn có sáu bảy thẻ quạt bằng tre, hoặc bằng gỗ. húng nó để đưa nó xuống một cái bàn khác. Nơi đây những tờ giấy in xong được sắp lại đều đặn, không bị so-le tờ nào.

Tất cả các công việc trên đây đều do máy tự động rất đều và rất mau lẹ. Một tờ giấy trắng lớn từ bàn tầng trên dầy xuống guồng, trong một nháy mắt là đã in xong cả một mặt và đã được sắp ngay thẳng trên chồng giấy đã in. Có nhiều máy lớn, vừa in một mặt xong, lại vừa trở luôn sang mặt bên kia, hoàn thành tờ báo. Máy thường thì in xong một mặt, đủ hết số báo rồi, thợ ngừng máy, xuống khuôn, và lên khuôn nhì chạy mặt nhì. Hoặc phải hai máy, mỗi máy chạy mỗi khuôn. Máy chạy như thế theo tốc lực thường là 1.500 tờ báo mỗi giờ. *Phổ-Thông* có 128 trang (không kể bốn trang bìa), nghĩa là phải bốn tờ giấy báo lớn như báo hằng

ngày, mỗi tờ gấp lại thành 32 trang khuôn khổ *Phổ-Thông*.

Phổ-Thông in 15.000 số mỗi kỳ tức là 15.000×4 tờ = 60.000 tờ giấy báo. Mỗi lần lên khuôn, máy phải chạy 4 tiếng đồng hồ. Báo P, T. lên khuôn tám lần thời gian máy chạy phải 32 tiếng đồng hồ. Nếu tính cả những lúc lên khuôn xuống khuôn cũng thành 48 giờ. Ấy mới là in đen, còn chưa kể in màu, và in bìa. dán bìa, đóng bìa v.v... không phải giản dị đâu, mình ơi!

Vợ chồng ông Tú vừa đến chợ nơi gian hàng trái cây, với

những thúng xoài vàng ánh, thơm tươi.

Một cô bán hàng xinh đẹp nở nụ cười duyên :

— Mời thầy cô mua xoài.

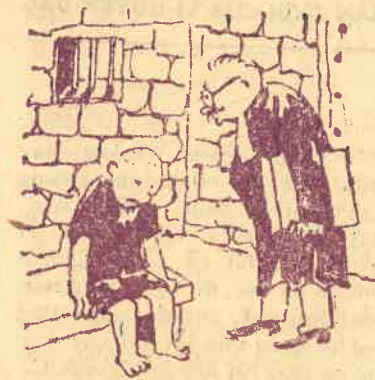
Ông Tú nói thầm bên tai vợ :

— Trông xoài ngon quá, mình nhì. Anh muốn ăn hết, cả xoài, cả cô bán xoài nữa!

Bà Tú mỉm cười, khe thò hai ngón tay móng nhọn ngắt một cái vào hông ông Tú đau điếng :

— Chừng nào mình nói tiếp chuyện in báo?

— Chúa nhật sau, bây giờ lo mua xoài đi, Bà!



nhân.



LUẬT SƯ : Anh không có người, nhà vào thăm anh sao?

TÙ NHÂN : Dạ! gia đình tôi đều ở đây cả.

— !!!

— Mày chửi đi, tao đánh cho coi.

— Mày đánh đi, tao chửi cho coi.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

II



RỒ về nhà, tôi hỏi tường lại cái việc khảo thí hỏi sáng, mà không thể nào, không lấy làm lạ rằng tại sao, tôi lại được chấp nhận? Đầu bài thi chẳng ăn nhập một li, một tí nào với những đề mục đã kê cửu trong các sách; nó cũng chẳng dính dáng gì tới một luận lý nào, để tôi có thể do đó làm căn-cứ, để trả lời. Rút cục, tôi cũng chẳng rõ đáp án của tôi

trên khảo quyền, trúng hay trật. Tôi tin chắc rằng, trong các người ứng-thí, những y-sĩ, hay những sinh viên y-học, đã bằng vào tất cả kinh nghiệm mà họ đã có, để giải đáp một cách lưu-loát, chu-đáo. Rồi vậy, cái hy vọng của tôi đối với việc tuyển lựa, rất đổi mỏng manh. Ấy thế mà, trưa hôm mùng 7, Tháng tư, tôi đã nhận được một phong thư, trong đó, chính tay y-sĩ Xa-lạp-Mỹ đã ký tên và mời tôi, sáng bữa mùng chín Tháng tư, đến phòng khám bệnh của ông, để dự kỳ thi vấn đáp.

Căn cứ vào cái kinh nghiệm của lần trước, tôi chẳng chuẩn bị một tí gì cả, và, đúng giờ hẹn, tôi đi đến Bắc bối công lộ.

Ở đây, mấy cô khan - hộ nói cho tôi rõ, chỉ có ba người được chấp - nhận, để dự kỳ thi vấn đáp; hôm qua đã có một người thi rồi, mai đây, còn một người nữa, và hôm nay là lượt của tôi vậy.

Tôi được dẫn vào phòng làm việc của y-sĩ Xa-lạp-Mỹ.

Chợt nhận ra, tôi là một người đông-phương, ông chăm chú nhìn tôi, tuy nhiên, ông tỏ ra rất có lễ độ đối với tôi. Thoạt tiên, ông đã cùng tôi đàm đạo khá nhiều chuyện; sau, ông hỏi tôi người nước nào, gia - cảnh của tôi ra sao? Lần lần, ông bắt sang địa hạt kinh - nghiệm, mỗi câu hỏi của ông đều làm cho tôi ngạc nhiên vô cùng:

— Ông có biết cưỡi ngựa không?

— Thưa, có.

Y-sĩ nhắc bút chì ghi lên trên một tờ giấy và hỏi tiếp:

— Ông có biết đánh kiếm không?

— Thưa không.

Đáp xong, tôi không khỏi không phân vân sửng sốt.

Y-sĩ lại vạch lên trên giấy một cái ký hiệu, rồi hỏi:

— Ông có biết bắn súng lục không?

— Thưa không. Tôi chưa hề bắn qua một phát súng nào bao giờ.

Y-sĩ ghi vào giấy và lại hỏi:

— Ông có biết võ, biết quyền kích không?

— Thưa không, tôi không biết võ.

Trong khi y-sĩ cầm bút ghi vào giấy, tôi không tự kiểm-chế được nữa và bật miệng hỏi:

— Thưa y-sĩ, xin người tha lỗi cho tôi, đối với việc chiêu-khảo này, y-sĩ cần một trợ-thủ hay một người thích-khách, hoặc, một kẻ vũ-hiệp, để đóng phim-điện-ảnh, kia ạ?

Y-sĩ Xa-lạp-Mỹ giữ một thái-độ bình-tĩnh và chẳng thốt ra một lời nào; mãi sau, ông ngừng đầu lên, nở một nụ cười trong hàm râu, và khẽ đáp:

— Ông nên biết, có nhiều trường-hợp, trong khi điều-trị cho một con bệnh mắc chứng loạn óc, người ta phải cần đến cả sự dùng-cảm của một kẻ thích-khách, cũng như tài-nghệ của một minh-tĩnh màn-ảnh.

Nói xong, y-sĩ lại kể-tục hỏi tôi:

— À, thế ông cầm lái xe hơi được chứ ?

— Thưa được ạ.

— Ông biết khiêu-vũ chứ ?

— Có ạ.

— Thế bơi lội ? Ông có biết bơi lội chứ ?

— Thưa có, nhưng chẳng được xuất-sắc lắm.

Y-sĩ lại ghi và đột-nhiên lại hỏi :

— Ông đã từng giết người bao giờ chưa ?

Tôi sửng sốt, vội trả lời :

— Không ạ, thưa không.

Ghi xong, y sĩ vẫn điềm nhiên hỏi tôi :

— Thế về các môn vận động, ông ưa thích thứ gì ? Vỡng cầu ?

— Thưa vâng, tôi vẫn chơi vỡng cầu.

— Được, môn này rất tốt.

Nói như vậy y sĩ liền ghi vào giấy và hỏi :

— Còn đài cầu ? Thường gọi là binh bông hay bóng bàn ấy mà ?

— Dạ tôi cũng có chơi bóng bàn nhưng cũng thường vậy thôi ạ.

— Bơi thuyền thì sao ?

— Thưa, bất quá, tôi có thể chèo được một chiếc ghe nhỏ.

Cuộc vấn đáp này đã kéo dài trong 30 phút đồng hồ. Đoạn, y sĩ giơ tay xem đồng hồ và nói :

— Được, tốt lắm.

Ông đứng lên, rồi vói lấy một, cái chai nhỏ, để ở một bên bàn lấy ra ba viên thuốc nhỏ, lấy một mảnh giấy, gói lại hẳn hoi và trao cho tôi. Tôi không khỏi hết sức kinh kỳ mà hỏi y sĩ :

— Thưa y sĩ, có phải y sĩ bắt tôi phải uống mấy viên thuốc này hay sao, kia ạ ?

Ông cười, đáp :

— Không, không đâu... ý tôi muốn nhờ ông làm giúp tôi một việc nhỏ này : hiện ở đây, tôi có một bệnh nhân, người đó nhất định không chịu tự ý uống cái liều thuốc mà y phải uống ; bây giờ chính là lúc uống thuốc của y đây, vậy, tôi hạn cho ông, trong mười phút đồng hồ, ông phải tìm cách làm thế nào cho y uống mấy viên thuốc này.

Nói đoạn, ông đứng lên, quay lại, mở cửa của cái phòng ở phía sau ông và bảo tôi đi sang.

Đây là một cái phòng khách, trang hoàng rất tinh nhã. Ở một bên, trên ghế sofa, có một người đàn ông ngồi và bên cạnh người ấy, có một viên khán-hộ. Cách đó, còn có một viên khán hộ thứ hai, đứng xa ra một chút.

Tôi cầm trong tay gói thuốc, đi thẳng tới chỗ người bệnh, vì đây, chính là người đó, không sai. Tôi cũng chưa hề

nghĩ ra nên nói gì và làm gì. Bệnh nhân cũng không đến nỗi quá gầy guộc, nhưng mặt y xanh sao, rõ ràng thiếu máu. Hẳn nhìn tôi trông trọc, không chớp mắt. Bỗng hẳn đứng phắt lên, tỏ vẻ vừa kinh hoàng, vừa sợ hãi, miệng mấp máy, đầy lời chất vấn trên làn môi. Lúc ấy, trong chớp mắt, tôi bỗng như bị một thứ linh-cơ thúc đẩy, nên mặt tôi phi-thường trang-nghiêm, dững-nhuệ ; tôi giơ tay bước tới và nói :

— Xin mời ông cứ ngồi xuống đừng ngại ngần, lo sợ gì hết. Tôi từ Á - đông sang đây, và tôi có mạng theo một thứ linh-được để cứu chữa cho ông khỏi hết bệnh tật ! « Uống mau chừng nào, bệnh sẽ thuyên - dĩ chóng chùng này »... Ông có biết không ? Lời khuyên - cáo mà tôi vừa thốt ra đó, là lời của thánh - triết có ghi trong « cựu ước », bất cứ một người thông minh nào, cũng đều nhớ cả.

Một viên khán hộ ngồi bên đã cầm một ly nước trong tay, để đợi sẵn. Bệnh nhân nhìn tôi trừng - trừng và bỗng thò tay ra cầm lấy ba viên thuốc, bỏ vào mồm ; viên khán hộ liền đưa ly nước cho hẳn uống, để chiêu đãi.

Thế là công việc của tôi đã làm hoàn thành một cách trông vánh, bất ngờ. Khi tôi ở trong phòng bước ra khỏi cửa, y - sĩ Xa - lạp - Mỹ đã đợi tôi ở đó. Ông xem lại đồng hồ rồi hỏi tôi :

— Thế là hoàn thành ?

— Thưa vâng.

— Chỉ mất có năm phút thôi... Hay quá ! Hay quá !

Rồi, sau đó, tôi liền cáo biệt ra về, lòng tôi chan chứa hy vọng. Đợi tôi sáng hôm mười bốn, tháng Tư tôi mới nhận được tờ thông tri, trong đó, y sĩ báo cho tôi rõ, tôi đã được tuyên dụng và tới bữa mười sáu, tôi sẽ được gửi tới trung tâm huấn luyện.

Cố nhiên là tôi mừng lắm, vì giúp việc cho y sĩ Xa lạp Mỹ, tôi sẽ có dịp để học hỏi rất nhiều.

Đúng ngày hẹn, tôi đến phòng khám bệnh, thì y sĩ cho tôi biết, ông đã giới thiệu tôi với một học hiệu của ban trình thám và các việc ăn ở, học tập đã thu xếp đầu vào đầy cả. Làm sao tôi lại không kinh ngạc cho được ? Tôi được tuyên mộ để làm một trợ thủ cho một vị y sĩ, chứ có phải đề cử thành một thám tử đâu ! Tôi liền hỏi :

— Thưa y sĩ, thế là thế nào kia ạ ? Quả thật tình, tôi không hiểu ra sao cả...

Y sĩ chỉ mỉm cười, đáp:
— Rồi ông sẽ hiểu. Tất cả những cái ông cần phải biết, đều ở trong phạm vi công việc mà ông sẽ đảm đương sau đây. Ông cứ yên tâm...

— Nhưng thưa y sĩ, theo thiên ý, tôi thấy y sĩ đương dự bị bắt tôi tập luyện những thứ nó chẳng ăn nhập gì với một thợ thủ của một y sĩ, cho dầu một y sĩ chuyên trị về bệnh tinh thần?...
— Ông lấy làm lạ là phải, vì, đối với một bệnh nhân mắc bệnh tinh thần mà nay mai, tôi sẽ giao cho ông săn sóc, ông cần phải biết đến cả việc xử dụng võ nghệ và sự ổng, đẽ,

— Ông lấy làm lạ là phải, vì, đối với một bệnh nhân mắc bệnh tinh thần mà nay mai, tôi sẽ giao cho ông săn sóc, ông cần phải biết đến cả việc xử dụng võ nghệ và sự ổng, đẽ,

★ GIỎI TOÁN

Tèo : Hôm qua tao theo ba tao coi Tòa xừ, Có ba người cùng ăn trộm đồ của người ta. Tòa xừ mỗi người 3 tháng tù ở. Không biết 3 người phải ở mấy tháng mới mãn tù ?
Tý : Thì... 3 lần 3 là 9 tháng chớ mấy !!

T.H. DÂN (Châu-đốc)

★ DANH-NGÔN :

Hãy làm chủ ý-chí của anh và làm nô-lệ cho lương tâm anh.
ARISTOTE
(Triết-học Hy-Lạp).

★ phải nghe nhiều, và nói ít để hành động khéo léo.

RICHELIEU
(Nhà chánh-trị Pháp)

có thể, khi cần đến mà tự vệ hay bảo hộ cho con bệnh, ông nghe-ra chưa ?

— Thiết tình, thưa y-sĩ, sở dĩ tôi đến ứng-khảo, một phần vì sự đãi-ngộ khá hậu, một phần vì, từ lâu tôi vẫn sùng-kính y-sĩ và một phần nữa, vì tôi mong rằng trong khi làm việc dưới sự chỉ-giáo của y-sĩ, tôi sẽ có nhiều dịp để học hỏi thêm...

— Ông cứ yên tâm, tôi không bắt ông làm một việc gì vô ích cả... Đây là bước đầu của sự huấn-luyện, nó sẽ giúp cho ông trở thành một viên trợ-thủ hoàn toàn... Và, ở đây, ông chỉ cần dụng công có hai tháng trời thôi mà.

(Còn tiếp)

CHUYỆN NGẮN

VẾT SON

TRÊN MÁ

TIÊU THƯ

★ NGUYỄN-VỸ



Ồi đó, ở Quảng Ngãi, ai nghe đến tên ông "Cần-Chánh" mà không rờn tóc

gáy ! Ồ, biết bao nhiêu chuyện về ông mà dân chúng trong vùng còn truyền khẩu đến ngày nay ! Những đặt-sử ghê-rợn của một thời chuyên-chế dã-man ! Mỗi lúc thầy tôi thuật lại một chuyện nào, tôi cảm thấy một luồng khí lạnh chạy khắp trong thân mình, dòng

máu chảy trong tim tôi như ngừng lại ...

Bây giờ tôi biết chép lại làm sao đây; với tất cả những xúc động đầu tiên hồi dĩ vãng, vài ba chuyện mà trước đây ba mươi năm ông thầy giáo trong làng tôi đã kể cho chúng tôi nghe ? Thầy tôi, rằng đã rưng hết mà kể chuyện có duyên lắm. Cảm động lắm. Bọn học trò hai mươi mấy đứa châu đầu vào nghe, mấy chục con mắt thơ ngây đen nhánh đều như đeo dính trên miệng thầy ! Thầy vừa nhai trầu, vừa thuật lại những chuyện ông Cần Chánh...

★
"Ông Quan lớn ấy được quyền tiền trạm hậu tấu, nghĩa là muốn chém ai thì chém, rồi sau mới tâu lên vua. Vậy đó nên ông muốn chém ai là cứ chém. Cả một vùng này có ai dám ngược mắt ngó ông đâu !

Lệnh của ông truyền ra, quân lính phải nghe theo răm rắp. Người ta bảo : Ông nháy mắt một cái như là trời chớp : sắp sửa có giông tố, Ông khạc một tiếng, ra khói ra lửa. Ông hét một câu,

rụng một đầu người. Trên trần nhà, nơi-phòng giữa của ông nằm, có treo một cây gương thần. Hễ bữa nào lưới gương tự nhiên lung lay, là bữa đó làm sao cũng phải có một người bị ông chém đầu.

Ông có một đứa con trai thứ chín; mặt mũi phương phi thật là dễ thương. Người ta gọi là cậu Ấm Chín. Ông chỉ thương độc có đứa bé ấy thôi. Đi đâu về, hay là ngủ dậy, ông thường gọi cậu Ấm Chín lên phò ông ông, để cậu ngồi bên cạnh hỏi chuyện.

Trưa mùa hè hôm ấy; ông đang ngủ say, người lính lệ mặt áo kẹp nép đứng quạt hầu. Bỗng hẵn thấy cây gương thần trên trần nhà lắc qua lắc lại. Hẳn rùng mình, ớn ớn lạnh. Hẳn lại vừa nghe ông Căn ướm mớ « Bớ quân ! đem thằng Ấm Chín ra chém cho tao ! » Tiếng ông mớ kêu ran - rần như tiếng thép. Chú lính tái mặt. Rõ ràng chú nghe câu ấy. Chú phân vân không biết ông nói thật, hay ông mớ ngủ ! Nhưng dù thật hay mớ, lệnh của ông đã truyền ra, không tuân theo thì có mà mất đầu ! Hẳn không dám do dự. Hẳn : « Dạ » một tiếng kính cẩn, rồi cúi đầu, nhón gót, lật đật chạy đi kiếm cậu Ấm Chín mau mau. Cậu Ấm đang chơi

ngoài vườn, lượm lá mít rụng, lá vàng, lá xanh, xâu lại làm cờ treo phất phơ trên cành cây để coi gió đưa qua đưa lại.

Chú lính chạy tới gần, cậu Ấm chỉ chú xem mấy lá mít, cậu cười : « Coi cờ đẹp quá ! Nó lắc qua lắc lại giống lưới gương thần của cha tôi ! ». Người lính làm thỉnh nạm tay đứa bé lôi đi. Đứa bé òa lên khóc. Lính bảo :

— Ông lớn truyền lệnh đem cậu đi chém !

Cậu Ấm hét lên, dẫy dụa, la om-sòm. Nhưng người lính không buồn tha cậu ra, Hẳn lấy dây trói hai tay, hai chân cậu, bỏ nằm xuống đất rồi lấy dao chặt một lát đứt đầu liền, Máu đỏ phun ra ướt cả áo quần người lính. Nơi góc vườn, xâu lá mít treo phất phơ trên cành cây rụng bay tan - tạt...

Đao-phủ gọi một người lính ôm xác đứa bé đi chôn. Xác chết còn run bầy bầy ; chiếc đầu lâu trợn trắng hai con mắt, cái lưới thè ra đỏ lôm.

Thi-hành quân lệnh xong rồi, hẵn trở vô quạt cho ông còn ngủ. Nó không dám đi thay áo quần dính máu. Nhưng hẵn thần nhiên, vì đã quen công việc ấy rồi.

Đến chiều xế, ông Căn thức dậy. Ông uống một chén kiêu nước trà ướp hoa cúc. Ông tự nhiên nháy hai cái. Mắt ông bảo lính gọi cậu Ấm Chín lên chơi.

Người lính thưa :

— Bẩm ông lớn, con chém cậu Ấm chết rồi.

Ông Căn châu mày :

— Ai bảo mi chém hẵn ?

— Bẩm, ông lớn truyền lệnh lúc này.

— Hồi nào ?

— Bẩm, hồi ông lớn ngồi giặc trưa.

Ông-Căn điềm nhiên. Chẳng nói thêm câu nào, ông chỉ gọi người lính khác lên bảo :

— Mi dẫn thằng lính hầu mi ra chém đầu lập tức, nghe ?

Người lính cúi đầu « Dạ ! », rồi dẫn người lính kia ra-chém..



Thầy giáo mớ hộp lấy một miếng trầu khác, bỏ vào miệng nhai, cả lớp im lặng. Thầy nhỏ xuống đất một phẹt nước trầu đỏ như máu. Thầy kê tiếp : « Một hôm, ông Căn đi đánh giặc Mọi ở Đá-Vách, bị thua trận. Đến chiều tối, quân của ông bị Mọi bắn những mũi tên tẩm thuốc độc vào người, chết đã nhiều chỉ còn mấy người phải lật đật khiêng cán chạy qua những đường rừng đưa ông về Dinh. Ông nằm trong chiếc võng sơn son thiếp văng bị máu của thương binh tẩm dính

dặc hai bức rèm. Về dinh, ông buồn bực, ít ăn, ít ngủ. Bà Căn thấy vậy, liền sai người đi gọi gánh hát bội ở Bình-Định ra, để giải khuây cho ông lớn. Đêm ấy, các quan văn võ đến đông đủ để xem hát. Trong gánh, có một chú hề tên là Hờ, có tiếng là pha trò hay nhút, nổi danh ở Bình-Định Phú Yên. Khi ông Căn ra ngồi cầm châu, một ông quan gọi Hờ ra sân khấu, và truyền lệnh :

— Nghe nói mi làm trò hề giỏi lắm. Bây giờ mi phải diễn một trò gì cho thật vui. Nếu Ông-Lớn cười thì cho mi chức Cửu-Phẩm. Nếu ông-lớn không cười, thì đem đầu mi ra chém lập tức, mi nghe không ?

Hề Hờ run cầm-cắp. Nhưng làm sao dám cãi lệnh trên ? Anh ta cúi đầu vâng lệnh, và xin cho vô buồng để sửa soạn vai tuồng.

— Sửa soạn cho mau ! Ông lớn hút hết điếu thuốc thì mi phải ra diễn tuồng, nghe ?

— Dạ.

Hề Hờ vào buồng một lúc. Ông Lớn hút đã quá nửa điếu thuốc. Đây là điếu thuốc Huế vắn tay, đầu nhỏ đầu to. Đầu to cháy đã gần hết thì Hề Hờ bước ra sân khấu. Hề chưa làm trò, nhưng vừa trông thấy bộ

ạch của hắn, mấy trăm khán giả trong rạp đã cười rộ lên một lượt. Ông lớn ngồi yên không nhếch mép. Nhưng khán giả vẫn thầm thì khen Hề Hờ thật có tài. Trong một thời hạn rất ngắn ngủi chỉ đo bằng làn khói thuốc, hắn ta đã biến hẳn bộ mặt, coi thật là hoạt kê. Người hắn thì gãy còm, ốm yếu như cây sậy, thế mà hắn làm thế nào bầy giờ thành ra một anh chàng mập ú-ú như cái cối xay, quần áo rộng thênh-thang núng-na núng-nính, cái bụng lại ền ra đi trước, cái đít thót lại đi sau, cái mặt phì ra như ông Địa. Hắn làm thế nào mà cái miệng hắn dài xéch ra gần đến mang tai ! mà há to ra không được ! Ấy thế mà hắn ngâm một điệu thuốc tròn vo, to hơn một quả chuối bự.

Điệu thuốc đang cháy, hề Hờ hít một hơi dài rồi thở ra hai lỗ mũi, khói tuôn ra nghi-ngút. Nhưng điệu thuốc lạ đời ấy đột nhiên tắt mất. Hề Hờ bập mải không cháy, vội vàng đi núc ních đến trước mặt ông Cấn. Điệu thuốc nhỏ xíu của Ông Lớn cháy đã gần hết chỉ còn một đóm lửa liu riu, sắp tàn. Hề Hờ, với một táo-bạo phi-thường, cúi đầu kẻ sát ông Cấn, chia

điệu thuốc to bự của chàng ra và kính-cần thừa :

— Bầm ông Lớn làm ơn cho con xin mời một một chút lửa.

Ông Cấn phì cười. Điệu thuốc nhỏ xíu của ông vừa mới tắt. Mấy trăm khán giả đã muốn cười sần ròi, thấy ông Cấn cười, càng cười rộ lên ồn ào cả rạp. Nhờ trò khôi-hài ấy, Hề Hờ đã giữ nguyên vẹn được cái đầu trên cổ. Và hắn được lãnh thêm cái chức « Cừu-phàm ».



... Nhưng, nếu Hề Hờ có ông thần hộ-mệnh che chở cho, thì trái lại, một anh kếp hát khác không được may mắn ấy. Anh tên là Luân. Đêm ấy kếp Luân đóng vai một vị Hoàng-Tử đẹp trai, than khóc người vị-hôn-thê bị địch quân bắt ép. Nơi khán đài danh dự, ông Cấn ngồi ghế giữa, một bên là bà Cấn, một bên là cô con gái của ông, mười chín tuổi. Nàng là một vị thiên kim tiểu thư, sắc đẹp ngây thơ, dịu dàng, mơ mộng.

— Vị Hoàng-tử trên sân khấu mặc y phục rực rỡ, làm tăng vẻ đẹp oai nghi của chàng. Chàng lại hát những câu bi-ai thảm-thiết với một giọng lâm - ly, khiến cho

khán-giả ai ai cũng động lòng thương xót, tê tái não nùng cho người trong cảnh ngộ. Tiểu thư đắm-đuối nhìn anh kếp hát đóng vai Hoàng-tử, mà nàng say mê, trong tưởng tượng như một vị hoàng - tử đẹp trai thật, ở một thời nào, đang đem hết cả tiếng tơ lòng ni-non ai-oán mà tưởng niệm người yêu đau khổ ở phương xa. Nàng cảm thấy trong lòng xao-xuyến bấn-khoăn, tự nhiên rung rung hai hàng châu lệ. Ông Cấn liếc mắt trông thấy, nhưng nét mặt vẫn lạnh lùng như sắt đá.

Khi kếp Luân đã vào buồng, tiểu thư lên ra ngoài không ai để ý. Nàng ra sân sau vô tình lại gặp chàng. Tâm-tư còn xúc động, nàng tưởng như gặp vị Hoàng tử trong mơ hoa, Chàng bước lại gần nói nhỏ cho nàng nghe một lời êm ái :

— Tiểu thư đẹp như một nàng Công-Chúa.

Nàng cúi đầu bẽn-lẽn. Chàng say mê đặt lệ lên má nàng một nụ hôn e-lệ. Nhưng tiểu thư mắc cỡ vội chạy vào rạp, trở lại ghế ngồi. Ông Cấn dăm dăm nhìn nàng :

— Vết son gì dính trên má mi ?

Tiểu thư lấy tay chùi trên má. Sợ-sệt không dám trả lời. Nàng sợ nhớ nụ hôn của « Hoàng-tử » mặt bôi son...

Ông Cấn liền cho gọi người bầu gánh hát-bội, và nghiêm-khắc hỏi :

— Thằng kếp đóng vai Hoàng-tử » vừa rồi tên chi ?

— Bầm quan lớn tên hắn là Luân.

Ông Cấn quay lại bọn lính hầu :

— Quân bầy ! Bắt thằng Luân đem ra sân chặt đầu cho tao !

— Dạ !

Cả rạp đều kinh hoảng, không hiểu vì có gì ông lớn xử tội chàng. Kếp hát đóng tuồng hay phur thế. Không ai dám hé môi. Trong rạp, không nghe một tiếng thở. Một ác-khí bao trùm cảnh im lặng nặng nề. Tiểu-thư ngồi đìem-nhiên trên ghế. Nhưng khi bọn lính vào buồng bắt kếp Luân, lời anh qua rạp đề dẫn ra ngoài sân thì tiểu-thư nhẩy xô lại, ôm giằng lấy anh, và quây mặt lại ông Cấn. Cô kêu :

— Thưa cha, người này vô tội ! Xin cha hãy giết con.

Ông Cấn vẫn đìem-nhiên quay bảo lính :

— Quân ! tha thằng Luân ra
Bắt đứa con gái kia đem ra pháp
trường chặt đầu ngay.

— Dạ !

Bọn lính tha kếp Luân và dẫn
tiều thư ra ngoài sân. Nàng
không xáo động, không sợ sệt.
Ngoài sân trời tối mịt - mù.
Một tiếng kêu trong trẻo vừa
rú lên, xé tan màn im lặng của
đêm khuya và chìm trong âm u.

Trong rạp, ba trăm khán-giả
ngồi cảm như ba trăm pho tượng
Chỉ có những ngấn lệ âm thầm
trào ra trên các khoé mắt.

★

Ông Căn đã truyền lệnh phải
diễn tiếp võ tuồng, như không
có gì xảy ra, kếp Luân lại trở
ra sân khấu. Chàng vẫn mặc y -
phục Hoàng - tử oai nghi lắm
liệt, và hát mấy câu lâm - ly thê
thảm với giọng ai oán náo - nùng
khóc cảnh biệt - ly với người
yêu trong mộng. Vừa dứt câu,
không ai ngờ chàng rút trong
áo ra một con dao sáng quắc,
tự đâm sâu vào cuống họng
chàng, và ngã lặn ra chết giữa
vũng máu chảy đầm đìa trên sân
khấu.

Một tia máu phun lên mặt ông
Căn, lạnh-lùng như sắt đá.

NGUYỄN - VỸ

★

Truyện này tác giả đã viết bằng Pháp văn năm 1936
và đã in thành sách trong cuốn "Grandeurs et Servitudes..."
đã có viết thành Việt văn trong Phở-Thông bộ cũ số 2, nay
sửa và in lại thể theo lời yêu cầu của một số bạn đọc.



★ ANH TÊN CHI ?

Quan lớn Hách đang ngồi ở văn phòng làm việc. Có người
đán xin vào yết kiến Hách nhìn lên hỏi ra oai :

— Anh Tên chi ?

— Dạ bẩm... Tên Chi.

Hách hỏi lại : anh Tên Chi ?

— Dạ bẩm... tên Chi

Hách gầm lên : thằng này điên hả ? Tao hỏi mày tên chi ?

Dạ bẩm... tôi tên Lê Văn Chi.



L.T.G. — Các nhân vật trong bài
này nếu có trùng tên với quý vị
nào, chẳng qua chỉ là tình cờ.
Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý
âm chỉ một ai.

Mong quý đọc giả hiểu cho.

★ NGUYỄN - THU - MINH ★

(Tiếp theo P. T. số 13)

A

LICE-LAN không để
cho tôi kịp đáp trả,
nàng đã từ từ đưa môi
đặt nhẹ vào môi tôi ;
nụ hôn vô cùng say sưa, tin yêu
như chừa bao giờ trao gửi cho
ai thế cả.

Trăng mồng sáu chênh vênh
buồn, chiếu xuống mặt nàng một
màu trắng xanh, trông đến nao
nao lòng. Tôi khẽ nói với nàng
qua hơi thở :

— Lan, em hãy cười với anh

đi. Nhìn em hôm nay anh thấy
buồn buồn làm sao ấy. Hay
chúng mình nên về nhà...Lan nhé!

Alice Lan chỉ mỉm cười, đứng
dậy vuốt lại mái tóc rất duyên
dáng rồi cùng tôi trở về nhà.

Lần đi tôi và nàng chuyện trò
vui vẻ, êm đẹp bao nhiêu thì lần
về lại tẻ nhạt, chán nản, uể oải
hiện rõ trên khuôn mặt bấy
nhiều. Thỉnh thoảng mới trao
nhau một câu lấy lệ, đôi khi
không ăn nhập vào đâu.

Về đến nhà vừa đúng 12 giờ kém mười. Tôi và nàng lặng lẽ chào nhau gọi là «xã giao» rồi ai về phòng nấy để nghỉ.

Nhưng khô thay! Tôi không làm sao chớp mắt được, nằm thao thức mãi đề mà phân vân, thắc mắc về chuyện lạ lùng đã xảy ra... về cuộc đời, tương lai... tôi phải đối xử với nàng thế nào cho phải cách v.v... cho đến khi gà gáy đầu, tôi mới bắt đầu chớp mắt, thiu thiu ngủ, bỗng một bàn tay nhẹ nhẹ, lạnh mát của da thịt chạm vào má khiến tôi giật nảy người. Định ngồi dậy bật đèn xem thử việc gì thì nghe tiếng nói nhỏ nhỏ êm ái, để mê, linh tính tôi đoán biết là nàng, bèn hỏi:

— Em hỏi Lan?

Nàng không đáp vội, nhẹ cúi xuống hôn vào má tôi nói rất nhỏ:

— Anh chưa ngủ sao?

Tôi đáp:

— Chưa, còn em?

— Cũng vậy. Anh định đi chuyến xe sáng hay chiều?

— Anh định đi chuyến sáng cho mát và lại kịp ngày làm việc.

Alice-Lan vội ôm lấy tôi mà ước nỡ. Những giọt nước mắt trong bóng tối đã làm tôi mũi lòng, ước chừng rơi lụy theo, nếu có một tí ánh sáng nào cho

tôi trông rõ đôi mắt, cái miệng của nàng...

Những nhịp thở của tôi và nàng đều đều truyền cho nhau qua từng giây phút để tiếp sức mà sống giữa cuộc đời!...

— Hay anh đi chuyến xe chiều cũng được. Ở lại với em một buổi sáng nữa đi anh!

Tôi hơi ghen ngào:

— Anh cũng nghĩ vậy, nhưng kéo dài thời gian, càng bị rịn khổ nhau thêm thôi Lan ạ. Tháng sau không chừng nghĩ lẽ anh sẽ về thăm em, hoặc khi nào em rỗi thì trở lại Saigon thăm anh, chứ có phải vĩnh biệt nhau đâu mà em buồn lo...

— Em biết vậy rồi, nhưng ý em muốn anh rời bỏ đô thành mà về đây sống với em... Thà cực khổ mà gần nhau. Em ở đây mỗi ngày buồn bán cũng tạm sống hơn sao? Hay anh trở lại Saigon cố gắng thu xếp rồi về đây đi anh. Xa anh, em thấy khổ lắm!

Tôi im lặng, siết chặt người nàng vào lòng để tỏ tình... cho nàng biết rằng tôi sẽ cố gắng nghe theo lời nàng, luôn luôn thương yêu nàng, tuy trong thâm tâm tôi rất sợ những chuyện gán bó, một cuộc sống liên kết chung đưng giữa hai con người. Và tôi chợt nhớ tới Hoàng, Thành đã

từng bảo tôi: «Chúng mình nên ở vậy là hơn. Cuộc đời đối với chúng mình đang còn thấy đẹp nhiều quá và bất mãn cũng nhiều quá mà lấy vợ thì lóa mắt, khổ cả đời. Hơn nữa đời chúng mình chưa có gì để bảo đảm hết, không thể nhắm mắt như những người khác được. Bởi vậy, chúng mình đành chịu tiếng ích kỷ mà sống độc thân...»

Nghĩ thế, tôi lại càng băn khoăn hơn nữa. Tôi có thể không nghĩ đến ngày mai... mà thực hành như Hoàng, Thành không, có đủ can đảm phụ rẫy tình nàng không? hoặc trái lại thì tôi phải làm sao đây. Bao nhiêu là dấu hỏi ở đầu óc, trong khi nàng vẫn thủ thủ bên tai tôi:

— Em mơ ước như vậy, nhưng điềm quan trọng để thực hiện sự mơ ước ấy, nhất là giữa đời sống này phải có tiền mới được phải không anh? Đồng tiền sẽ làm cho con người mình hay, tốt, sung sướng. Em nghĩ rằng sau này có con em sẽ cho nó ăn học đến nơi đến chốn đồ đạt cao mới thôi. Và lúc ấy, thử hỏi có ai nói xấu, chê cười em như bây giờ không biết, thật đáng sợ cho cuộc đời này.

Những lời sau cùng của Alice-

Lan, khiến tôi suy nghĩ đau buồn cho nàng rất nhiều. Không những riêng nàng mà cả cho tôi lẫn những người đồng trang lứa với chúng tôi ôm những hoài bão lớn quá mà muôn đời chỉ biết ăn hận, tự giết chết con người mình một cách đáng tiếc.

Tôi và Alice-Lan cứ xoay đi trở lại cũng chừng ấy chuyện cho mãi đến sáng bao giờ không hay. Chợt có tiếng bà cụ — mẹ Alice-Lan — bảo đưa em nhỏ của nàng vào đánh thức tôi dậy dùng trà-nước để ra xe, chúng tôi mới tạm chấm dứt câu chuyện sau một cái hôn dài chan chứa!...

Thế rồi, giờ già từ khởi điềm, và tôi cũng không quên đờp lia lia vài miếng cháo đậu lóat lòng trước khi ra xe gọi là công khó nàng đã vì tôi, vì cảm thương hai chữ đeo bông mà lo lắng vậy đó.

Tôi chia tay nàng, chào từ biệt ông thân, bà thân nàng trong ánh đèn dầu lửa mập mờ; trước ánh bình minh của một ngày mới bắt đầu rộn sáng, những đôi mắt ngây thơ đầy luyến tiếc của các em nàng qua bốn ngày tôi được chung đưng tại ngôi nhà này.

Riêng Alice-Lan rất ít nói, thỉnh thoảng liếc mắt nhìn tôi

chiều buồn bã, giận hờn vì tôi không chịu chịu ý nàng. Nhưng nàng đâu có hiểu nỗi khổ tâm của tôi — của Con Người tôi lúc này. Nàng chỉ biết đem năm ngón tay cọng với năm ngón thành mười ngón chứ có ngờ đâu trong năm ngón ấy có ngón dài ngón ngắn. Tuy vậy, điều ấy vẫn không làm tôi đếm buồn bằng những hoài bão của nàng mà tôi đã biết sơ qua lúc nửa đêm, và tôi cảm thấy giận đời, giận người vô cùng. Cuộc đời chỉ là một cái sân khấu thi đối với con người nhỏ bé như nàng có nghĩa lý gì đã chứ. Nên tôi dù có buồn chỉ để mà buồn vậy thôi.

Alice-Lan nhất định đi đưa tôi ra tận bến xe mới chịu, mặc dầu tôi đã khuyên can nàng nên ở nhà nghỉ cho khỏe, hơn nữa khí trời ban sáng có phần lạnh nhiều, lần làm mũi lòng nhau thêm ra, thì nàng nói rằng : « buổi già biệt hôm nay không chừng sẽ là buổi cuối cùng cũng nên, chắc gì đã gặp nhau lại nữa !... »

Trước những lời hờn dỗi đầy yêu thương, mê ly đến thế, thử hỏi tôi làm sao từ chối sự tiễn chân của nàng được. Và lại, tuy ngoài miệng nói vậy chứ trong thâm tâm tôi ước muốn nàng đi đưa lắm chứ, ít nhất, tôi vẫn được nhiều điều lợi... tôi được thấy nàng khóc, được sự săn sóc của nàng cùng những cái hôn nồng nàn cháy môi lần hồi...

Và tôi sẽ được đời dào dạt hứng thú sau khi về tới Saigon nhất quyết làm một bài thơ tuyệt tác ca ngợi người đẹp đồng quê thơm ngát lúa đồng, hương mùi trinh nữ đề dâng ngay vào số đặc biệt những mùi giai nhân. tượng trưng con người thơ văn của tôi siêu quần xuất chúng thế đấy. Lẽ dĩ nhiên, bài thơ đó sẽ được gửi tặng nàng trước nhất cho nàng đọc ngày đọc đêm, mà nhớ, mà thương, tưởng đến sự chung tình của tôi đến rơi lệ, rơi la-de, quên cả nhà hàng K.S., T.T mỗi chiều cà-phê, chanh quả, trà đường, đầu ran!

Những ý nghĩ ấy càng làm tôi thêm đậm đà, vui tươi sống bước bên nàng ra xe quên cả sương mai, gió lạnh, cho đến lúc xe sắp chạy tôi mới ngất bật người ra, ngo ngo, ngáo ngáo nhìn nàng sụt sùi giông bão...

Phải cố gắng trấn tĩnh tâm trí lại mới nói lên được đôi lời mũi mẫn như sau : « Thôi đừng buồn nữa em à, vài trăm cây số chứ bao xa đâu. Những ngày nghỉ lễ thế nào anh cũng về thăm em mà ! »

Alice-Lan cắn chặt đôi môi lại để đè nén cảm động lòng mình, trông thương mến quá chừng. Càng nhìn, tôi càng say đắm, điên người về con người, đẹp của nàng, và tự hào đã nắm giữ trọn nàng trong tay.

(Còn nữa)

Cảm ơn cô X.M.
Tặng chiếc vòng nylon.

Xin cảm ơn người tặng vòng tơ,
ta treo lơ lửng góc trời mờ!
Dâng bên ngọn đèn măng sồng ru.
Năm dưới hiên hoa bóng nguyệt mờ.
Đời buồn say hương về bên gió
Đu ta dệt mộng ấp nàng thơ.
Sống trần xao xát hồn mê-tử,
Đưa chiếc thuyền hoang trôi đất-đờ...
Đe' chiếc vu-thuyền lạc hương mờ,
Lênh-dênh mây gió cuốn, vô bờ!
Giống Tim đây sống trôi lênh-làng,
Nấu tóc lên men tro' phật-phật.
Kèo-kết trắng đũa, vờn bướm mộng,
Đào-xao Sao rụng ngập giàn thơ.
Ngày sau ta chết, xin ai nhớ
Gửi xác ta vào chiếc vòng tơ!

S. 1959.

Ng. Đp



★ **NGƯỜI ĐÀN BÀ KỶ DỊ** của Phạm -Phạm.

(Thời Trần xuất bản)

Một tập gồm 6 truyện ngắn : Người đàn bà kỷ dị — Lá thư độc nhất — Tình mẹ — Lát dao biết nói — Một tâm - hồn đẹp — Mặc cảm. Sách dày 109 trang — Giá 35đ.

★ **NGỌN GIÓ NỒM** của Khắc Minh.

(Nhà xuất - bản Đức Phú Hội - An)

★ Thi phẩm gồm 29 bài. Với những vần thơ, nhẹ - nhàng, êm - ái. Dày 84 trang — 20đ.

TRIẾT LÝ VĂN HÓA KHÁI - LUẬN của Giáo - sư Nguyễn - đăng-Thục. (Nhà xuất bản Văn - Hữu Á - Châu)

Biên khảo về các đề tài văn hóa Việt - Nam với những nhận xét tổng quát và khúc - chiết, chú trọng về một vài khía cạnh đặc - biệt của tinh thần dân tộc.

★ Sách dày 255 trang — 49đ.

NGƯỜI YÊU TÔI KHÓC của Thế -Viên.

Một tập thơ 30 bài, lời văn thanh thoát. In trên giấy Blanc - fin — 61 trang — Giá 26đ.

★ **LỘNG GIÓ** của Mạc tỵ Châu.

(Lạc Việt xuất bản.)

Gồm 10 chuyện ngắn, hấp dẫn, lý thú, — Sách dày 110 trang, Giá 24 đ.

★ **HOA XUÂN tập I** của nhà xuất bản VĂN LÂM.

Thuộc loại sách hồng, cỡ nhỏ, mỗi kỳ đăng một chuyện ngắn, rất lý thú và hấp dẫn, dành cho các em Nhi -Đông đọc giải trí. Quyển đầu tiên với chuyện «Người Tuyết phục thù», truyện phiêu lưu do ngòi bút của Thanh -Giao dịch tả — Dày 26 trang — giá 3 \$

KIÊN TRINH

Truyện dài của cô **VÂN-NGA**

(Tiếp theo P.T. số 13)

Hôm ấy, tôi đang ngồi trong bếp thắp dầu dĩa để dành thắp cho thắp tới, bỗng thấy chú Chín Miên ghé ngựa bên hè. Từ nhà chú đến tôi cũng khá xa đường nên chú thường dùng ngựa đỡ chân. Chú hỏi thăm tin tức của anh Khanh một chốc mới bảo :

— Vân phải viết thư khuyên Khanh nên ly khai với bọn ấy đi và trở về lo việc gia đình tốt hơn.

Giọng của Chín Miên nói nghiêm nghị khiến tôi chưng hửng :

— Chú muốn anh Ba tôi rời bỏ hàng ngũ Cẩm-tử-quân à?

— Phải, bỏ rơi bọn đó đi, kéo liên lụy đến thân.

— Tại sao vậy?

Chín Miên cười một cách cay độc :

— Vì bọn ấy đã khinh tôi, không cho nhập đoàn, nên tôi phải trả thù. Tội nó làm phách, trông làm nên chuyện sao?

Chuyện Chín Miên bị từ chối

không cho gia nhập vào đoàn tôi đã có biết đến. Khi anh Ba tôi giới thiệu Chín Miên với anh Thanh, Chín Miên được anh này tiếp nhận tử tế. Nhưng một hôm nọ, anh Khải bị mất một tấm giấy bạc năm trăm đồng, mà Chín Miên là người ngủ chung giường với anh lại có nhiều điều khả nghi. Các anh mới để ý dò xét và biết được Chín Miên vừa than túng tiền hôm trước, thì sau ngày Khải mất tiền vài bữa Chín Miên đã sắm cà-rá, vàng, đồng hồ tay để chưng bảnh với đoàn phụ nữ cứu quốc được lĩnh bộ đưa sang nhờ các anh rèn luyện.

Anh Thanh nói riêng với anh Ba :

— Chín Miên gian xảo như vậy dùng không được, vì có tài mà kém đức cũng bằng không !

Việc Chín Miên ăn cắp tiền rất dễ hiểu, vì chú là công tử bột trong làng, quen thói tiền hoang, và khi chú siêng sên có bạc trong túi, ai xài của chú cũng

được, nhưng khi chú hết tiền thì chú hay nhả túi tiền của người với của mình. Nếp sống bừa bãi như vậy, anh em trong nhóm anh Thanh không bằng lòng. Chín Miên không được nhập đoàn, nên mang lòng cố oán, muốn hại lại mấy anh. Chú ngỗ lời cùng tôi:

— Đề rồi Vân xem, tôi làm cho cả bọn nó cực kỳ điều đừng mới nghe cho. Thăng Khanh phải đứng ra ngoài vòng...

— Chú làm sao hại được người ta?

Chín Miên lấy cho tôi coi một tờ giấy chứng nhận của Quốc-gia tự-vệ cuộc:

— Anh Tiếng giao sứ mạng bí mật cho tôi ngầm hại bọn chúng. Chúng dám coi thường tôi chứ, thử xem rồi đây ai còn cười được lâu dài...

Chú Chín Miên nói chuyện ba hoa một chốc toàn ca tụng anh Tiếng và khoe khoang anh rất trong vọng đến chú.

Nhìn vào nét mặt linh động những vẻ hần học và giáo quyết của người chủ họ mà những ngày gần đây tôi mới hiểu rõ tâm địa không được khoáng đạt, tôi nhận thấy lời hăm dọa của ý phải được nhóm anh Thanh chú ý phòng ngừa. Nhưng trước khi thông báo cho các anh, tôi muốn đóng vai

một người hòa giải cho được bụng cả đôi bên.

— Chú hại người ta như vậy có ích lợi gì cho chú không? Tôi nhìn vào mắt Chín Miên mà hỏi: Chú đừng quên rằng họ vẫn là bạn chú, hơn nữa, trong nhóm ấy còn có anh Ba tôi.

Chín Miên bảo quả quyết:

— Dù không ích gì hết, tôi cũng được sung sướng là đã hạ được kẻ thù, vì ai khinh tôi là kẻ thù của tôi. Còn về phần Khanh, nếu Khanh còn bắt tay đi chung con đường với Thanh thì Khanh đã chọn lầm con đường tiến thân rồi đó...

— Tại sao chú không ưa anh Thanh?

— Tôi thù nó lắm, nên nói thẳng ra như vậy, tôi rất ghét nó vì là ... vì là ... tôi không phục nó.

— Thế thôi à? Ít nữa cũng phải có một nguyên nhân chánh đáng hơn chứ?

Chín Miên sa sầm nét mặt lại, buông gắt ra những lời bất mãn:

— Vân muốn hiểu sự thật ư? Sự thật là... cả nhà này ai cũng trong vọng nó hết, đến cả Vân nữa !...

Bất giác tôi ngờ ngợ hiểu ra... Nguyên do có phải vì lòng ganh tị của người chủ họ không lớn hơn chúng tôi bao nhiêu mà vẫn

tự phụ là hơn người kia không? Hơn thế nữa, tôi nhận ra trong giọng nói và nhữn g cử chỉ không bình tĩnh của Chín Miên bao hàm một ... hờn ghen lộ bịch. Chín Miên có tật xấu là ghét cay ghét đắng những bạn bè của anh Ba tôi, và nhất là của tôi. Chú đã linh cảm nơi Thanh là một người tự đứng sẽ chen vào cuộc đời tình cảm của chúng tôi và là một tình địch đáng lo sợ hơn bao giờ hết, mặc dù giữa chú và tôi cũng như giữa tôi và Thanh, vẫn chưa có gì xảy ra...

Trong thời ngày thơ chưa biết gì của tôi, Chín Miên đã đeo đuổi ráo riết theo tôi và chú không ngần ngại gì c hắng dùng đủ mọi lợi khí, hoặc gián tiếp nhờ tay tôi hoặc do chú đảm nhận lấy, để tàn nhẫn đánh tạc ra ngoài vòng những ai mà chú coi như là chướng ngại trên con đường dẫn đà độc chiếm cảm tình ở tôi.

Một thí dụ nhỏ sau đây để chứng tỏ cái vòng trống mà chú đã ruồng phá chung quanh tôi, bất kể đến tình bạn bè hay là bà con.

Một hôm nọ như thường lệ, Chín Miên đến chơi nhà tôi và buột ngựa dưới gốc cây dừa trước nhà Hai Vạn trong khi người láng giềng nhà tôi đang đứng trước cửa với người em

trai là Ba Phất cũng nổi tiếng là một tay trêu hoa trong vùng.

— Cậu Chín! Hai Vạn và Ba Phất vội cất tiếng hỏi. Cậu đi đâu xấn xái mà ít ghé nhà chơi quá vậy?

Chín Miên xàm xúi bước qua cầu ván và nói trở lại:

— Ý, tao gặp lắm bày ơi!

— Gặp việc gì vậy? Lần nào cũng thấy cậu gặp he?

— Bây không biết sao? Tao gặp đi cạo râu quych (râu dê) cho thiên hạ!

Hai Vạn và Ba Phất tức lắm, nhưng đứng vào vai cháu bên ngoài, nên đành bậm bụng mà chịu. Tánh Chín Miên hay công kích người, thường đặt về chế nhạo thiên hạ, và vẫn tự hào trên đời chưa có ai biết chơi hơn mình.

Những kẻ không ưa nhóm của anh Thanh đã khôn khéo lợi dụng lòng ghen ghét của Chín Miên để làm một tay sai đắc lực trong việc rình rập, hãm hại các anh. Uy tín của nhóm anh Thanh mỗi ngày mỗi tăng khiến cho họ phải e ngại. Các giới trí thức và lao động trong tỉnh đang hướng về nhóm ấy, và cũng chỉ hoài vọng ở nhóm ấy mà thôi.

Có một bạn, sau khi xem đoàn

anh Thanh tập luyện, một người trung niên nọ tóc đã bạc hoa râm liền đón anh Ca-vang lại hỏi với một giọng khiêm tốn:

— Anh ơi, già như tôi đây còn xin gia nhập vào đoàn được không?

Anh Ca-vang nhìn lại, sững sốt nhận ra người hỏi nọ là thầy học cũ của anh và của anh Thanh, liền chấp tay xá chào và đáp:

— Thưa thầy, chưa có trường hợp ấy, đề con về hỏi lại anh Thanh đã.

— Ừ, anh ráng nói dùng cho tôi vào đoàn nha. Nè anh, tôi ra đoàn của các anh lắm...

— Thưa thầy, chúng con vẫn là học trò thầy...

— Đồi bây giờ phải xưng hô như vậy. Mà thôi, em hỏi la dùng qua rồi cho qua hay gặp nha!

Anh Ca-vang về nói lại cho anh Thanh. Thầy giáo Hùng ở tỉnh Rạch giá xưa kia ai mà không biết tiếng, thầy thường học trò như con và đánh cũng tợn; học trò trường tỉnh thuở ấy nào phải nhỏ, có cậu mười sáu, mười bảy tuổi đầu mà sợ thầy như cọp. Lốp thi do thầy dạy nhờ thế mà đỗ cao và nhiều hơn cả, một tay thầy đào tạo

không biết bao nhiêu người hữu ích mà một giáo viên tầm thường không cần đáng nổi.

Anh Thanh vui mừng lắm, khi nghe nói thầy học cũ tán đồng công việc làm của anh.

— Chúng mình hãy còn trẻ tuổi, một đôi khi vẫn nghe con tim hơn là khối óc, nên đang cần các bậc lão thành dìu dắt và chỉ bảo trên con đường tranh đấu trường kỳ mà sự khôn ngoan và kinh nghiệm rất hữu ích. Để rồi tôi cùng anh đi đến nhà thầy, mời thầy ra giữ một vai cố vấn, như vậy tình nghĩa thầy trò lại càng thêm khấn khít hơn.

Phe của anh Tiếng tìm đủ mọi cách để phá tan nhóm của anh Thanh, nhưng vô hiệu quả. Ban đầu, họ gởi qua một trung đội Cộng hòa vệ - binh để nhờ anh Thanh huấn luyện theo phương pháp của các anh, được ít lâu, đám người nọ cảm mến các anh và tuyên thệ trung thành với chủ trương ích nước lợi dân do các anh đề xướng. Về sau, chị Tiếng lại gởi qua năm mươi phụ nữ cứu quốc đã được huấn luyện những phương pháp chinh phục rất đặc biệt để ngầm quấy rối hàng ngũ của các anh, nhưng kết quả trái ngược lại điều mong muốn nọ, các chị phụ nữ kia

bị... chinh phục trở lại và từ chối trở về hàng ngũ cũ của họ.

Nhưng trường hợp của hai nhóm nọ không làm cho anh Thanh và các anh phải suy nghĩ đắn đo bằng sự đeo đuổi xin gia nhập đoàn của một người thanh niên nọ tên là Lê Hiên. Lê Hiên là một người rói giọng miền Trung, thạo Pháp ngữ và Hoa ngữ, sống lâu ở Chợ Lớn, đã gia nhập vào đoàn tuyên truyền Nam-bộ đi đến tỉnh Rạch giá rồi tự ý tách ra để xin gia nhập vào nhóm của các anh. Lê Hiên đến nài nỉ năm lần mà các anh không dám nhập.

Anh Thanh nhận được báo cáo, tìm mãi không ra câu trả lời:

— Anh chàng này muốn gì?

Lê Hiên đã tỏ ra rất nhiệt thành:

— Tôi hiểu sự đường đột của tôi có thể làm cho các anh nghi ngờ, vì theo tôi biết, chủ trương lành mạnh của các anh đã bị chánh quyền nghi kỵ. Nhưng tôi mến những người quốc gia chân chính biết đặt quyền lợi tổ quốc và nhân dân trên hết, và không su phụ một cá nhân, một bè phái nào. Sự dè dặt của các anh càng làm cho tôi thấy con đường của tôi

lựa chọn là đúng: tự tin vào sự cố gắng không ngừng của mình và không ý lại nhờ cậy ở ai.

Lê Hiên còn nói nhiều nữa, anh bình luận về thời cuộc rất sáng suốt bày tỏ lập trường một cách minh xác khiến cho các anh phân vân lắm. Nhận làm một kẻ nghịch như vậy vào trong hàng ngũ là một sự nguy hiểm vô chừng.

Anh Thanh bảo cùng các anh:

— Theo lời các bạn đã tiếp xúc với người ấy thì tôi nhận thấy anh ta có thể là một người bạn rất tốt của chúng mình.

Thức gặt gù nói:

— Hay trái lại: là một đối phương rất nguy hiểm của chúng ta, nếu anh ta giả dối.

— Chúng ta làm sao từ chối một người đã đặt ý thức tranh đấu làm lẽ sống của mình chẳng?

Trung bàn thêm:

— Nhưng vì sự an ninh chung, chúng ta phải đề phòng...

— Cũng như chúng ta không có quyền nghi ngờ một thiện chí vậy.

Anh Thanh bằng lòng tiếp Lê Hiên và bảo:

— Trong hàng ngũ chúng tôi cư xử như anh em một nhà, mong bạn sẽ cùng chúng tôi chia sẻ sự ngọt bùi và cay đắng trong con đường tranh

đấu lâu bền cho tự do và độc lập của dân tộc và xứ sở.

Anh Thanh không làm người và Lê Hiến đã tỏ ra xứng đáng tình bạn trong những bước gian nan sau này, cũng như Thanh đã nhìn thấy nơi Chin Miên một con người không thành thật.

Sau cuộc nói chuyện với tôi. Chin Miên băng đến nhà có hơn một tuần lễ mới thò mặt đến và xem bộ hân hoan lắm :

— Đó, tôi nói có đúng như là Thánh sống không?

— Đúng cái gì? Tôi hỏi lại.

— Nhóm của Thanh đã bị giải tán rồi.

Tôi nghe nói, sửng sốt:

— Thiệt không? Sao chú hay?..

— Thiệt như hai với hai là bốn, và nếu tôi không hay trước hơn ai cả thì tôi không phải là Chin Miên.

Tôi bàng hoàng như khi xưa nghe phải tin linh kín vào bắt anh Ba. Chin Miên nhìn vào tôi và nói dằng từng tiếng :

— Chưa hết đâu, khi người ta giải tán xong, người ta sẽ tìm cách khai trừ dần dần từng đứa...

— Chú nở hại anh Ba à?

— Riêng về Khanh thì tôi có thể bảo đảm...

— Nhưng còn những người

khác? Họ có làm gì mà bị chú thù ghét và hăm hại?

— Ai biểu họ theo Thanh? Bây giờ người ta coi anh em của nó như là... Việt-gian vậy.

— Vậy là sai, là hoàn toàn trái với sự thật.

Chin Miên cười gằn :

— Sao cứ bào chữa cho nó mãi vậy? Sự thật có nhiều khía cạnh chứ không phải một, và cái khía cạnh mà người ta đang áp dụng với Thanh là thế này : Thật ra Thanh có thể là một Việt gian không? Xét theo thành phần địa chủ bóc lột và trí thức ngoan cố thì Thanh có thể lắm. Vậy là đủ rồi, cần gì phải biết Thanh có là Việt gian hay không?

— Lập luận của chú và bè đảng của chú thì thiên hạ đều chết hết.

— Những ai không làm chương ngại con đường của anh Tiếng sẽ được yên thân.

— Vậy là độc tài! Là lợi dụng sự tin tưởng của mọi người để củng cố quyền vị riêng tây, và là phản dân chủ!

Chin Miên sấm mặt lại và hỏi tôi :

— Tại sao Vân lại bình người ngoài mà bỏ bà con? Chẳng Thanh là gì chứ?

Tôi tức nghẹn cả lời :

— Không là gì hết!... Và tôi

cũng rất tiếc có một người chú như chú... Lẽ ra chú không làm như vậy mới phải...

Tôi không có can đảm nói hết những ý nghĩ của tôi vào mặt Chin Miên. Tôi quày quả bỏ đi ra ngoài, mắt chớp liên mấy cái và tự dung những dòng lệ, mà tôi chưa hiểu được nguyên do nào bỗng dâng trào ra...

Ngày hôm ấy tôi nóng lòng sốt ruột đến nỗi không thể không ra tỉnh để thăm dò tin tức của các anh. Khi đến trụ sở, tôi mới hay chỉ có bộ đội của các anh gởi qua ăng ngữ mặt trận Hà-Tiên bị trước khí giới và giải tán. Anh ba tôi vẫn còn ở bên Hà tiên với chín bạn khác, còn bộ đội thì đã trở về đến Ba Hòn không được một phương tiện chuyên chở và tiếp tế lương thực.

Anh kỹ sư Châu, chỉ huy quân sự mặt trận Hà tiên đã bị trước mắt binh quyền và phải giam cầm như một tên trọng tội. Lúc ấy, Ủy ban nhân dân tỉnh bộ Rạch giá đã yếu thế và lui về đóng trụ sở nơi nhà Hội đồng Ngọ trong làng Minh Lương rất sung túc và có nhiều ngả để rút lui. Quyền hành trong tỉnh hoàn toàn do Ủy ban Kháng chiến định đoạt và ai không theo phe anh Tiếng thì phải bị khai trừ.

Anh Thanh mấy phen đến tìm

anh Tiếng để phản đối việc vừa xảy ra ở Hà Tiên, nhưng anh Tiếng lánh mặt. Một giờ trưa hôm ấy, nhóm anh Thanh còn lại ở tỉnh độ hơn hai trăm người cùng nhau kéo lại trước trụ sở Ủy ban Kháng chiến tỉnh bộ đóng ở biệt thự Bà Năm, làm một cuộc biểu tình trong trật tự và im lặng với những biểu ngữ : Yêu cầu giải thích lý do giải tán và tịch thu vũ khí của Cẩm tử quân ở Hà tiên. Các anh đứng dưới mưa dầm ngót hai tiếng đồng hồ để chờ sự trả lời, có cả trung đội Cộng hòa vệ binh và năm mươi phụ nữ cứu quốc của phe anh Tiếng tổ chức khuấy rối hàng ngũ của các anh.

Người ta vội gọi ngay cô. Cụ đem hai trung đội cảnh sát giàn súng máy ra, nhưng trên đầu hàng anh Thanh vẫn không nhút nhit và các chị phụ nữ đã không nên được lòng phần nộ :

— Các anh cứ bắn đi! Súng đạn không làm cảm được tiếng nói của chánh nghĩa đâu.

Sau cùng anh Tiếng phải nhượng bộ, cho cảnh sát rút lui và mời anh Thanh vào nói chuyện. Tiếng chối dài là không hay việc những gì đã xảy ra ở Hà-tiên và đề nghị anh Thanh cùng

đi với anh qua Hà-tiên để sáng tỏ vấn đề.

Anh Thanh bng lòng điều kiện ấy và nhóm người biểu tình được giải tán. Ngày hôm sau, có xe đến rước anh Thanh đi. Tôi hiểu từ nay trở đi, giữa anh Thanh và anh Tiếng có một sự căng thẳng không thể giải quyết bằng sự ôn hòa được. Tạm thời, Tiếng nhin nhục để chuẩn bị một cuộc thanh toán về sau. Anh Thanh hiểu vậy nhưng tin tưởng vào hai tháng nữa có cuộc (tuyên cử nghị sĩ toàn quốc và sự bầu thăm ấy sẽ đưa ra những nhân tài xứng đáng đảm nhiệm việc nước hơn.

Anh qua đến Hà-tiên ngay buổi chiều đầu tiên biên giới bị báo động. Người chỉ huy quân sự của phe Tiếng đưa lên là Sáu Miêng, một võ sĩ có tinh thần xe hơi đồ thời tiền chiến, chưa từng biết bề ngược và bề xuôi của một bức địa đồ, vừa nghe tin cấp báo Pháp quân chọc thủng biên giới liền hốt hoảng chưởi thề liên miệng:

— Dời trụ sở qua sông... Địch có chiến xa tới hai mươi thước bề dài lận.

Câu nói của Sáu Miêng làm cả cử tọa có mặt trong cuộc họp đều chưng hửng. Tiếng hỏi lại với giọng lo sợ:

— Sao? Chiến xa gì lớn thế?
— Điện thoại ở đồn quan sát cho hay như vậy mà.

Buổi họp liền tan vỡ. Tiếng cầm tay Thanh và bảo:

— Thôi, chúng mình trở về Rạch giá anh ạ. Anh cũng hiểu tôi muốn giằng xếp lắm, nhưng tình thế hiện tại không cho phép. Để rồi trong cuộc trở về tôi và anh sẽ nghiên cứu một biện pháp dung hòa...

Thanh rầu rĩ nói:
— Tôi không về cùng anh được vì bôn phận của một chiến sĩ bắt buộc tôi phải tranh đấu kh giờ phút quyết liệt đã đến. Chúng tôi có mặt ở châu thành Hà-tiên chỉ có mười người nhưng mười người ấy cũng sẽ hết sức cố gắng giúp ích các chiến hữu hiện có mặt ở biên giới. Vậy tôi chỉ yêu cầu anh cho chúng tôi xử dụng lại một phần những vũ khí của chúng tôi mà các anh đã tịch thu.

Tiếng nghi ngờ:
— Việc trả lại vũ khí không phải ở quyền tôi đình đoạt, anh thông cảm dùm...

— Chúng tôi chỉ mượn lại để chống Pháp, và khi xong nhiệm vụ sẽ trả lại.

Sự nghi ngờ thay vào những vẻ kính phục, nhưng Tiếng còn dè dặc:
(Còn nữa)

ĐÁP BẠN

BỔN

PHƯƠNG



- ★ Ông Lê Vĩnh Viễn — Hội đồng xã — Cai lậy.
Ông nên đệ đơn xin sửa tên trong văn bằng cho đúng theo giấy khai sanh ở tòa cấp. Về mặt pháp lý, nếu tự mình sửa sẽ có tội.
- ★ Một bạn đọc ở Phan-Thiết.
1) Từ nay Phô-Thông ra đúng kỳ.
2) Rất tiếc, chúng tôi không có hình của các nhà văn ấy.
3) Về vụ cô Kim-Cương, bạn nên viết thư hỏi tờ báo nào đã đăng chuyện ấy.
4) Có mụn-vi trong mình nóng, bạn nên cử ăn đồ gia vị và nếu có thể nên uống thuốc xô.
- ★ Bạn Lê Sĩng — Đệ V Bồ Đề — Quảng Trị.
Xin đón coi « Phô-Thông » một số sau sẽ có bài đáp bạn về ba danh từ: *Đông Nai*, *Đông Hà*, *Đông Hời*.
- ★ Một bạn đọc ở Saigon.
Thư-bút, tức là một bài văn xuôi ngắn để cập đơn sơ về một vấn đề gì tùy theo cảm hứng của mình.
- ★ Bạn NHTNL — Đệ tam B — Vũng Tàu.
Người ta gọi Gia Tô giáo là « Công-giáo », từ lúc có người Pháp sang Việt-Nam và cho công-khai giảng đạo gia tô.
- ★ Bạn Đông Xuyên — Nha quan thuế — Saigon.
Rất cảm ơn thư bạn.
- ★ Bạn Quốc Minh — Trần Quý Cáp — Hội An.
1) Các tác phẩm của cụ Phan-Khôi để lại được bao nhiêu

chúng tôi cũng chưa được biết. Hiện chỉ có cuốn « *Chương Dân thi thoai* » nhưng các hiệu sách đều không có bán.
2) Ông N.V sanh năm 1912.

- ★ **Bạn Cao hoành Nhân — Huế**
Chúng tôi có nhận được một bài ký tên Cao hoành Nhân ở Huế giới thiệu ông Hải Lương, và yêu cầu chúng tôi đăng trong mục «Giới thiệu văn nghệ sĩ», kèm với một bức nhà của ông Hải Lương để in lên báo. Nhưng vì mục «Văn nghệ sĩ» đã chấm dứt từ lâu nên chúng tôi trả lời như trong P.T. số 11. Lời «Đáp bạn bốn phương» kia rất rõ ràng, không cần phải đính chánh gì nữa. Mong bạn hiểu cho.
- ★ **Ô. Ô. Thanh-Quan và Song-Linh.**
Xin cho biết địa chỉ rõ ràng.
- ★ **Bạn Vũ huyền Linh — Phan thanh Giản — Saigon.**
Rất cảm động và thành thực cảm ơn thư bạn. Về các bài thơ, bạn cố gắng nữa sẽ thành công.
- ★ **Cô Vũ thị Nga — Saigon.**
Ông Đông-Xuyên viết trong P.T là một công chức, ông không có lấy số tử vi.
- ★ **Bạn Phạm ngọc Nhiễm — Trường Quân Chính — k. b. c 4.100**
Xin đồng ý. Mong bạn gửi cho vài chục câu như thể càng gọn càng hay. Chúng tôi sẽ lựa đăng mỗi kỳ. Bạn có thể sưu tầm tiếp tục luôn được không?
- ★ **Em Mộng - Hà — Đà - Lạt**
Cảm ơn thư em. Em nên gửi bài đến tòa soạn chúng tôi xem. Tạp chí **PHỔ - THÔNG** đăng tất cả những bài có giá trị, có tinh cách xây dựng và học hỏi.
- ★ **Em Nguyễn - Kỳ — Chấn Hưng — Quảng Ngãi.**
1) Trong bài «*Những thủy tổ các nghề thủ công Việt-Nam*» có đăng tên Trạng nguyên Phạm Đôn chứ không phải Trần Đôn.
2) Ông N. V. không phải là «*Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục*».
- ★ **Bạn Quốc Trân — Kiến Phong.**
Đã nhận được bài thơ của ông. Xin thành thật cảm ơn thịnh tình của ông đối với tạp chí **PHỔ - THÔNG**.
- ★ **Bạn Tnanh Tâm (Lê kim Tường) — Nhatrang.**
Chúng tôi sẽ lần lượt cho đăng các các câu ca dao của bạn

- ★ **Ông Trần - Lâm — 93 Lê Lợi — Định Tường — (Mỹ tho)**
1) Xin ông vui lòng gửi cho chúng tôi 115đ bằng tem, nhận được chúng tôi sẽ gửi báo đến ông.
2) *Tinh thần công thiện* là Tinh thần phục vụ cho lợi ích công cộng trên phương diện từ thiện.
3) Việt Nam cũng có vài ba nhà kinh tế học, như ông Nguyễn Xuân Quang, tác giả quyển «*Les Problèmes économiques et financiers du Vietnam indépendant*».
- ★ **Ông Phùng Linh — đường Phan châu Trinh — Bà Xuyên.**
Chúng tôi đã gửi đến ông một số P. T. số 8.
- ★ **Bạn Đức mền — Võ Dạ — Huế.**
Đã nhận được các câu ca dao của bạn, sẽ cho đăng. Thành thực cảm ơn.
- ★ **Ông Lâm đan Kỳ — k. b. C. 4.053**
Muốn mua báo dài hạn, xin ông vui lòng gửi cho một ngân phiếu 210 đồng (báo dài hạn một năm) đề tên ông Trần văn Lang. Chúng tôi sẽ gửi **PHỔ THÔNG** từ số 1 cho đến kỳ mãn hạn mua báo năm của ông.
- ★ **Bạn Nguyễn khắc Chương — Saigon,**
1) Bạn nên hỏi những người đang theo học về y khoa có lẽ được biết đầy đủ hơn.
2) Mời bạn đến tòa soạn nếu có việc cần.
- ★ **«*Cô Nguyễn tị xuân Hương*» — Học sinh — Hồ Hội.**
Bài của cô không có một lập trường rõ rệt, không đăng được
- ★ **Bạn Hồng Ngọc — đường Gia Long — Qui Nhơn.**
Xin bạn cứ gửi các bài ấy đến chúng tôi xem. Được các bạn gửi bài về góp phần xây dựng cho tạp chí **PHỔ THÔNG**, đó là một hân hạnh cho chúng tôi vậy
- ★ **Bạn Trúc Anh Tâm — An-Giang**
Về thơ Bạch Nga ông N.V sẽ dẫn giải rõ ràng trong tạp thơ «**HOANG VU**» sẽ xuất bản.
- ★ **Ông Đoàn ngọc Lân — đường Trương minh Giảng—Saigon.**
Những bài không đăng được, chúng tôi không thể trả lời riêng từng bạn. Thành thật rất tiếc.
- ★ **Bạc Quách tú Ván — đường Thủ khoa Huân — Châu đốc**
1) Con **Thần-lấn** không có «g» còn chữ «**thăng**» chỉ người ta, có «g». Vậy hai chữ khác nhau.
2) Bạn nên viết thư đến hỏi thẻ lệ tại Tổng tư Lệnh Hải Quân, bến Bạch Đằng.

- ★ **Bạn Nguyễn hoàng Dương — sinh viên — Huế.**
1) Mỗi bài đăng trong tạp chí PHỒ-THÔNG dài nhất là 10 trang.
2) Các truyện ngắn đăng trong PHỒ-THÔNG, sau này có thể cho in ra sách được

- ★ **Bạn N.C.**
Tái bản nghĩa là in lại lần thứ hai.
Tục bản là tiếp-tục in lại.

- ★ **Bạn Quỳnh lân Anh — Đà Nẵng.**
1) Về vấn đề thi T.H.Đ.N.C khóa II bạn hỏi ngay Nha Học Chánh địa phương.
2) Chúng tôi sẽ cho viết một bài riêng về Quốc Hội và Quân dịch. Không thể trả lời trong khung khổ chật hẹp của mục này.
3) Chữ số 1-2-3-4-5-6-7-8-9-0, hiện nay thông dụng khắp thế giới, là nguyên thủy của người Á-Rập (Arabes), cho nên gọi là « Con số Á-Rập ». Xem bản dưới đây, bạn thấy sự biến hóa của chữ Á-Rập từ trước tới nay.

CHỮ SỐ
ĐÔNG A-RAP: I P K O Q V A 9 0

TÂY A-RAP: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

THẾ KỶ XII: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

THẾ KỶ XIII: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

Thế kỷ thứ X, giáo hoàng Sylvestre II, giáo hoàng người Pháp đầu tiên, đem lối chữ số Á-Rập vào Âu-Châu, rồi từ đó, mỗi xứ thay đổi một đôi nét cho hợp với văn tự địa phương, mãi cho đến thế kỷ XIV thì lối viết chữ số Á-Rập được dần dần thống nhất thành như ngày nay.
Còn người La-Mã thì dùng 7 chữ cái này làm chữ số góc:

I : 1 C : 100
V : 5 D : 500
X : 10 M : 1000

L : 50
Rồi theo đó mà thêm bên phải hay bên trái để thành các số khác. Thí dụ :

I : 1, thêm bên mặt là cộng vào.

II : 2 »

III : 3 »

IV : 4, thêm bên trái là trừ (V-I)

V : 5 »

VI : 6 (V + I)

VII : 7 (V + II)

VIII : 8 (V + III)

IX : 9 (X - I)

X : 10

1959 : MCMLIX

(M : 100)

(CM : 1000 - 100 : 900)

(L : 50)

(IX : 10 - 1 : 9)

Chữ số La-Mã hiện nay vẫn còn thông dụng để chỉ năm chương sách hoặc ghi các đề mục v.v.:

40 : XL 110 : CX

60 : LX 190 : CXC

70 : LXX 200 : CC

90 : XC 520 : DL v.v...

- ★ **Bạn Nguyễn văn Tư — Cảnh sát — Kiến Tường.**
Bạn nên viết thư hỏi mua quyền sách ấy ở các hiệu sách lớn. Đây là tòa soạn PHỒ-THÔNG chứ không phải nhà sách.

- ★ **Cô Phạm thị Ngọc Hân — đường Phan thanh Giản — Phong — Dinh.**

Chương trình học đề thi T.H.Đ.N.C năm 1960, bộ Quốc gia Giáo Dục có ấn định rõ ràng và sẽ đem áp dụng trong niên khóa 1959-1960.

- ★ **Bạn Trọng Lam — Huế.**
Bản thảo « Tình nghèo » hiện trong tòa soạn Phồ-Thông không có. Có lẽ lâu rồi bị thất lạc đâu chăng?

- ★ **Bạn Lương trọng Minh — Sinh viên — Huế.**

Ông N.V thành thật cảm ơn bạn đã tặng ông bài thơ « Phượng rơi ».

- ★ **Bạn Huỳnh thanh Tông — Long Xuyên**
Rất tiếc mục « Giới thiệu văn nghệ sĩ » đã ngưng từ lâu
- ★ **Bạn Minh Kha — Sài Gòn.**
Chúng tôi sẽ lưu ý đến lời đề nghị của Bạn.

BẠCH - YẾN.

TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

- ★ **Cô Trần thị Cẩm Nhung — Nữ sinh Gia Long.**
1) Ngày 4-5-1939 dương lịch, tức là ngày 15-3-1939 âm lịch, ngày Tân Sửu, Tháng Mậu Thìn, năm Kỷ Mão.
2) Ngày 17-2-1941 tức là ngày 22-1-1941 âm lịch ngày Bình thân, tháng canh dần, năm Tân Ty.
3) Ngày 24-12-1942 tức là ngày 17-11-42 âm lịch. Ngày Tân Hợi, tháng Nhâm Tý, năm Nhâm Ngọ
- ★ **Ông Phan Thái Bường — 40 Ngô Quyền — Mỹ Tho**
Ngày 23 tháng 5 âm lịch năm Mậu dần tức là ngày thứ hai (Lundi) 20 tháng 6 dương lịch năm 1938 và 23 tháng 6 năm ấy là ngày thứ tư (mercredi) 20 tháng 7 dương lịch 1938
- ★ **Ông Phan Ngọc Dung — Quận Triệu Phong — Quảng Trị**
Ngày 23 tháng 5 dương lịch 1945 tức là ngày nhâm thìn tháng Tân Tị, âm lịch năm Ất Dậu (ngày 12 tháng 4).
- ★ **Ông Trần Quang Bình — Building II — đường Phan đình Phùng — Saigon.**
Ngày 22-9 năm Canh Tuất tức là ngày thứ hai 24-10-1910 dương lịch.
- ★ **Một độc giả không đề tên và địa chỉ :**
Ngày 15-1 Canh tuất (1910) tức là ngày thứ năm 24-2-1910
9-5 Mậu ngọ (1798) = Vendredi 22 juin 1798.
17-5 Bình ngọ (1906) = Vendredi 8 juillet 1906.
11-9 Bình dần (1746) = Mardi 25 Octobre 1746
25-12 Quý hợi (1804) = Mardi 6 Février 1804
6-3 Nhâm dần (1898) = ?
21-1 Nhâm thân (1872) = Samedi 29 Février 1872l

27-7 Canh Tuất (1790) = Mercredi 5 Septembre 1790.
1-11 Mậu Tuất (1778) = Samedi 19 Décembre 1778.
19-11 Đinh Dậu (1777) = Jeudi 18 Décembre 1777.
6-3 Nhâm Dần (1902) = Dimanche 13 Avril 1902.
6-3 Mậu Tuất (1898) = Dimanche 27 Mars 1898.
Năm Nhâm Dần là 1902 chứ không phải Mậu Tuất (1898).

- ★ **Ông Trần quốc Trân — Kiến Phong.**
Ngày 17 tháng 11 âm lịch năm Bình Dần tức là ngày Chúa nhật 21 Décembre 1926.
- ★ **Ông Hồ minh Hoan — Trung đội quân y. — k. b. c. 4.734.**
1) Ngày 11 Avril 1930 dương lịch nhằm ngày 13 tháng 3 âm lịch ngày Tân Mão, tháng Canh Thìn, năm Canh Ngọ.
2) Ngày 1 Aoat 1935 dương lịch = 3 tháng 7 âm lịch.
3) Ngày 12 Aoat 1955 = ngày 25 tháng 6 dương lịch năm Ất Mùi ngày Ất Ty, tháng Nhâm Ngọ.
- ★ **Bạn Trúc Anh Tâm — Long Xuyên.**
Ngày 24 tháng 12 âm lịch năm Kỷ Mão nhằm ngày Thứ năm 1er Février 1940
- ★ **Bạn Nguyễn khắc Chương — Saigon.**
Ngày 26-6-1938 tức là ngày 29-5 âm lịch, ngày Kỷ Sửu, tháng Mậu Ngọ, năm Mậu dần. 5 giờ sáng tức cuối giờ dần sang giờ mào.
- ★ **Ông Trần thái Xương — Cư xá Thái lập Thành — Phú Nhuận.**
Ngày 17 tháng 7 âm lịch tức ngày 31-8-1939 dương lịch năm Kỷ mào, ngày canh Tý, tháng Nhâm thân.
- ★ **Một độc giả — k.b.c. 3.318**
Ngày 23-2-1934 dương lịch tức ngày 10 tháng giêng âm lịch tháng Bình dần năm Giáp Tuất,
- ★ **Ông Đại Tinh — T.S.Q. — k.b.c. 4437**
1. Ngày 2-4-1941 dương lịch tức là ngày 6-3 âm lịch, tuổi Ty.
Ngày 8-5-1939 tức là ngày 19-3 âm lịch năm Kỷ mào.
- ★ **Ông Trần nhật Nguyệt — Phan thiết.**
Ngày 19 tháng 10 năm Giáp thân nhằm ngày thứ hai 4-12-1944.
- ★ **Bạn N H T N L — Đệ tam b — Vũng tàu,**
Ngày 10-12 năm Canh thìn âm lịch tức ngày thứ ba 7-1-1941 dương lịch.

★ Ông Mạc Cửu — Phan Thiết
Ngày 24-1 năm Tân Mùi nhằm ngày thứ năm 12 Mars 1931
đương lịch.

NGUYỄN TRIỆU

★
XIN CÁC BẠN LƯU Ý.

- ★ Tòa-soạn PHỒ - THÔNG đã dời đến địa chỉ mới :
283 đường GIA LONG Sài Gòn.—
Điện thoại 307 Sài Gòn.
- ★ Các Bạn thiếu PHỒ - THÔNG muốn mua cho đủ bộ, xin
gởi về tòa-soạn một số tiền bằng tem theo giá mỗi số báo
là 10đ. Riêng số xuân 25đ. Nhận được tem, chúng tôi
sẽ gởi Báo đến địa chỉ của các Bạn. Xin nhớ biên địa
chỉ thật rõ. Thành thật cảm ơn.

Bạn đọc viết

HÒN ĐÁ VẼ BÙA !...

★ Của Ô. Châu - văn - Vãng
Công - Chánh K. T. M.

... Tôi chịu câu này lắm, (trong
bài vài trạng thái của Văn - học
V. N. hiện đại — P. T, số 12
trang 9) :

« Tư tưởng không phải như
hột đậu của bọn phù-thủy mà
dùng phép tiên truyền linh cho
nở ra thành một người lính. Nó
cũng không phải một cục đá vẽ
bùa để rồi đọc câu thần chú, sai
nó đi tới đi lui. » Tôi thành thật
hoan nghênh tư-tưởng rất thâm

thúy và thẳng thắn của ông.

THI SĨ VĂN SĨ

★ Của cô Thanh Tùng N. S
M. C.

... Chúng em yêu cầu ông thêm
(nhiều hơn nữa) về đời sống
của các bậc Thi-Sĩ Văn-sĩ hồi
tiền chiến. Ông nói rõ về Lý lịch
của họ (gia đình, quê quán, hồi
thiếu thời, v.v..) Sao ông không
dăng hình của các nhà Thi Văn
ấy? Ông cũng đừng quên nói
nhiều về đời sống của ông, và
dăng hình của ông nữa. Chúng
em rất mong đợi....»

Tòa soạn đáp : Tác giả loạt
bài này đã nói trước rằng ông
chỉ nói những điều ông biết thôi.
Rất tiếc, tại tòa soạn không có
tấm hình nào của các nhà Văn
nhà Thơ. Ông N. V. cũng không
có chụp hình.

★
LỊCH SỬ KHÔ KHAN

★ Của Ông Lê văn Chín. Cần
thơ

... Xin ông bỏ bớt những bài
khô khan về Lịch sử và Khoa
học, để thay vào những chuyện
ngắn thật hay...

★
MỸ - NHÂN LÀ... ÔNG
VUA.

★ Của bạn N... (học sinh
Đệ tam A — Trung học Kỹ-
thuật Cao Thắng — Saigon).

... Hôm thứ tư rồi 20-5-59.
tôi đã được nghe ông Giáo sư
Việt văn giảng « Mỹ-nhân » là
người đàn bà đẹp còn có một
nghĩa nữa là « Ông vua ».

Xin hỏi tại sao Mỹ - nhân
là Ông-vua-thì giáo sư bảo vì
thì vua đi có kiệu hoa và bốn
gọng vàng đẹp đẽ.

Xin ông Giám-Đốc vui lòng

chỉ giáo chỗ thắc mắc...

★
TÒA SOẠN TRẢ LỜI :

Mỹ nhân là người đàn bà đẹp,
không thể giảng nghĩa là ông
vua được.

★
THÁNG CHẠP

★ Ô. Lương Tài (Kiến Hòa)

... Chữ « chap » theo chúng
tôi nghĩ nếu chẳng sai lầm, là
do chữ « lạp » mà ra thành
tháng chạp Lạp-nguyệt cuối năm
tuổi thầy tu v...v...

★
THI NHÂN VIỆT-NAM

★ Của Ô. Hoàng-Hà, giáo
sư Việt văn.

... Quyền « Thi nhân Việt-
Nam » với cái nhan đề rất kêu
như thế, có phải là một quyển
sách vô giá trị không?

Đây chúng tôi xin trình bày
quan điểm của chúng tôi, và
cũng là của phần đông những
người đã đọc quyển sách ấy.
Chúng tôi không muốn phê bình
những bài phê bình của ông
Hoài-Thanh. Chúng tôi chỉ nhận
thấy một điều lạ lùng trong
sách của ông Hoài-Thanh là

ông đã kể ra trên 40 ông thi-sĩ, mà trong đó có hơn phân nửa không ai biết tên tuổi. Nhiều ông chưa hề có bài thơ nào in thành sách hoặc đăng trên một tờ báo nào. Ông Hoài - Thanh giới thiệu các ông thi sĩ ấy với mấy câu là « những bài thơ trích sau đây rút trong tập "... chưa xuất bản ». Đến ngày nay những tập «.....» ấy cũng chưa thấy xuất bản và những cái tên Thi sĩ ấy cũng không nghe ai nói đến bao giờ. Phải chăng mấy ông là bạn của ông Hoài - Thanh ? Nếu thế thì ông Hoài - Thanh quả thật khinh thường độc giả chúng ta. Ông khinh thường luôn cả Văn học sử Việt-Nam nữa ?

Nhưng mặc dầu họ chưa xuất bản thơ, hoặc là chưa đăng thơ trên một tờ báo nào miễn thơ của họ hay là được. Nhưng

chúng ta đọc những bài thơ của họ mà ông Hoài-Thanh đã in trong sách ấy, không có bài nào gọi là hay cả.

Tôi không muốn kể tên hoặc trích thơ ra đây. Bạn nào có sách « Thi nhân Việt-Nam » cứ dở ra đọc thì thấy rõ. Lại có một người mà ông H.T. giới thiệu là một nhà chuyên viết kịch, bằng văn xuôi chứ « rất ít làm thơ ». Vậy mà ông cũng cho là « Thi-nhân Việt-Nam ». Trong sách ông H.T. còn có một số thi sĩ mà chúng tôi, và có lẽ cả các bạn, đều không bao giờ nghe tên hoặc thưởng thức thi văn trên một tờ báo nào. Ông H.T. cũng in hình, viết tiêu-sử, và giới thiệu là « Thi-nhân Việt-Nam ». Nếu làm sách « Thi-nhân Việt-Nam » như kiểu ông Hoài-Thanh thì trong bọn chúng ta ai không làm được một lô sách « Thi-nhân Việt-Nam » ?

In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon

Quản-lý NGUYỄN-VỸ

K. D. số 1371HĐKD ngày 19-6-1959

Thuốc ta hay thật

MỘT NGÀN ĐỒNG BẠC KHÔNG BẰNG 5 ĐỒ

CỤ
PHAN-BỘI-CHÂU
KHEN :

Ông Trần văn-Mới là nhà nhập cảng có tiếng ở số 50 đường Mạc đình Chi Saigon, vừa rồi ông bị bệnh Dời ăn. Thầy thuốc trị cho ông : chích thuốc, uống thuốc, cả tuần hơn ngàn bạc mà bệnh vẫn trở trờ. May nhờ người quen mách mua có 5 đồng bạc HUYNH LIÊN ở tiệm thuốc Bắc rồi mài với dầu dừa mà thoa thì khỏi ngay. Cũng như trường hợp của bà Võ-thị-Kiều sau đây, bà bị bệnh 15 năm mà uống có một hộp thuốc thì khỏi hẳn. Đây là lời bà thuật lại :

Tôi là Võ-thị-Kiều 55 tuổi, ở số 17 đường Tự-Đức Tây-Ninh bị bệnh tê-thấp, nhức 2 chân, giết

sáng đêm ngủ không được, nhiều khi tức tôi muốn tự vẫn. Còn thuốc thì lớp uống lớp chích đủ thứ, mà hơn 15 năm rồi vẫn vô hiệu quả.

Tôi mua thử một hộp thuốc 39 NGUYỄN-AN-CỬ về uống, đêm đầu tắm thuốc lại nhức thêm, tôi trì trí uống tiếp qua đêm thứ hai thì ngủ thật ngon, sáng ra ăn cơm thật ngon lại nhiều.

Lại thêm một chuyện bất ngờ : Vì cái môi trên của tôi lở đã ba năm nay, uống thuốc 39 trị nhức chân mà lại lành môi luôn, tôi hết sức mừng và từ một năm nay tôi không dứt thuốc này trong nhà

« Phương thánh đã dành nhờ võ. Tay thần há dễ nhẹ công pi. Đó là 2 câu thơ của Cụ Phan-Châu đề tặng THUỐC RƯỢU của Cụ Nguyễn-An-Cử.

Cụ Phan khen thuốc 39 là thuốc thánh. Mà thật quả vậy ! Thuốc 39 là phương thuốc trị bệnh tê bại nhức mỏi, tê thấp hay vô cùng !

Người có bệnh hệ gặp thuốc 39 thì khỏi ngay, đã hết tê bại nhức mỏi lại ăn ngon ngủ khỏe ; Cụ Nguyễn - Năng - Quốc - Tổng-đốc ở Thái-Bình cũng đã khen tặng thuốc 39 trị tê thấp hay tuyệt !

Mỗi hộp giá 20đ.

Các hiệu thuốc Ta, Tàu đều có bán và số 54 đường Công-Lý Saigon.

